Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

GIÁO DỤC VĂN HÓA GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TIỂU HỌC QUA MÔN TIẾNG VIỆT Ở MỘT SỐ TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN -

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

GIÁO DỤC VĂN HÓA GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TIỂU HỌC QUA MÔN TIẾNG VIỆT Ở MỘT SỐ TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

Chuyên ngành: Lý luận & Phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào.

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

LỜI CẢM ƠN

Bằng tấm lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi xin chân thành cảm ơn cô giáo TS. Đặng Thị Lệ Tâm đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến quý thầy cô đã tham gia giảng dạy và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập cũng như thời gian triển khai thực hiện đề tài.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Giáo viên và học sinh Trường Tiểu học Hóa Thượng - Huyện Đồng Hỷ- Thái Nguyên, Trường Tiểu học Tràng Xá - Huyện Võ Nhai -Thái Nguyên, Trường Tiểu học Đôn Phong
- Huyện Bạch Thông- Bắc Cạn, Trường Tiểu học Lương Hạ - Huyện Na Rì - Bắc Cạn, Trường Tiểu học Vân Nham - Huyện Hữu Lũng- Lạng Sơn, Trường Tiểu học Tân Thanh - Huyện Văn Lãng - Lạng Sơn đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thiện đề tài này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến bạn bè, đồng nghiệp và đặc biệt là những người thân trong gia đình đã luôn động viên, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn.

Mặc dù đã có rất nhiều cố gắng, song do thời gian nghiên cứu có hạn, kinh nghiệm nghiên cứu chưa nhiều, nên khó tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả kính mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của Hội đồng khoa học, quý thầy cô và các bạn đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn!

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN i
LỜI CẢM ƠN ii
MỤC LỤC iii
DANH MỤC BẢNG iv
DANH MỤC BIỂU ĐỒ v
MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Lịch sử vấn đề 3
3. Mục đích nghiên cứu 10
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu 10
5. Cách tiếp cận 10
6. Phương pháp nghiên cứu 10
7. Đóng góp mới của luận văn 11
8. Cấu trúc của luận văn 11
Chương 1: LÍ LUẬN VỀ GIÁO DỤC VĂN HÓA GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TIỂU HỌC QUA MÔN TIẾNG VIỆT 12
1.1. Khái niệm cơ bản của đề tài 12
1.1.1. Văn hóa 12
1.1.2. Văn hóa giao tiếp 13
1.1.3. Giáo dục văn hóa giao tiếp 14
1.1.4. Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học 17
1.2. Vai trò của giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học 18
1.2.1. Giáo dục văn hóa giao tiếp với việc hình thành nhân cách 18
1.2.2. Giáo dục văn hóa giao tiếp tạo nên giá trị sống tích cực của HS 19
1.2.3. Giáo dục văn hóa giao tiếp giúp học sinh tạo lập các mối quan hệ trong cuộc sống 19

1.3. Những vấn đề cơ bản về giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh miền núi qua môn tiếng Việt 20
1.3.1. Đặc điểm học sinh miền núi phía Bắc 20
1.3.2. Môn Tiếng Việt trong chương trình giáo dục tiểu học 26
1.3.3. Khả năng giáo dục văn hóa giao tiếp trong môn Tiếng Việt ở tiểu học cho học sinh miền núi 27
1.3.4. Nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi trong chương trình Tiếng Việt 30
1.4. Vận dụng lí thuyết giao tiếp vào việc rèn kĩ năng giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học miền núi 34
1.5. Thực trạng giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc qua môn Tiếng Việt 37
1.5.1. Việc giảng dạy của giáo viên 37
1.5.2. Việc học tập của học sinh 40
1.5.3. Thực trạng giáo dục văn hóa giao tiếp ở gia đình và xã hội 42
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 45
Chương 2: CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC VĂN HÓA GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TIỂU HỌC MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUA MÔN TIẾNG VIỆT 46
2.1. Khai thác nội dung và lựa chọn các bài học phù hợp để tích hợp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc trong môn
tiếng Việt 46
2.1.1. Khai thác nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp 46
2.1.2. Lựa chọn các bài học phù hợp để tích hợp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc trong môn tiếng Việt 48
2.2. Quy trình tổ chức bài học có tích hợp nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc 57
2.3. Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực để giáo dục văn hóa giao

tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc 62
2.3.1. Phương pháp đóng vai 63
2.3.2. Phương pháp thảo luận nhóm 65
2.3.3. Phương pháp rèn luyện theo mẫu 67
2.3.4. Phương pháp phân tích tình huống giao tiếp 69
2.4. Tăng cường tổ chức các loại hình hoạt động nhằm mở rộng đối tượng, phạm vi, nội dung giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc 72
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 76
Chương 3: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM **77**
3.1. Mục đích thực nghiệm 77
3.2. Đối tượng và địa bàn thực nghiệm 77
3.3. Nội dung thực nghiệm 80
3.4. Phương pháp thực nghiệm 80
3.5. Kết quả thực nghiệm 86
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3 90
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ **91**
1. Kết luận 91
2. Kiến nghị 92
TÀI LIỆU THAM KHẢO **93**
PHỤ LỤC

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Hệ thống bài học và nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc 49

Bảng 3.1. Kết quả điểm kiểm tra ở các lớp thực nghiệm và các lớp đối chứng (Khối 2) 87

Bảng 3.2. Kết quả điểm kiểm tra ở các lớp thực nghiệm và các lớp đối chứng (Khối 4) 88

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: So sánh kết quả điểm kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng (Khối 2) 87

Biểu đồ 3.2: So sánh kết quả điểm kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng (Khối 4) 88

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Ngôn ngữ là một mặt của văn hóa, là nơi tàng trữ văn hóa và biểu hiện văn hóa của cá nhân, gia đình và của toàn xã hội. Ngôn ngữ và văn hóa, cụ thể là văn hóa giao tiếp - văn hóa ứng xử không thể tách rời nhau. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta đang sống trong một thế giới hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng. Công cuộc hội nhập và phát triển ấy đã tạo ra một "thế giới phẳng" khiến cho khoảng cách giữa các dân tộc, quốc gia và con người được rút ngắn lại rất nhiều, cử chỉ, cách xưng hô cũng ảnh hưởng, pha trộn nhau…khiến cho tính văn hóa, đạo đức trong ngôn ngữ giao tiếp ít nhiều bị ảnh hưởng.

1.2. Các nước phát triển trên thế giới đều quan tâm nghiên cứu vấn đề văn hóa giao tiếp và đưa nội dung này vào dạy học trong nhà trường từ tiểu học đến đại học. Xu hướng phát triển chung của giáo dục các nước tiên tiến là hướng đến việc hình thành các loại năng lực cho học sinh, trong đó giao tiếp có văn hóa là một năng lực quan trọng. Dạy học theo hướng phát triển năng lực chính là định hướng trong việc xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa, và dạy học trong lần cải cách sắp tới sau năm 2015 ở Việt Nam.

1.3. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt! Làm thế nào cho thế hệ trẻ nói và viết tốt, có ý thức, trình độ rồi đi đến thói quen nói và viết đúng tiếng Việt! Công việc này không đơn thuần là nhiệm vụ của ngành ngôn ngữ học mà là công việc của toàn dân. Làm tốt việc kế thừa và bảo tồn văn hóa ngôn ngữ của dân tộc phải đặt trên phạm vi toàn xã hội, nhưng quan trọng và nòng cốt nhất là nhà trường phổ thông, đặc biệt là nhà trường tiểu học - nơi đặt những "viên gạch" nền móng cho hệ thống giáo dục phổ thông và quan trọng hơn là sự hình thành và phát triển nhân cách con người sau này.

1.4. Môi trường xã hội thuộc phạm vi hoạt động của lứa tuổi học sinh tiểu học (6 - 11 tuổi) chủ yếu là gia đình và nhà trường. Ở gia đình, các em

thường giao tiếp với ông bà, cha mẹ, cô dì, chú bác, anh, chị, em…Ở trường, đối tượng giao tiếp của các em là thầy cô giáo, bác bảo vệ, các anh chị lớp trên, các bạn cùng học, các em lớp dưới…Dù giao tiếp ở gia đình hay nhà trường, nếu theo cách phân vai giao tiếp "*căn cứ vào mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau trong cặp vai*" (Nguyễn Như Ý) thì học sinh tiểu học thường là người ở vai dưới. Trong vai giao tiếp phổ biến của mình (người vai dưới nói với người ở vai trên), học sinh tiểu học cần lễ phép và cần biết sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để biểu thị thái độ lễ phép, lịch sự của mình.

1.5. Giáo dục kĩ năng sống nói chung và kĩ năng giao tiếp có văn hóa nói riêng trong nhà trường tiểu học không được tiến hành như một môn học hay một hoạt động giáo dục cụ thể mà được triển khai qua hai con đường cơ bản: (1) tích hợp thông qua dạy học các môn học trong chương trình giáo dục cấp học; (2) thực hiện giáo dục văn hóa giao tiếp qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Kết quả điều tra thực tiễn bước đầu cho thấy, có rất nhiều giáo viên lựa chọn giáo dục văn hóa giao tiếp qua dạy học các môn học phù hợp, trong đó có môn Tiếng Việt. Tuy nhiên, việc thực hiện giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học thông qua dạy học môn học này ở các trường tiểu học vẫn chưa thực sự được quan tâm và tiến hành chưa hiệu quả.

1.6. Đối với học sinh tiểu học ở một số tỉnh miền núi phía Bắc, việc giáo dục văn hóa giao tiếp còn nhiều khó khăn do điều kiện địa lí, kinh tế vùng miền, môi trường giao tiếp hẹp, do đặc điểm tâm sinh lí của học sinh dân tộc nên sự giao tiếp còn hạn chế. Đa số các em đều là con em các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, điều kiện kinh tế vô vùng thiếu thốn. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục và việc duy trì số lượng học sinh trên lớp. Ở khu vực miền núi phía Bắc nước ta, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, các em chủ yếu ở vùng núi cao, trung du, khí hậu khắc nghiệt, giao thông chưa phát triển. Đặc điểm thẳng thắn và thật thà cộng với khả năng diễn đạt bằng tiếng phổ thông còn hạn chế cho nên giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em là một

vấn đề cấp bách và cần thiết. Việc nghiên cứu cụ thể để đưa ra những giải pháp thích hợp cho sự phát triển đồng đều về con người giữa các vùng miền là vô cùng cần thiết, quan trọng.

Từ những lý do nêu trên, chúng tôi chọn đề tài: ***"Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam"*** nhằm giúp các em có một số kĩ năng giao tiếp cơ bản và có văn hóa trong cuộc sống góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như giáo dục nhân cách toàn diện cho các em.

2. Lịch sử vấn đề

Trên thế giới, vấn đề kĩ năng giao tiếp đã được các nhà nghiên cứu quan tâm từ rất lâu. Ngay từ những năm đầu tiên của giáo dục Xô viết, giáo dục hành vi văn hóa cho học sinh nói chung và giáo dục văn hóa giao tiếp nói riêng đã được xác định là một trong những nhiệm vụ sư phạm thực hành của trường Xô viết. Trong những năm của thập kỉ 70 trở lại đây, đi sâu nghiên cứu và công bố các tài liệu lý luận về vấn đề này có các tác giả U.C Marienco, B.M Kôrôtop, O.C Bogơdanova, V.I Petơrôva, I.A Đôrôkhop, U.A Asama…Trong các tác phẩm của mình, các tác giả đã chứng minh sự cần thiết phải giáo dục hành vi văn hóa cho học sinh, nhất là các học sinh nhỏ, đã phân tích mối liên hệ giữa giáo dục hành vi văn hóa và giáo dục kỉ luật tự giác cho học sinh, đã chỉ ra các con đường cơ bản giáo dục hành vi văn hóa và các quy tắc hành vi văn hóa cho từng lứa tuổi cùng với những lời khuyên về phương pháp giáo dục. Song chúng tôi chưa tìm thấy công trình nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề giáo dục giao tiếp có văn hóa cho học sinh và rèn luyện cho học sinh nói lời giao tiếp trong các dạng bài tập theo một quy trình cụ thể [40], [41], [42].

Ở Mỹ từ thập niên 60 của thế kỉ XX, kĩ năng giao tiếp đã là một trong những vấn đề nghiên cứu của ngôn ngữ học trong các chuyên đề về phân tích hội thoại với các tác giả đáng chú ý như Harvey Sack (1963), Schegloff, Jefferson (1973), Atkinson, Heritage (1984) [49].

Ở Anh, vấn đề kĩ năng giao tiếp được nghiên cứu khi phân tích diễn ngôn của trường phái Birmingham. Các tác giả tiêu biểu của trường phái này là Sinclair và Coulthard (1975) với công trình "***Hướng tới việc phân tích diễn ngôn"***. Công trình này đã miêu tả khá cụ thể mô hình các cuộc đối thoại giữa giáo viên và học sinh trong giờ học [43], [45].

Có thể nói cho đến nay, ngành ngôn ngữ học của hầu hết các nước trên thế giới đều nghiên cứu đến kĩ năng giao tiếp. Trong các kĩ năng giao tiếp, việc rèn luyện kĩ năng giao tiếp có văn hóa cho học sinh rất được các nước chú trọng. Ở nhiều nước, chương trình giáo dục từ bậc tiểu học đến đại học đều có những nội dung hướng tới mục tiêu rèn luyện năng lực giao tiếp cho học sinh. Với quan niệm tìm hiểu các thông tin về xây dựng chương trình giáo dục phổ thông của các nước có nền giáo dục phát triển cao và các nước tương đồng với Việt Nam là một yêu cầu tất yếu trong quá trình phát triển chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam, nhóm các tác giả của Viện Khoa học giáo dục Việt Nam đã nghiên cứu sâu về giáo dục phổ thông của các nước Phần Lan, California - Mĩ, Hàn Quốc, Malaysia, Liên bang Nga, Trung Quốc, đồng thời tham khảo các nghiên cứu về giáo dục của một số quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới. Qua đó cho thấy, ở các nước đều rất chú trọng rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp cho học sinh ngay từ bậc phổ thông.

Ở Hàn Quốc, một trong những mục tiêu của "Chương trình ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc năm 2007" là rèn luyện năng lực giao tiếp cho học sinh, để hướng tới các mục đích cụ thể như: học sinh có thể giới thiệu về bản thân bằng giọng nói rõ ràng trước mặt nhiều người; có thể nói chuyện qua điện thoại bằng cách tuân thủ theo những quy tắc nhất định; sử dụng các từ ngữ dùng để thể hiện sự ủng hộ/từ chối/hòa giải…lưu tâm đến tình huống/hoàn cảnh của người nghe; biết sử dụng các từ ngữ dùng để khen ngợi hoặc xin lỗi được dùng trong các mối quan hệ xã hội; nói những từ thể hiện sự ủng hộ, từ chối, hòa giải, quan

tâm đến tình huống của những người nghe; hay học cách bổ sung hoặc biện hộ/xin lỗi, nói bằng giọng điệu phù hợp với mỗi tình huống; có sự quan tâm đúng mức đến những câu trả lời của đối phương…[8].

Còn ở bang California - Mĩ, trẻ em ngay từ khi còn nhỏ đã rất tự tin trong việc trình bày bằng lời nói những suy nghĩ, ý tưởng của mình trước người khác bởi các em đã được rèn luyện kĩ năng nghe và nói ngay từ những năm học đầu tiên và kĩ năng nói có mặt ở 3 trong 4 yêu cầu cần đạt của các lớp bậc Tiểu học: chiến lược nghe và nói, nghe hiểu, tổ chức và trình bày, thực hành nói. Trong chiến lược nghe và nói vấn đề ngữ điệu lại được rất quan tâm và chú ý. Học sinh phải biết kết hợp lời nói, điệu bộ, cử chỉ, động tác với việc trình bày suy nghĩ, ý tưởng của mình [dẫn theo 28].

Đi vào nội dung cụ thể về thực hành rèn luyện văn hóa giao tiếp, bài báo ***"Học ứng xử ngay từ ghế nhà trường***" [3] của báo Lao động ngày 25 tháng 04 năm 2010 cho thấy ở một số nước trên thế giới, học cách ứng xử và sử dụng ngôn ngữ lịch sự khi giao tiếp đã được dạy ngay từ khi trẻ bắt đầu đến trường. Ngay từ năm 1998, Bộ hướng dẫn cộng đồng Australia đã phát hành bảng quy định "Những ứng xử văn minh" tại mọi trường học ở bang Queensland. Theo bản quy định này, các nhà trường quy định trẻ em phải biết tôn trọng giáo viên, yêu thương các học sinh khác và giao tiếp, cư xử có văn hóa. Tại Anh, mọi lớp học đều treo bảng quy định dạy ứng xử để giáo viên thường xuyên giảng dạy cho học sinh. Mọi học sinh được khuyến khích ứng dụng các quy định trong lớp học và cả sân chơi. Các trường học ở Anh còn có "***Ngày ứng xử văn minh"*** nhằm nâng cao ý thức cộng đồng vào chương trình giảng dạy cho học sinh. Các kĩ năng cơ bản như "không ngắt lời" và "chào hỏi" được đưa vào dạy ở mọi tình huống tại các cấp bậc tiểu học và các kĩ năng phức tạp hơn được phổ biến ở các cấp học cao hơn.

Hiện hàng trăm trường học tại Mỹ dùng chương trình Manners of the Hearts (Những ứng xử của trái tim) để giảng dạy cho học sinh. Theo đó, học

sinh phải tham gia 3 phần học về ứng xử hàng ngày (học cách cười, nói làm ơn, cảm ơn và xin lỗi…); kĩ năng giao tiếp (học cách giới thiệu ai đó, giao tiếp qua điện thoại và viết thư cảm ơn…) và kĩ năng trên bàn ăn (học cách xin phép đi qua ai đó, ngồi thẳng lưng, nói chuyện trong khi ăn và cách ăn uống…). Tại trường trung học Paxtonia ở Harrisburg, bang Pennsylvania (Mĩ), giáo viên yêu cầu học sinh đọc những quyển sách dạy ứng xử và yêu cầu các em đứng trước lớp trình bày cảm nghĩ của mình về cách ứng xử đó. Mọi học sinh của trường đều được yêu cầu gửi thư cảm ơn cho các giáo viên trong trường sau mỗi khóa học. Năm 2008, chính phủ Nhật Bản ứng dụng chương trình "***Dạy cách biết tôn trọng, yêu thương và hành vi ứng xử"*** tại hai trường tiểu học Suginami Dai và trung học Koenji nhằm tìm hiểu mức độ tác động của giáo dục Nhật Bản trong việc khuyến khích học sinh biết cách ứng xử trong xã hội, tôn trọng người khác và bảo vệ môi trường. Điều đó cho thấy, rèn cho trẻ cách cư xử văn minh lịch sự và sử dụng các ngôn ngữ để đạt hiệu quả giao tiếp đã được chương trình giáo dục các nước trên thế giới quan tâm từ nhiều năm nay và đã được hiện thực hóa bằng các nội dung cụ thể.

Tóm lại, có thể thấy, rất nhiều nước phát triển trên thế giới đã nghiên cứu và đưa nội dung dạy học rèn luyện kĩ năng giao tiếp nói chung và văn hóa giao tiếp nói riêng cho học sinh vào nhà trường và cũng có một số nước mặc dù không trực tiếp đề cập đến vấn đề giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh nhưng về bản chất chương trình môn học tương đương của các nước đã rất quan tâm tới việc rèn luyện kĩ năng giao tiếp, tạo ra nhiều cơ hội để người học phát triển kĩ năng này. Đây là một hướng đi hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với xu thế của thời đại.

Vậy Việt Nam sẽ tiếp cận xu thế tiến bộ này như thế nào, những nội dung rèn luyện kĩ năng giao tiếp nào sẽ phù hợp với những đặc điểm, những điều kiện cụ thể của nước ta trên các phương diện giáo dục, văn hóa, xã hội…và nhất là phù hợp với tâm sinh lý và hứng thú của từng đối tượng học

sinh. Đây là một khoảng trống khoa học cần được đi sâu nghiên cứu nhằm tháo gỡ phần nào những hạn chế trong thực trạng dạy học môn Văn - Tiếng Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay.

Trong lịch sử phát triển dân tộc của nước ta, vấn đề về giao tiếp đã được coi trọng, nó được coi là nền tảng, là một trong những tiêu chuẩn, thước đo đánh giá nhân cách, đạo đức của con người, là biểu hiện của nét đẹp văn hóa.

Ở Việt Nam, trong vấn đề nghiên cứu ngôn ngữ học nói chung và vấn đề tìm hiểu văn hóa giao tiếp nói riêng là một vấn đề còn nhiều mới mẻ, tuy nhiên nó cũng đang được quan tâm một cách đúng mực. Cụ thể là sự xuất hiện của các công trình nghiên cứu mang tính định hướng như: ***Nghi thức lời nói tiếng Việt*** của tác giả Hoàng Trọng Phiến (1992), ***Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt*** của tác giả Nguyễn Văn Khang (1996), ***Gián tiếp và lịch sự trong lời cầu khiến tiếng Việt*** của tác giả Vũ Thị Thanh Hương (1999), ***Tìm hiểu về bản sắc văn hóa Việt Nam*** của Trần Ngọc Thêm (2000), ***Giao tiếp và giao tiếp giao văn hóa*** của tác giả Nguyễn Quang (2002), ***Văn hóa giao tiếp trong nhà trường*** của tác giả Nguyễn Thị Kim Ngân (2012)…Các tài liệu này đã xác định được nghi thức giao tiếp, ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp và một số vấn đề liên quan, cũng như đã phác thảo được một số hướng tiếp cận văn hóa giao tiếp chủ yếu được đúc kết từ những quan sát dựa vào ngữ liệu tiếng Việt. Đó là những bước đi cơ bản cần có khi nghiên cứu về giao tiếp trong sự tương tác hội thoại dưới sự chi phối của một nền văn hóa. Mặc dù vậy, cho đến thời điểm này, chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu về vấn đề giáo dục văn hóa giao tiếp trong dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học, đặc biệt là học sinh ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

Những năm gần đây, chương trình dạy học môn Ngữ văn ở phổ thông đã có nhiều đổi mới đáng kể. Nội dung dạy học không còn quá thiên về cung cấp tri thức mà đã chú ý đến rèn kĩ năng sử dụng ngôn ngữ. Bên cạnh đó, vấn đề giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh đã bắt đầu được quan tâm nghiên cứu.

Điều này đã được thể chế hóa trong phần xác định mục tiêu *"rèn luyện, phát triển toàn diện các kĩ năng sử dụng ngôn ngữ cho học sinh"*. Tuy nhiên thực tế cho thấy, nội dung dạy học hướng tới việc rèn luyện kĩ năng giao tiếp bằng lời đã bắt đầu được thể hiện trong chương trình của bậc Tiểu học, từ bậc THCS đến bậc THPT nội dung này chưa thực sự được quan tâm.

Ở bậc Tiểu học, học sinh đã được học những nội dung khá cụ thể để biết rèn năng lực giao tiếp, được tiếp cận với phương pháp dạy học theo quan điểm giao tiếp để thực hiện nhiệm vụ này. Theo cấu trúc chương trình môn Tiếng Việt tiểu học, kĩ năng nói bao gồm tiểu kĩ năng: *sử dụng nghi thức lời nói, đặt và trả lời câu hỏi, thuật việc, kể chuyện, phát biểu thuyết trình*. Các kĩ năng này đều được rèn luyện cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5, theo những mức độ yêu cầu phù hợp với lứa tuổi. Theo đánh giá của các chuyên gia giáo dục thì nội dung rèn luyện năng lực giao tiếp trong chương trình Tiếng Việt ở bậc Tiểu học là rất phong phú, bước đầu tiếp cận được với xu thế chung của thế giới.

Vấn đề rèn luyện kĩ năng giao tiếp nói chung và văn hóa giao tiếp nói riêng cho học sinh tiểu học không chỉ được đề cập trong nội dung chương trình sách giáo khoa, mà bước đầu cũng đã thu hút được sự quan tâm của một số tác giả dưới góc độ luận bàn về kĩ năng giao tiếp và văn hóa giao tiếp cho học sinh. Năm 1995, tác giả Lưu Thu Thủy - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam - đã nghiên cứu ***Quy trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa với bạn cùng lứa tuổi cho học sinh lớp 4, lớp 5 trường tiểu học***. Tác giả đã nghiên cứu hành vi giao tiếp có văn hóa của học sinh dưới hai góc độ: Các nét tính cách bộc lộ qua giao tiếp và các kĩ năng giao tiếp của học sinh; thiết kế quy trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho học sinh lớp 4, lớp 5 trong phạm vi trường học. Tuy nhiên, luận án mới chỉ dừng lại nghiên cứu trên đối tượng là học sinh hai lớp cuối cấp, qua môn Đạo đức và như tác giả đã viết, do những khó khăn khách quan nên chỉ tiến hành nghiên cứu trên địa bàn nội và ngoại thành Hà Nội [29].

Có một số các công trình nghiên cứu mang tính định hướng về rèn luyện văn hóa giao tiếp cho học sinh ở nhiều khía cạnh nghi thức giao tiếp, nghi thức lời nói như: Phạm Thị Thành với bài "***Một vài nhận xét về văn hóa xưng hô của người Việt Nam"***; Nguyễn Như Ý với công trình "***Vai xã hội và ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp***"; Tạ Thị Thanh Tâm với bài "***Nghi thức giao tiếp và một vài cách tiếp cận"***; Đào Nguyên Phúc với bài "***Lịch sự trong đoạn thoại xin phép của tiếng Việt"***; Đỗ Việt Hùng với các bài viết "***Định hướng giáo dục ngôn ngữ*** (từ góc độ văn hóa ngôn từ", "Nhận thức giao tiếp hay văn hóa giao tiếp trong dạy học bản ngữ"); Nguyễn Phương Chi với bài "***Một số đặc điểm ngôn ngữ - văn hóa ứng xử của hành vi từ chối trong tiếng Việt (đối chiếu với tiếng Anh)"***…

Luận án ***Giáo dục kĩ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học nông thôn miền núi phía Bắc*** của tác giả Ngô Giang Nam đã đề cập đến vấn đề giáo dục kĩ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học nông thôn nhưng mới chỉ dừng lại ở vấn đề giáo dục kĩ năng giao tiếp mà chưa đề cập đến vấn đề giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh [20].

Nhìn chung, các tác phẩm và bài báo này đề cập đến vấn đề văn hóa giao tiếp của thanh thiếu niên nói chung và học sinh nói riêng từ những góc độ khác nhau, ở các mức độ khác nhau. Các tác giả đều có cùng những nhận định: học sinh Việt Nam còn nhút nhát, rụt rè, chưa tự tin khi nói trước đông người, khi nói thiếu sức thuyết phục do phong cách thể hiện, do lập luận, diễn đạt, còn yếu về kĩ năng giao tiếp…Tuy nhiên hầu hết các bài báo và tài liệu này đều mới đi vào nội dung giáo dục mà chưa đề cập đến phương pháp giáo dục và nhất là chưa đề cập đến vấn đề giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh. Nhưng do quỹ thời gian hạn hẹp nên chúng tôi mới chỉ khảo sát được một phần rất nhỏ của các công trình nghiên cứu về văn hóa giao tiếp, kĩ năng giao tiếp và nhất là công trình nghiên cứu về giao tiếp cho học sinh miền núi chưa có một nghiên cứu cụ thể, chi tiết nào về giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học một số tỉnh miền núi phía Bắc. Vấn đề nghiên cứu để giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em học sinh tiểu học nói

chung và học sinh miền núi nói riêng còn "bỏ ngỏ", chưa thấu đáo, triệt để. Vì vậy, nó cần được nghiên cứu, triển khai và quan tâm nhiều hơn nữa.

3. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn về giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học, đề tài đề xuất các biện pháp sư phạm giáo dục văn hóa giao tiếp qua môn Tiếng Việt cho học sinh, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nhân cách cho học sinh tiểu học hiện nay.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Các biện pháp sư phạm giáo dục văn hóa giao tiếp qua môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

Phạm vi nội dung: nghiên cứu cơ sở lí luận của việc giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học trong dạy học môn Tiếng Việt ở một số tỉnh miền núi phía Bắc.

Phạm vi khảo sát: Đề tài sẽ tiến hành khảo sát việc giáo dục văn hóa giao tiếp thông qua môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học của một số trường ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

5. Cách tiếp cận

Sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực để tạo điều kiện, cơ hội cho học sinh được thực hành trải nghiệm kĩ năng giao tiếp, văn hóa giao tiếp trong quá trình học tập.

5.1. Tiếp cận những cơ sở lí luận của vấn đề văn hóa giao tiếp trong dạy học môn Tiếng Việt .

5.2. Khảo sát thực trạng của việc dạy giao tiếp trong môn Tiếng Việt ở tiểu học.

5.3. Đề xuất một số biện pháp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa hệ thống lý luận của đề tài.

6.2. Phương pháp điều tra, quan sát nhằm thu thập thông tin về thực trạng giáo dục văn hóa giao tiếp cho HS tiểu học ở một số tỉnh miền núi phía Bắc.

6.3. Phương pháp so sánh, tổng hợp nhằm đưa ra những kết luận khoa học từ đó đề xuất một số biện pháp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

6.4. Phương pháp thống kê, phân loại; phương pháp thực nghiệm sư phạm.

7. Đóng góp mới của luận văn

Giúp trang bị cho các em một số kĩ năng giao tiếp cơ bản và thể hiện văn hóa giao tiếp trong cuộc sống.

Góp phần nâng cao năng lực cá nhân và chất lượng cuộc sống, tiến tới thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện nhân cách học sinh.

8. Cấu trúc của luận văn

Đề tài ngoài phần mở đầu, kết luận còn có nội dung chính là 3 chương:

Chương 1: Lý luận về giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học qua môn Tiếng Việt

Chương 2: Các biện pháp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc qua môn Tiếng Việt

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm

Chương 1
LÍ LUẬN VỀ GIÁO DỤC VĂN HÓA GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TIỂU HỌC QUA MÔN TIẾNG VIỆT

1.1. Khái niệm cơ bản của đề tài

1.1.1. Văn hóa

Văn hóa là khái niệm mang nội hàm rộng với rất nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Khi bàn về văn hóa, trong cuốn *Hồ Chí Minh toàn tập*, nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, năm 2000, tập 3, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với nhu cầu đời sống và đòi hỏi sự sinh tồn"*. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã toát lên cái nhìn toàn diện, sâu sắc về nguồn gốc lịch sử, sự biểu hiện của văn hóa trong lối sống và toàn bộ sinh hoạt của con người [19].

Văn hóa hiểu theo nghĩa rộng là tất cả những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử, là biểu hiện trình độ của xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

Văn hóa hiểu theo nghĩa hẹp là tổng thể những hệ thống biểu tượng chi phối cách ứng xử và giao tiếp của mỗi cộng đồng, khiến cộng đồng ấy có đặc thù riêng. Văn hóa bao gồm hệ thống những giá trị để đánh giá một sự việc, hiện tượng (đẹp hay xấu, đạo đức hay vô luân, phải hay trái, đúng hay sai…) theo cộng đồng ấy.

Theo *Đại từ điển tiếng Việt* của Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo, do Nguyễn Như Ý chủ biên, Nhà xuất bản Văn

hóa - Thông tin, xuất bản năm 1998, thì: *"Văn hóa là những giá trị vật chất, tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử"* [39].

Trong cuốn *Xã hội học Văn hóa* của Đoàn Văn Chúc, Viện Văn hóa và Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, xuất bản năm 1997, tác giả cho rằng: *Văn hóa - vô sở bất tại: Văn hóa - không nơi nào không có! Điều này cho thấy tất cả những sáng tạo của con người trên nền của thế giới tự nhiên là văn hóa; nơi nào có con người nơi đó có văn hóa* [10].

Trong cuốn *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, xuất bản năm 1996, PGS.TSKH Trần Ngọc Thêm cho rằng: *Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình* [27].

Trong cuốn *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt*, nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, xuất bản năm 2009, PGS.TS Nguyễn Hữu Đạt đưa ra định nghĩa về văn hóa: *Văn hóa là toàn bộ những sản phẩm vật chất và tinh thần do con người sáng tạo hoặc tái tạo lại từ tự nhiên và từ trong quá khứ* [12].

Trên đây là một số định nghĩa tiêu biểu về văn hóa, mỗi định nghĩa phản ánh một cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau, chúng tôi lấy khái niệm văn hóa của PGS.TS Nguyễn Hữu Đạt làm cơ sở nghiên cứu.

1.1.2. Văn hóa giao tiếp

Văn hóa giao tiếp là một bộ phận trong tổng thể văn hóa nhằm chỉ quan hệ giao tiếp có văn hóa của mỗi người trong xã hội (giao tiếp một cách lịch sự, thái độ thân thiện, cởi mở, chân thành, thể hiện sự tôn trọng nhau), là tổ hợp của các thành tố: lời nói, cử chỉ, hành vi, thái độ, cách ứng xử…

Ngay từ khi con người mới sinh ra, họ đã có nhu cầu giao tiếp để thỏa mãn những yêu cầu của bản thân. Một đứa trẻ vừa chào đời sẽ cất tiếng khóc. Đây có lẽ là sự giao tiếp đầu tiên khi đứa trẻ đó sinh ra.Chính con người làm xuất hiện, duy trì, phát triển giao tiếp và trở thành sản phẩm của giao tiếp. Nhờ có giao tiếp, con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội, lĩnh vực văn hóa

xã hội, chuẩn mực xã hội đồng thời thông qua giao tiếp, con người đóng góp năng lực của mình vào kho tàng chung của nhân loại.

Từ quá trình giao tiếp, con người sẽ có cách nhìn nhận về nhau, hiểu ý nhau, nên từ đó mỗi người sẽ tự điều chỉnh, điều khiển nhận thức, hành vi của mình để phù hợp với những quy phạm đạo đức, chuẩn mực xã hội, các quan hệ xã hội. Song song với hoạt động giao tiếp, con người sẽ tự động tiếp thu tri thức về nền văn hóa, xã hội, lịch sử và chuyển hóa chúng thành kinh nghiệm, vốn sống cho bản thân. Kinh nghiệm của cá nhân tạo thành và phát triển chính trong đời sống tâm lí, góp phần vào sự phát triển xã hội. Không có sự giao tiếp giữa người với người, với mọi người xung quanh thì chúng ta không biết cư xử sao cho đúng mực. Chẳng hạn như một em học sinh đầu cấp tiểu học, tuy còn nhỏ nhưng em đã được học tập tại trường, giao tiếp với cha mẹ, thầy cô, bạn bè xung quanh trường lớp của em vì thế em học hỏi được nhiều thứ: em biết mình cần phải chào hỏi lễ phép khi gặp thầy cô, cha mẹ, ông bà hay người lớn tuổi; đến trường em phải biết gọi "bạn" xưng "tôi" với những người bạn đồng trang lứa; về nhà em biết mình phải vâng lời người lớn trong gia đình, nghe lời thầy cô giáo khi học ở trường…

Văn hóa giao tiếp là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách. Văn hóa giao tiếp đã, đang và chắc chắn sẽ trở thành công cụ thiết yếu trong cuộc sống con người; là một loại nghệ thuật mà ai phác họa được nhiều nhất thì người đó sẽ sớm vươn tới thành công, nâng cao giá trị đích thực của bản thân, khẳng định vị trí của mình trong xã hội.

1.1.3. Giáo dục văn hóa giao tiếp

Giáo dục văn hóa giao tiếp là việc cần thiết và cấp bách, nhất là trong xã hội và môi trường giáo dục của chúng ta hiện nay. Nhìn xa hơn và xét trong một bối cảnh rộng hơn, văn hóa giao tiếp chỉ là một phương diện trong toàn bộ hoạt động giao tiếp của con người. Nhiệm vụ cơ bản của giáo dục là hình thành con người - giao tiếp, tức con người có năng lực giao tiếp bao gồm giao tiếp với người khác và giao tiếp với chính mình. Cái gốc trong văn hóa giao tiếp của

con người - giao tiếp ấy chính là sự phong phú của đời sống tinh thần và những giá trị đạo đức mà mỗi cá nhân có được.

Ngày nay, chúng ta đang sống trong thời đại mà sự giao tiếp, thông cảm của con người với nhau đang đứng trước những thử thách rất lớn.

Giao tiếp có quan hệ chặt chẽ với giáo dục. Xét trên phương diện nào đó, giáo dục chính là giao tiếp. Không có giao tiếp thì không có giáo dục. Trong giáo dục ít nhất phải có hai cá thể khác nhau, trước khi muốn tác động hay giáo dục, hai cá thể này phải giao tiếp với nhau. Mức độ giao tiếp cũng như hiệu quả giao tiếp tùy thuộc vào từng hình thức giáo dục và tính chất của sự giao tiếp.

Giao tiếp không chỉ là hình thức, phương tiện mà còn là nội dung quan trọng của giáo dục

Trong quá trình hình thành con người và phát triển xã hội, nhân loại đã tích lũy một kho tàng phong phú những công cụ giao tiếp từ đơn giản đến phức tạp, những qui tắc ứng xử, xã giao trong đời sống hàng ngày cũng như trong nghi lễ. Đó là văn hóa giao tiếp của một cộng đồng hay của xã hội. Mỗi cá nhân lớn lên, muốn tồn tại và phát triển phải nắm được những công cụ, qui tắc ấy, hay nói cách khác - phải hiểu được "ngôn ngữ" giao tiếp của cộng đồng. Mức độ nắm bắt và sử dụng thành thạo những công cụ và qui tắc giúp phản ánh trình độ văn hóa giao tiếp hay tính chất văn hóa trong hành động giao tiếp của mỗi cá nhân.

Biết ăn nói, cư xử có văn hóa cũng là một hành vi thẩm mĩ, góp phần tạo nên vẻ đẹp, sự dễ mến của con người. Tuy nhiên, một hành vi giao tiếp có văn hóa ít nhiều phản ánh một nét nào đó thuộc về phẩm chất đạo đức của con người. Vì thế, người yêu chuộng cái đẹp, cư xử có văn hóa ít có khả năng làm điều ác, điều xấu là vì vậy!

Các phương tiện, hình thức giao tiếp như hệ thống kí hiệu, biểu trưng, hành vi phi ngôn ngữ, ngôn ngữ, nghệ thuật, internet là kết quả sáng tạo của

nhân loại, tạo thành vốn văn hóa giao tiếp của con người. Càng nắm được các phương tiện này con người càng có khả năng giao tiếp nhiều hơn, sâu hơn và rộng hơn.

Giáo dục ngôn ngữ cũng vậy. Bên cạnh hành vi phi ngôn ngữ, khả năng sử dụng ngôn ngữ là một tiêu chí quan trọng nói lên trình độ văn hóa giao tiếp của mỗi người. Hiện nay, sự xuống cấp của văn hóa giao tiếp bộc lộ rõ nhất trong việc sử dụng tiếng Việt. Nói tục, chửi thề là một chuyện, nhưng quan trọng hơn, một bộ phận khá lớn thanh thiếu niên không nắm vững tiếng mẹ đẻ, không có khả năng diễn đạt suy nghĩ của mình, từ cách viết một lá đơn xin phép đơn giản cho đến những văn bản phức tạp.

Tiếng nói là hồn của con người, ngôn ngữ là hồn của dân tộc. Không biết diễn tả điều mình cảm, mình nghĩ để người khác hiểu thì không thể giao lưu, thông cảm với cả thế giới. Việc dạy tiếng Việt trong nhà trường hiện nay cần đảm bảo: học sinh phải viết đúng cũng như có thể sử dụng tiếng Việt một cách thành thạo. Hiện nay, các trường học đôi khi dạy văn ưu tiên hơn dạy tiếng, dẫn đến tình trạng học sinh có thể có cảm xúc nhưng lại không biết cách diễn đạt. Thiết nghĩ văn phải bắt đầu từ tiếng, bắt đầu từ cái đúng rồi mới đến cái hay. Giáo dục kĩ năng giao tiếp cần bắt đầu từ kĩ năng nói đúng, viết đúng, rồi nâng dần lên thành nói hay, viết hay.

Giáo dục văn hóa giao tiếp nghĩa là giúp học sinh làm chủ các công cụ và hình thức giao tiếp cũng như biết ứng xử một cách có văn hóa trong những tình huống khác nhau là nhiệm vụ quan trọng của nhà trường. Tuy nhiên, đó chưa phải là tất cả. Cái chính là giúp các học sinh có khả năng giao tiếp với nhau, mà để có điều đó, ngoài văn hóa giao tiếp, học sinh phải được giáo dục về tâm lí giao tiếp, lối sống, quan niệm và những phẩm chất như sự chân thành, cởi mở, không ích kỉ, không khép kín, biết chấp nhận cái khác mình, chấp nhận đối thoại. Đây mới là "gốc" của sự giao tiếp. Những hình thức, cử chỉ văn hóa chỉ là cái mở đầu (*"Miếng trầu là đầu câu chuyện"*), còn cái chính,

cái cơ bản vẫn là tấm lòng có sẵn sàng đến với nhau, có xem người kia là bạn, có thể lắng nghe nhau hay không. Đúng là không có "miếng trầu" thì khó "bắt đầu câu chuyện" nhưng vào chuyện rồi mà nếu không nhường nhịn, cởi mở, không thành thật với nhau thì hai bên cũng không thể gặp nhau và mọi chuyện sẽ không thành.

Lời hay, cử chỉ đẹp là quan trọng, nhưng quan trọng hơn vẫn là cái tâm, tình yêu, sự chân thành. Không phải hễ có cái tâm là có ngay cử chỉ lịch sự - chính vì thế mới cần giáo dục văn hóa giao tiếp.

1.1.4. Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học

Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học là quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm giúp người học hình thành và rèn luyện các thao tác, hành động để trao đổi, tiếp nhận, xử lý thông tin bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong các mối quan hệ của học sinh ở gia đình, nhà trường, xã hội...

Khái niệm giáo dục được hiểu theo nghĩa rộng, hẹp khác nhau ở cấp độ xã hội và cấp độ nhà trường. Ở cấp độ nhà trường, khái niệm giáo dục hiểu là quá trình giáo dục tổng thể (dạy học và giáo dục theo nghĩa hẹp) được thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục. Đó là những hoạt động giáo dục mang tính mục đích, tính kế hoạch, có nội dung và chương trình, được tiến hành dưới vai trò chủ đạo của người giáo viên, học sinh tự giác, tích cực học tập, rèn luyện đạo đức, kỹ năng, hành vi thực hiện có hiệu quả mục đích, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

Nội dung giáo dục trong nhà trường đa dạng và phong phú bao gồm dạy học các môn văn hóa, tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tổ chức các hoạt động xã hội, sinh hoạt tập thể ... Một trong những phương tiện quan trọng để các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả cao đó là giao tiếp và giáo dục văn hóa giao tiếp, do đó muốn nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục thì cần phải giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học.

1.2. Vai trò của giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học

Thông qua giao tiếp, con người được tiếp nhận thông tin ...để biến nó thành tri thức, văn hóa giao tiếp của mỗi người. Giáo dục văn hóa giao tiếp giữ vai trò quan trọng bởi vì:

1.2.1. Giáo dục văn hóa giao tiếp với việc hình thành nhân cách

Việc vận dụng văn hóa giao tiếp vào trong cuộc sống của mỗi con người chính là năng lực vận dụng có hiệu quả những tri thức về giao tiếp, giúp cá nhân tạo dựng được chỗ đứng trong xã hội. Xét trong quan hệ liên nhân cách, nếu văn hóa giao tiếp tốt sẽ giúp cá nhân tạo dựng được hình ảnh tốt về bản thân và các mối quan hệ hợp tác tốt trong xã hội. Đối với lứa tuổi học sinh đang trong giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách thì văn hóa giao tiếp đóng vai trò quan trọng bởi nhờ có văn hóa giao tiếp các em học tập hiệu quả, nhờ có văn hóa giao tiếp các em tự tin tham gia vào hoạt động giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội, trải nghiệm bản thân.....

Như ta đã biết, giao tiếp là nhu cầu bậc cao của con người và là nhu cầu không thể thiếu của con người.Thông qua giao tiếp, con người mới hòa nhập vào cộng đồng, xã hội tạo ra các hoạt động xã hội.Từ đó, con người tự điều chỉnh bản thân mình để có thể hòa nhập theo các chuẩn mực xã hội, góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.

Trong cuộc sống, giao tiếp có văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng vì từ đó nó hình thành và hoàn thiện nhân cách con người, giúp con người có một vị thế nhất định trong xã hội. Đối với lứa tuổi học sinh đang trong giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách thì từ giao tiếp đến giao tiếp có văn hóa đóng vai trò vô cùng quan trọng bởi vì nhờ có giao tiếp các em tự tin tham gia vào các hoạt động của nhà trường, gia đình và xã hội, tự bản thân của chính các em. Vì vậy, nhà trường cần quan tâm giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em thông qua các kĩ năng như nghe, nói, đọc, viết; phải biết kết hợp lời nói, điệu bộ, cử chỉ, động tác với việc trình bày suy nghĩ, ý tưởng của mình…từ đó các em sẽ áp dụng vào thực tiễn một cách phù hợp.

Học sinh ở bậc tiểu học đang ở độ tuổi mới lớn, vì vậy giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em là một việc làm có ý nghĩa, giúp các em tự tin, mạnh dạn hơn trong mọi hoạt động. Trong các hoạt động này thì các em biết nói lời yêu cầu, đề nghị, nói lời cảm ơn, xin lỗi, biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng người khác; biết bày tỏ thái độ, quan điểm của mình trước những tình huống trong cuộc sống hàng ngày. Từ đó giúp các em tự tin hơn mạnh dạn hơn trong cuộc sống. Hình thành giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học ở một số tỉnh miền núi phía Bắc là nhằm trang bị cho các em những bước đầu về giao tiếp và làm thế nào để giao tiếp có văn hóa. Từ đây nhà trường, giáo viên cần có nhận thức đúng đắn và giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em sao cho có hiệu quả cao nhất.

1.2.2. Giáo dục văn hóa giao tiếp tạo nên giá trị sống tích cực của học sinh

Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học giữ vai trò rất to lớn trong việc bắt đầu tạo nên hệ giá trị sống cho các em, giúp các em thể hiện được giá trị của bản thân vào cuộc sống và từ đó, các em trưởng thành với một hệ giá trị tích cực bởi thành quả của quá trình giáo dục. Bên cạnh đó, việc giáo dục văn hóa giao tiếp còn xây dựng và tạo lên nét văn hóa trong nhà trường. Đó là văn hóa ứng xử và văn hóa giao tiếp.

Học sinh tiểu học đang ở lứa tuổi hình thành và phát triển nhân cách, vì vậy giáo dục giao tiếp có văn hóa lúc này là vô cùng quan trọng và cần thiết. Các em sẽ hình thành những hành vi văn hóa ứng xử, những giá trị sống tích cực; đó là giá trị đạo đức, giá trị thẩm mĩ, giá trị về lòng khoan dung, giá trị về trí tuệ, giá trị về sáng tạo…

Giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học sẽ giúp các em ngày một trưởng thành hơn và tạo nên những giá trị sống tích cực mà cuộc sống hiện đại luôn mở rộng cánh cửa để chào đón các em - những chủ nhân tương lai của đất nước.

1.2.3. Giáo dục văn hóa giao tiếp giúp học sinh tạo lập các mối quan hệ trong cuộc sống

Văn hóa giao tiếp ảnh hưởng trực tiếp tới việc thiết lập các mối quan hệ, đến công việc ở mọi lứa tuổi. Văn hóa giao tiếp tốt là một thế mạnh đối với bất

cứ ai trong công việc nói chung và đối với học sinh tiểu học trong học tập, rèn luyện nói riêng. Đối với lứa tuổi học trò, giao tiếp là phương tiện cho phép học sinh xây dựng cầu nối với bạn bè, với các nền văn hóa của nhân loại, với thầy cô giáo và với người khác, với chính bản thân mình, thuyết phục người khác chấp nhận ý kiến của các em để giải quyết các vấn đề học tập, rèn luyện và bày tỏ được nhu cầu của bản thân.

Trong cuộc sống con người luôn luôn có nhu cầu giao tiếp, nhất là giữa người với người với nhau để hoàn thiện dần nhân cách, để tạo lập các mối quan hệ xã hội nhất định, để khẳng định chính bản thân mình với xã hội. Nếu giao tiếp tốt nó sẽ tạo nên những mối quan hệ tốt đẹp và sẽ cảm thấy cuộc sống ngày càng được mở rộng, nâng cao. Nhưng đối với những học sinh tiểu học ở một số tỉnh miền núi phía Bắc thì phạm vi giao tiếp của các em thường hẹp hơn so với học sinh thành phố.

Ở các em, nhờ có giao tiếp mà biết cách bày tỏ thái độ và quan điểm trong quan hệ gia đình, nhà trường và xã hội. Lứa tuổi tiểu học còn nhỏ nên phải hướng dẫn các em biết rồi để thực hiện trong các mối quan hệ. Càng được giao tiếp nhiều các em càng tự tin và mạnh dạn.

Giao tiếp là một nội dung quan trọng của giáo dục và giáo dục đang thực hiện nội dung giao tiếp để giúp học sinh hình thành nhân cách, tiếp thu nó để có thể vận dụng vào các mối quan hệ xã hội và phục vụ xã hội. Do vậy, giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học có vai trò vô cùng quan trọng và cần phải được áp dụng và phổ biến rộng rãi trong nhà trường hiện nay.

1.3. Những vấn đề cơ bản về giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh miền núi qua môn tiếng Việt

1.3.1. Đặc điểm học sinh miền núi phía Bắc

1.3.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Vùng núi Việt Nam có số dân khoảng 25 triệu người, trong đó có hơn 10 triệu người dân tộc thiểu số, còn lại là người Kinh chuyển từ vùng đồng bằng lên miền núi để tăng cường cán bộ và phát triển các vùng kinh tế mới qua nhiều

giai đoạn và hình thức khác nhau. Trên các điều kiện sinh thái và dân cư đa dạng đó có thể sản xuất ra các sản phẩm phong phú về chủng loại có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, điều kiện địa hình phức tạp cũng là trở ngại lớn cho việc phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng đường sá, tiếp nhận thông tin, mở mang thị trường và thực hiện các chính sách chủ trương của Đảng và Chính phủ. Đối với miền núi Việt Nam cư dân sống bằng nông nghiệp chiếm tỷ lệ trên 90%. Vì vậy, phát triển nông nghiệp đóng vị trí hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội vùng núi. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách thể hiện những chủ trương đường lối cũng như những biện pháp cụ thể để phát triển nông nghiệp trong cả nước nói chung và miền núi, dân tộc thiểu số nói riêng.

Định hướng phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã được thực hiện từ năm 1986 và trong chính sách đã có nhiều điểm mới quan trọng như: phát triển kinh tế hàng hoá trên cơ sở lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương, từng dân tộc, dùng các sản phẩm hàng hoá trao đổi để giải quyết vấn đề lương thực, có chế độ khuyến khích đặc biệt như trợ giá cước vận chuyển, bao tiêu sản phẩm, v.v., cho một số vùng khó khăn. Kết quả thu được rất đáng khích lệ và có ý nghĩa lớn. Tuy nhiên, đối với miền núi, từ lâu đã mang nặng tính kinh tế tự cung tự cấp nay chuyển sang nền kinh tế hàng hoá theo cơ chế thị trường còn là một khoảng cách lớn.

Các ngành nghề ở đây gọi là nghề nhưng vẫn chưa thực sự có hàng hoá, chỉ mới bắt đầu vào nghề nhằm khai thác có hiệu quả các lợi thế về tự nhiên, phát huy tiềm năng con người sẵn có, tận dụng thời gian nông nhàn, dần dần đi vào kinh tế hàng hoá theo cơ chế thị trường. Qua các điểm nghiên cứu cho thấy hiện nay miền núi đang biểu lộ rõ nét về nguồn lao động chất lượng thấp. Các nghề truyền thống chưa phát triển, chưa tiếp thu được khoa học kỹ thuật tiên tiến, để dần dần đổi mới, nâng cao chất lượng lao động trong nghề. Các ngành nghề phi nông nghiệp đang phát triển một cách khó khăn, mà không có hoạt động này thì không thể tạo công ăn việc làm cho người lao động, không thể rút lao động ra khỏi nông nghiệp, giảm bớt áp lực dân số trong các hệ nông nghiệp.

Như vậy, giáo dục, đào tạo ở vùng sâu, vùng xa vẫn là những khó khăn lớn. Trước hết là ý thức về học tập của người dân, thứ hai là điều kiện để người đi học có thể thực hiện được và sau đó mới là điều kiện học tập, trường sở, v.v. ở vùng sâu, vùng xa, người dân tộc, thậm chí cả người Kinh ở nông thôn khi hỏi về nhu cầu học tập thì nhiều người cho rằng học chẳng để làm gì, mà tốn kém, mất việc, học về rồi cũng đi cày, đi nương, chẳng đi làm cán bộ được, vì vậy họ nhớ ngày đi nương hơn là ngày đi học. Điều kiện đối với người đi học quá ngặt nghèo, nhà ở xa trường, mặc dù không phải đóng học phí, nhưng đi lại vất vả, tốn nhiều thời gian, mất lao động. Trường học trong các thôn bản ở bậc tiểu học thì đang quá nghèo nàn và thiếu thốn.

Đảng và Nhà nước ta đã dành rất nhiều ưu đãi cho công cuộc phát triển miền núi, luôn luôn chăm lo đến lợi ích của người dân. Về kinh tế vẫn thuần nông, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, ngành nghề phi nông nghiệp kém phát triển, kết cấu hạ tầng tuy đã được cải thiện nhưng đang nghèo nàn, thu nhập đầu người quá thấp là thách thức lớn đối với miền núi.

Về xã hội, tỉ lệ đói nghèo cao, phân hoá xã hội, khoảng cách giữa người nghèo và người giàu lớn. Dân số tăng nhanh, dân trí thấp, chất lượng lao động không cao, văn hoá hụt hẫng, khi cái cũ bị xoá bỏ nhưng cái mới lại chưa hình thành là những trở ngại lớn trên con đường phát triển miền núi.

Nguồn lực con người miền núi phải được phát triển, vì bất cứ sự biến đổi thành công nào cũng phải phụ thuộc vào các nguồn lực con người. Có như thế mới đề ra được những chính sách đúng đắn và phù hợp với miền núi, và mới thực hiện được các chính sách một cách linh hoạt, mềm dẻo và có hiệu quả.

1.3.1.2. Đặc điểm tâm lí học sinh miền núi

Nghiên cứu quá trình nhận thức của học sinh là nghiên cứu sự vận động và phát triển của các biểu hiện tâm lý người dưới tác động của hoàn cảnh tự nhiên và xã hội, trong sự tiếp nhận và thích ứng của cá nhân. Trong quá trình học tập, sự biến đổi nhận thức của người học chịu sự tác động của các lực

lượng giáo dục, của nội dung, phương pháp và các hình thức dạy học, trong điều kiện dạy và học cụ thể, dưới ảnh hưởng của điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán, lối sống đã được hình thành ở học sinh. Như vậy, đặc điểm quá trình nhận thức của học sinh miền núi bao gồm những yếu tố đã ổn định và những yếu tố mới hình thành và phát triển trong quá trình dạy học và giáo dục.

Ở miền núi, các tổ chức xã hội, gia đình, trường học chưa tạo ra một bước chuyển tiếp rõ nét về mặt tâm lý đến trường cho học sinh cũng như việc tạo ra nhu cầu, hứng thú thích đi học. Việc huy động trẻ em đến trường trong độ tuổi là một sự cố gắng lớn của giáo dục miền núi. Các nét tâm lý như ý chí rèn luyện, óc quan sát, trí nhớ, tính kiên trì, tính kỷ luật. .. của học sinh miền núi chưa được chuẩn bị chu đáo.

Do sống từ nhỏ trong không gian rộng, tiếp xúc nhiều với thiên nhiên, nên nhận thức cảm tính của học sinh miền núi phát triển khá tốt. Cảm giác, tri giác của các em có những nét độc đáo, tuy nhiên còn thiếu toàn diện, cảm tính, mơ hồ, không thấy được bản chất của sự vật hiện tượng. Quá trình tri giác thường gắn với hành động trực tiếp, sờ mó, gắn với màu sắc hấp dẫn của sự vật đã tạo ra hưng phấn xúc cảm ở học sinh. Đối tượng tri giác của học sinh miền núi chủ yếu là sự vật thiên nhiên gần gũi. Nhờ vào việc tổ chức các hình thức học tập đa dạng như: tham quan, ngoại khoá, tăng cường cách dạy học trực quan... sẽ làm tăng hiểu biết cho học sinh, uốn nắn lệch lạc, tạo ra phương pháp nhận thức cảm tính tích cực làm tiền đề cho nhận thức ở mức độ chính xác hơn, cao hơn. Học sinh miền núi do từ nhỏ đã được tiếp xúc nhiều với thiên nhiên. Ngay từ lúc còn nhỏ tuổi các em đã phải đi rừng lấy củi, trồng ngô trên những sườn đồi cao cho nên kinh nghiệm của các em có phần cao hơn so với trình độ chung của lứa tuổi nhưng khả năng tư duy còn thấp so với yêu cầu. Tri thức, thói quen được hình thành bằng con đường kinh nghiệm nên ảnh hưởng đến quá trình hình thành tư duy của các em. Do kinh nghiệm nghèo nàn, nên tưởng tượng của học sinh miền núi còn mờ nhạt, thiếu sinh động. Đặc biệt, sự tác

động qua lại giữa quá trình nhận thức và sự phát triển ngôn ngữ của học sinh miền núi có một điểm cần hết sức lưu ý: ngôn ngữ phát triển thì quá trình nhận thức cũng phát triển và nó làm cho vốn ngôn ngữ càng phong phú thêm. Song đối với học sinh miền núi lại gặp khó khăn: trước khi các em đi học là dùng tiếng mẹ đẻ, quá trình nhận thức, tiếp thu tri thức lại diễn ra bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Như vậy, ở một góc độ nhất định, sự giao thoa ngôn ngữ tạo thuận lợi cho hoạt động nhận thức khi mà công cụ tư duy bị hạn chế.

1.3.1.3. Đặc điểm giao tiếp của học sinh miền núi

Trước khi đến trường, học sinh miền núi đã được tiếp xúc với cộng đồng dân tộc, tiếp thu truyền thống, phong tục tập quán của dân tộc mình. Môi trường giao tiếp hẹp, đối tượng giao tiếp chủ yếu trong gia đình, làng bản nhưng có sức hấp dẫn lớn đối với học sinh. Thông qua con đường giao tiếp tự nhiên, học sinh miền núi trao đổi thông tin, trao đổi tình cảm trong cuộc sống bằng phương tiện chủ yếu là tiếng mẹ đẻ. Các phương tiện giao tiếp khác hầu như hạn chế, do đó ngôn phong, cách nghĩ, hành vi của học sinh miền núi có những nét riêng. Trong giao tiếp, các em thiếu mềm mỏng, bộc lộ cảm xúc rõ rệt song thiếu kỹ năng định vị. Khi giao tiếp với người thân, với bạn là thẳng thắn, bình đẳng, lời nói ít quan tâm đến chủ ngữ, hay nói trống không, với giáo viên ít thưa gửi. Gặp người lạ các em khó tiếp xúc, ngại trao đổi, chủ yếu là tò mò quan sát. Kỹ năng định hướng trong giao tiếp chưa được hình thành chắc chắn. Mặc dù cư trú xen kẽ với nhiều dân tộc khác, tiếp xúc với nhiều nguồn ảnh hưởng, song không làm biến đổi lớn về phong cách giao tiếp của học sinh miền núi.

Quá trình học tập ở trường, học sinh được mở rộng tầm nhìn do môi trường mới đa dạng, phong phú về các hình thức tổ chức học tập: học trên lớp, ngoài lớp, hoạt động xã hội, trong và ngoài nhà trường, môi trường giao lưu ngày càng mở rộng. Cuộc sống, sinh hoạt của học sinh tại các trường có đa dạng hơn so với các trường phổ thông khác, như: quan hệ giáo viên - học sinh, quan hệ bạn - nhóm bạn (cùng nhóm, khác nhóm)... được trực tiếp hơn và quan

trọng là được định hướng sư phạm. Trong học tập và giao tiếp, cường độ tiếp xúc của học sinh cũng nhiều hơn.

Tính tích cực giao tiếp của học sinh miền núi chưa cao. Trong việc thiết lập quan hệ mới, học sinh miền núi gặp khó khăn, thiếu chủ động. Do đặc điểm nhận thức hạn chế, khả năng ngôn ngữ chi phối, đã hình thành cho học sinh miền núi thái độ giao tiếp thờ ơ (mặc dù bên trong khá tích cực), các em không biết sử dụng phối hợp giữa ngôn ngữ và cử chỉ, biểu cảm thái độ đúng lúc đúng chỗ. Trong học tập, học sinh miền núi còn bị động trong cách học, ngại trao đổi với bạn bè, với thầy cô, một phần do tính tính cực giao tiếp chi phối. Giữa nhu cầu nhận thức của học sinh miền núi với nhu cầu giao tiếp nhiều khi thiếu thống nhất. Học sinh miền núi mong muốn được đánh giá tốt, được khen nhưng ngại bộc lộ mình, ngại nói, ngại viết, thích mở rộng tầm nhìn, ham hiểu biết nhưng ngại suy nghĩ về các vấn đề trừu tượng.

Thông qua các dạng hoạt động như: hoạt động tự học, vui chơi, thể thao, văn hoá, lao động... học sinh miền núi được tiếp xúc với các phương tiện của xã hội văn minh, các em rất ham thích. Tuy nhiên, khả năng định hướng trong giao tiếp thiếu trọng tâm, biểu hiện ở hiện tượng nhiều em mải vui quên học, chỉ thích hoạt động bề nổi, ít chú trọng việc ứng dụng tri thức đã học vào các tình huống hoạt động. Như vậy, giữa khả năng giao tiếp của học sinh miền núi có quan hệ hữu cơ với trình độ nhận thức, với khả năng ngôn ngữ. Nhu cầu giao tiếp tích cực, chủ động mở rộng phạm vi giao tiếp phụ thuộc vào năng lực trí tuệ và động cơ.

Tóm lại, phạm vi giao tiếp của học sinh miền núi khi đi học đã được mở rộng; phương tiện giao tiếp chủ yếu của các em là tiếng phổ thông mặc dù tính tích cực giao tiếp chưa cao; khả năng giao tiếp và nhận thức, nhu cầu còn có mâu thuẫn. Giao tiếp của học sinh dân tộc miền núi đã được định hướng bởi mục đích, nội dung các hoạt động, phương thức giáo dục nhà trường. Từ những đặc điểm này, đòi hỏi cách thức tổ chức học tập cho học sinh miền núi phải đổi mới

cho phù hợp với nhu cầu đúng đắn của các em, tạo ra môi trường rèn luyện giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh.

1.3.2. Môn Tiếng Việt trong chương trình giáo dục tiểu học

Mục tiêu của môn Tiếng Việt ở trường tiểu học nhằm hình thành và phát triển ở học sinh các kĩ năng sử dụng tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi. Thông qua việc dạy và học Tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác của tư duy. Cung cấp cho học sinh những kiến thức sơ giản về Tiếng Việt và những hiểu biết sơ giản về xã hội, tự nhiên và con người, về văn hóa, văn học của Việt Nam và nước ngoài. Bồi dưỡng tình yêu Tiếng Việt và hình thành thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của Tiếng Việt, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng là phương tiện để nhận thức tư duy và giao tiếp. Trong các hoạt động này, mỗi người cần phải thực hiện được vai người phát tin (người nói, người viết) và cả vai người nhận tin (người nghe, người đọc). Do đó kĩ năng liên quan đến các hoạt động: nghe, nói, đọc,viết đều có vai trò quan trọng và đều cần rèn luyện để hoàn thiện. Khi học tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt, học sinh nói riêng và mỗi người nói chung đều đặt ra và suy nghĩ cân nhắc tới các vấn đề: nói, viết với ai? trong ngữ cảnh như thế nào?, nói, viết để làm gì?, cần nói viết như thế nào?...Đó là những vấn đề có vai trò quan trọng đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Ngôn ngữ gắn liền với nhận thức và tư duy, nó là công cụ để tiến hành để lưu trữ các kết quả, và để thể hiện các kết quả của nhận thức, tư duy. Do đó việc rèn luyện kĩ năng về ngôn ngữ cũng đồng thời rèn luyện kĩ năng về tư duy. Các Mác đã từng nhận định: “Ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư tưởng”. Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ tốt, chính xác mạch lạc là biểu hiện của trình độ nhận thức và tư duy được rõ ràng, chặt chẽ. Vì thế học tiếng Việt, hình thành và phát triển kĩ năng sử dụng tiếng Việt còn đồng thời phục vụ cho mục tiêu rèn luyện nâng cao nhận thức và thao tác tư duy.

Trong giao tiếp hàng ngày, học sinh có thể đã có một số hiểu biết tối thiểu về tiếng Việt, đảm bảo cho sự giao tiếp thông thường. Nhưng đó vẫn là những hiểu biết tản mạn, non trẻ, ít kinh nghiệm. Còn thông qua môn Tiếng Việt ở tiểu học thì học sinh sẽ hình thành và nâng cao dần những kiến thức khoa học có hệ thống về tiếng Việt, về sự hoạt động của nó trong khi thực hiện các chức năng chủ yếu: chức năng nhận thức, tư duy, chức năng giao tiếp, chức năng thẩm mĩ.

Kiến thức về tiếng Việt bao gồm nhiều phương diện như kiến thức về cơ cấu của các hệ thống ngữ âm, từ ngữ, ngữ pháp, từ vựng, phong cách. Mỗi hệ thống này lại gồm nhiều hệ thống nhỏ: cấu tạo tiếng, từ, nghĩa của từ, đặc điểm ngữ pháp của từ, đặc điểm về phong cách và phạm vi sử dụng của từ…Đó là những vấn đề liên quan đến việc sử dụng từ khi nói, khi viết, khi nghe, khi đọc…Để ngày một sử dụng tốt hơn tiếng Việt mỗi người không thể không có những kiến thức đó.

Tiếng Việt là một tài sản vô cùng quý báu mà ông cha, tổ tiên ta đã sáng tạo và phát triển trong suốt quá trình phát triển của dân tộc, của đất nước. Nhờ đó, đến nay tiếng Việt đã đạt tới sự giàu đẹp và trong sáng. Dạy học tiếng Việt và nâng cao trình độ sử dụng tiếng Việt còn nhằm mục đích tạo điều kiện tốt để lĩnh hội, tiếp nhận các kiến thức và kĩ năng thuộc các lĩnh vực khác, các bộ môn khoa học khác. Với sự nhìn nhận như vậy, môn Tiếng Việt vừa là môn học về một đối tượng vô cùng quan trọng trong cuộc sống của người Việt Nam, của xã hội Việt Nam, đồng thời cũng là môn học về công cụ dùng để chiếm lĩnh các giá trị nhận thức và ứng xử mà dân tộc Việt Nam nói riêng và nhân loại nói chung đã tích lũy.

1.3.3. Khả năng giáo dục văn hóa giao tiếp trong môn Tiếng Việt ở tiểu học cho học sinh miền núi

Giáo dục tiểu học là bậc học nền tảng, đặt cơ sở ban đầu cho hệ thống giáo dục phổ thông. Phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân

lực, phát triển nhân tài. Đào tạo những con người có kiến thức văn hoá, khoa học tự chủ, sáng tạo, yêu chủ nghĩa xã hội, sống lành mạnh, phát triển giáo dục là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mỗi môn học ở tiểu học có vị trí và vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách học sinh. Học sinh miền núi tư duy ngôn ngữ còn chậm phát triển nên việc giáo dục văn hóa giao tiếp qua các phân môn của môn Tiếng Việt là điều hết sức cần thiết.

Môn Tiếng Việt bao gồm các phân môn: Học vần, Tập đọc, Chính tả, Tập viết, Kể chuyện, Luyện từ và câu và Tập làm văn.

Kể chuyện ở Tiểu học ngoài mục đích giải trí, kích thích hứng thú học tập, bồi dưỡng tâm hồn, trau dồi vốn sống còn nhằm phát triển năng lực trí tuệ cho học sinh. Đồng thời mở rộng tích cực hoá vốn từ ngữ, phát triển tư duy, nâng cao hiểu biết về đời sống góp phần hình thành nhân cách con người mới. Tiết kể chuyện như tên gọi là đặc trưng kể chứ không phải đọc hay là giảng, là làm bài tập. Khi dạy người giáo viên phải biết hướng dẫn các em kể lại bằng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ. Biết vận dụng vào các tranh vẽ để nhớ lại nội dung từng đoạn của câu chuyện. Do kể chuyện có tính chất tổng hợp nên tiết kể chuyện yêu cầu các em rèn

+ Kỹ năng ghi nhớ.

+ Kỹ năng kể chuyện và kỹ năng nói trước đông người.

+ Kỹ năng đóng vai theo nội dung truyện.

Giờ Học vần không có tiết lí thuyết, vì vậy phương pháp giao tiếp cần được sử dụng thường xuyên. Điều này cũng phù hợp với định hướng giao tiếp của chương trình môn Tiếng Việt. Ví dụ: Hỏi về chủ đề luyện nói hoặc về nội dung câu chuyện đã nghe như: Em tên gì?/ Em mấy tuổi?/Em đang học lớp nào?/Cô giáo nào đang dạy em?...- Chủ đề bé tự giới thiệu, bài 41. Để hoạt động giao tiếp diễn ra thuận lợi và có hiệu quả, học sinh phải được quan sát vật thật hay việc làm mẫu của giáo viên để tiết học diễn ra sinh động, củng cố âm vần sâu sắc hơn.

Giờ học Tập viết yêu cầu học sinh tự nhận xét về chữ viết của mình và nhận xét về chữ viết của các bạn. Giáo viên cần tạo tình huống, nhu cầu nói viết cho học sinh để các em chủ động, hứng thú tham gia vào các hoạt động học tập.

Tiết Chính tả thì hình thức giao tiếp rất đa dạng bao gồm cả nghe, nói, đọc, viết nhưng thao tác viết được sử dụng thường xuyên nhất.

Giờ học Tập đọc thì giáo viên tổ chức các hoạt động trong giờ học sao cho mỗi học sinh trong lớp đều được đọc, được trao đổi nhận thức riêng với thầy cô, bạn bè, hướng dẫn học sinh đọc và học thuộc lòng.

Tiết dạy học Luyện từ và câu, giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng lí thuyết được học vào thực hiện nhiệm vụ của quá trình giao tiếp. Giáo viên có thể đặt học sinh vào một tình huống giao tiếp giả định để các em thực hiện các yêu cầu của bài tập.

Dạy học Tập làm văn thực chất là rèn luyện cho học sinh kĩ năng tạo lập lời nói trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Phân môn Tập làm văn khi dạy các nghi thức lời nói cũng đồng thời dạy cách cư xử đối với mọi người như sự lễ phép, lịch sự trong nói năng.

Như vậy, có thể đi đến kết luận rằng khả năng giao tiếp cho học sinh tiểu học được thể hiện rõ ràng qua phân môn Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu và Tập làm văn, giúp các em dần dần hình thành giao tiếp và giao tiếp có văn hóa.

Học sinh các lớp đầu bậc tiểu học là những học sinh nhỏ tuổi, vốn ngôn ngữ, vốn giao tiếp và vốn kinh nghiệm sống còn ít nên để có sự giao tiếp ngày một hoàn thiện thì các em phải có một quá trình học tập và rèn luyện. Trong giao tiếp thường biểu hiện bản lĩnh cá nhân, trình độ, khả năng giao tiếp, tính cách và cá tính của người nói. Học sinh tiểu học càng có hiểu biết thì các em sẽ càng mạnh dạn, tự tin khi nói và cũng nhờ đó mà lời nói của các em sẽ rõ ràng, rành mạch và dễ nghe hơn. Dạy học sinh tiểu học giao tiếp thì một bước nâng cao hơn nữa là từ đó giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em. Nên môn Tiếng Việt ở tiểu học giữ một vai trò đáng kể trong sự hình thành nhân cách của các em. Thái độ lễ phép, giao tiếp, ứng xử bằng lời nói lễ phép là những yêu cầu không thể thiếu đối với nhân cách của đứa trẻ. Ví dụ trong giao tiếp tiếng Việt,

nói trống không với người trên thường bị coi là vỗ lễ. Nên dùng từ để chỉ người hỏi, người được hỏi cũng là một chuẩn mực trong ứng xử ngôn ngữ.

Trẻ em trước lứa tuổi đến trường đã có vốn tiếng mẹ đẻ được tích lũy. Các em đã mang vốn sống ấy để tiếp tục học tiếng Việt ở trường phổ thông. Nội dung dạy học ở trường tiểu học không chỉ nhằm trang bị tri thức và kĩ năng mới cho học sinh mà còn giúp các em ý thức hóa, hệ thống và nâng cao những hiểu biết về tiếng Việt. Lúc này, nhà trường tiểu học trở thành môi trường giáo dục tốt nhất hướng dẫn trẻ phát triển vốn từ, mở mang hiểu biết về văn hóa giao tiếp và hoàn thiện nhân cách.

1.3.4. Nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi trong chương trình Tiếng Việt

Nội dung rèn luyện kĩ năng giao tiếp được thực hiện trong các bài học của môn Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5: Luyện nói theo chủ đề; Luyện nói trong các tình huống giao tiếp thông thường.

Nội dung dạy học trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học thực hiện quan điểm dạy giao tiếp theo hướng tích hợp nội dung và kỹ năng, với yêu cầu tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh. Đây là điều kiện thuận lợi để giúp học sinh tiểu học miền núi được rèn luyện và phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

Chương trình môn tiếng Việt ở tiểu học đã thể hiện rất rõ việc rèn kĩ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học. Nội dung dạy văn hóa giao tiếp được thể hiện nhiều nhất qua phân môn Tập đọc - Kể chuyện, Luyện từ và câu và Tập làm văn.

Ở lớp 1, trong phân môn Học vần, học sinh được rèn kĩ năng giao tiếp thông qua chủ đề có tranh minh họa và tình huống.

Ví dụ bài 48 [16, tr.99]: *Nói lời xin lỗi*

Trong phân môn Tập đọc, nội dung dạy giao tiếp được trình bày qua các bài tập sau phần ngữ liệu đọc và phần tìm hiểu bài đọc. Ví dụ:

Tập nói lời chào.

- Của bé với mẹ trước khi bé vào lớp
- Của bé với cô trước khi bé ra về. [17, tr.74]

Ví dụ trên cho thấy, học sinh thực hành giao tiếp theo mẫu câu cho trước. Ngoài ra, các nội dung giao tiếp đều có tranh minh họa kèm theo. Nhìn chung, dạy học giao tiếp ở lớp 1 tương đối đơn giản về nội dung. Số thời gian để luyện tập trong giờ học tương đối ít. Cụ thể mới chỉ có bốn bài luyện nói, luyện giao tiếp trong phần Học vần (bài 41, 48, 60, 86) và ba bài *Tập nói lời chào* ở các tuần 22, 24 và 32. Điều này thể hiện quan điểm của các nhà biên soạn là ở các lớp bậc đầu tiểu học nên ưu tiên cho kĩ năng đọc và viết. Hệ thống bài tập thực hành là tương đối hợp lí. Nó giúp học sinh từng bước hình thành giao tiếp thông thường, các đoạn hội thoại theo tình huống, các văn bản ngắn.

Ở lớp 2, nội dung giao tiếp của các em thể hiện nét văn hóa trong giao tiếp: chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, khẳng định, phủ định, mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị, chia vui, chia buồn, ngạc nhiên, tán thành, thán phục, từ chối. Nội dung dạy giao tiếp được thể hiện thông qua hệ thống bài tập Tập làm văn miệng. Kiểu bài rèn kĩ năng nói để hình thành kĩ năng giao tiếp chiếm số lượng lớn trong hệ thống bài tập theo tình huống giao tiếp, trả lời câu hỏi…

Ví dụ:

Nói lời cảm ơn của em trong những trường hợp sau:

a) Bạn cùng lớp cho em đi chung áo mưa.

b) Cô giáo cho em mượn quyển sách.

c) Em bé nhặt hộ em chiếc bút rơi. [30, tr.38] Nói lời xin lỗi của em trong những trường hợp sau:

a) Em lỡ bước, giẫm chân vào bạn.

b) Em mải chơi, quên làm việc mẹ đã dặn.

c) Em đùa nghịch, va phải một cụ già. [30, 38] Kiểu bài rèn kĩ năng viết:

Ghi lại lời mời của em:

a) Mời cô hiệu trưởng dự buổi họp chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 của lớp e.

b) Nhờ bạn khênh giúp cái ghế.

c) Đề nghị các bạn ở lại họp sao Nhi Đồng [30, 149].

Qua thống kê, khảo sát nội dung dạy học của phân môn Tập làm văn trong chương trình Tiếng Việt lớp 2, chúng ta nhận thấy: kĩ năng giao tiếp là nội dung chính, có mặt ở 24/35 tuần và nằm trong nội dung của 14/15 chủ điểm. Điều đó chứng tỏ kĩ năng giao tiếp giữ một vai trò quan trọng trong môn Tiếng Việt. Điều đó tạo điều kiện cho các em biết cách ứng xử vào những tình huống giao tiếp trong cuộc sống. Đồng thời, các bài tập đều được đưa ra dưới dạng thực hành giao tiếp với nhiều tình huống khác nhau làm cho tiết Tập làm văn không nhàm chán. Nội dung các tình huống này có lien quan trực tiếp đến đời sống sinh hoạt hàng ngày của học sinh, giúp các em có hứng thú hơn trong học tập.

Ở lớp 3: so với lớp 1 và lớp 2, nội dung dạy học giao tiếp ít hơn. Kiểu bài tổ chức cuộc họp là kiểu bài mới nhằm tăng tính thực hành của Tập làm văn, gắn với việc học với hoạt động thực tiễn, được học ở các tuần 5,7 và 31. Kiểu bài giới thiệu về trường, lớp và báo cáo hoạt động của tổ, lớp được dạy trong 4 tiết ở các tuần 14, 15, 20 và 27. Điều này hoàn toàn phù hợp vì đến lớp 3, học sinh được rèn kĩ năng đọc, viết và độc thoại nhiều hơn ở lớp 1, 2 để chuẩn bị bước vào giai đoạn sau của bậc học. Các bài luyện nói, giao tiếp được trình bày dưới dạng bài tập chủ yếu trong phân môn Tập làm văn với yêu cầu học sinh thực hành theo các nội dung, mục đích và tình huống giao tiếp cho trước để thực hiện đúng vai giao tiếp, dùng từ xưng hô và lời nói phù hợp trong gia đình, nhà trường…

Ví dụ: Hãy cùng các bạn trong tổ mình tổ chức một cuộc họp. Gợi ý nội dung họp: trao đổi về trách nhiệm của học sinh trong cộng đồng về:

- Tôn trọng luật đi đường.
- Bảo vệ của công.
- Giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn. [32, tr.61]

Lớp 4: Cũng giống như ở lớp 3, các bài luyện nói, luyện giao tiếp cho học sinh không nhiều những đã được nâng lên ở mức độ cao hơn với nội dung Giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi; khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị (phân môn Luyện từ và câu) và Luyện tập trao đổi ý kiến với người thân (phân môn Tập làm văn), phục vụ cuộc sống hàng ngày. Trao đổi ý kiến, thảo luận thực chất là các em đã thực hiện những hoạt động giao tiếp. Ở đây, học sinh phải xác định rõ mục đích của cuộc chuyện trò, biết dùng lời lẽ để thuyết phục người khác ủng hộ ý kiến của mình, dự tính được các lập luận phản bác, các câu hỏi của người hội thoại để chuẩn bị thông tin với lí lẽ nhằm thuyết phục. Như vậy rèn thêm cho các em năng lực giao tiếp và giao tiếp sao cho có hiệu quả từ đó giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em.

Ví dụ: Em có nguyện vọng học thêm một môn năng khiếu (họa, nhạc, võ thuật…). Trước khi nói với bố, mẹ, em muốn trao đổi với anh (chị) để anh (chị) hiểu và ủng hộ nguyện vọng của em. Hãy cùng bạn đóng vai em và anh (chị) để thực hiện cuộc trao đổi.(Tuần 9, trang 95)

Lớp 5: yêu cầu rèn kĩ năng nói thông qua các bài luyện nói đã được nâng cao hơn nữa cả về dung lượng, thời lượng với mục đích *Luyện tập thuyết trình, tranh luận,* biết dùng lời nói phù hợp với các quy tắc giao tiếp trong gia đình, lớp học, với thầy cô, bạn bè, nhất là trong các tình huống cụ thể.

Ví dụ: Hãy trình bày ý kiến của em nhằm thuyết phục mọi người thấy rõ sự cần thiết của cả trăng và đèn trong bài ca dao sau:

Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng
Đèn ra trước gió còn chăng, hỡi đèn?
Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn
Cớ sao trăng phải chịu luồn đám mây?
(Tuần 9, trang 94)

Việc nâng cao yêu cầu này cơ bản là hợp lí, càng lên lớp cao kĩ năng giao tiếp của các em càng phải cao hơn. Do đó yêu cầu các em ở lớp dưới phải

được thực hành các bài tập giao tiếp một cách thường xuyên để lên lớp cao hơn các em có thể dễ dàng giải quyết các bài tập hơn.

Kết quả khảo sát sách giáo khoa Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5 của chúng tôi cho thấy các kĩ năng giao tiếp đã có sự lặp lại và nâng cao, đã thể hiện tính hệ thống trong nội dung học tập, giúp học sinh từng bước rèn luyện kĩ năng giao tiếp và cao hơn nữa là giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em trong từng năm học. Nếu như việc rèn kĩ năng giao tiếp đặt nền móng văn hóa và cách ứng xử văn hóa cho học sinh thì việc rèn kĩ năng trình bày trong giao tiếp phục vụ đời sống và học tập, với cuộc sống hàng ngày. Đây là những đóng góp rất lớn của phân môn Tập làm văn trong việc hình thành nhân cách và bản lĩnh cho học sinh tiểu học. Những nội dung dạy học này được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày, gần gũi, phù hợp với nhu cầu giao tiếp của học sinh, giúp học sinh biết cách giao tiếp ứng xử trong nhiều tình huống của cuộc sống, trở thành những con người năng động, sáng tạo, hoàn thiện trong xã hội.

Như vậy, nhờ nhà trường, các em biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, an ủi, chia vui, chia buồn, yêu cầu, đề nghị, khẳng định, phủ định, từ chối một cách lịch sự, biết đáp lại một cách lịch sự lời cảm ơn, xin lỗi, an ủi, chia vui, chia buồn, yêu cầu, đề nghị…của người khác. Như vậy tức là các em đã thực hiện giao tiếp có văn hóa, góp phần hình thành nhân cách tốt đẹp cho các em.

1.4. Vận dụng lí thuyết giao tiếp vào việc rèn kĩ năng giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học miền núi

Lí thuyết giao tiếp cho rằng khi hai người gặp nhau và trò chuyện với nhau về một điều gì đấy thì giữa hai người đó đã diễn ra một hoạt động giao tiếp. Trong hoạt động giao tiếp, ta nhận thấy các ngôn bản được sản sinh. Đích của một ngôn bản thông thường là tác động về nhận thức, tác động về tình cảm, tác động về hành động. Hiệu quả của cuộc giao tiếp sẽ được đánh dấu bằng những đích giao tiếp đã đạt được đến chừng mực nào.

Ngôn bản có hai dạng: dạng nói và dạng viết. Dạng nói đòi hỏi phải dùng văn nói. Văn nói có một số điểm đáng lưu ý:

Cần sử dụng ngữ điệu để thể hiện nội dung. Sự thay đổi của ngữ điệu có tác động lớn đến việc lí giải nội dung thông tin để tiếp nhận được ở người nghe.

Có sử dụng những yếu tố phi ngôn ngữ hỗ trợ cho việc chuyển tải nội dung ngôn bản.

Trong hoạt động giao tiếp, có nhiều yếu tố ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc tổ chức, xây dựng ngôn bản. Nhân tố thứ nhất: những nhân vật tham gia quá trình giao tiếp, người nói, người nghe là những nhân vật giao tiếp. Nhân vật giao tiếp để lại nhiều dấu ấn trong việc lựa chọn nội dung và cách thức trình bày ngôn bản. Nhân tố thứ hai là mảng thực tế được nói tới trong ngôn bản. Người phát chọn nội dung nói nhưng phải tính tới nhu cầu, hứng thú, thói quen, sở thích của người nhận để lựa chọn, điều chỉnh nội dung nói sao cho có hiệu quả giao tiếp cao. Người nhận cũng phải có khả năng phân tích, lí giải ngôn bản tốt để tiếp nhận đúng nội dung được nghe. Muốn vậy, người nhận phải có vốn sống, vốn hiểu biết nhất định và thành thạo về ngôn ngữ. Nhân tố thứ ba để lại dấu ấn trong ngôn bản là hoàn cảnh giao tiếp. Hoàn cảnh giao tiếp rộng, hoàn cảnh giao tiếp hẹp đều ảnh hưởng tới quá trình và hiệu quả giao tiếp.

Các nhân tố giao tiếp có ảnh hưởng lớn tới việc xây dựng ngôn bản, vì vậy, khi tạo ngôn bản, người nói - người viết không thể không tính toán tới những nhân tố này. Giao tiếp thông qua một loạt hệ thống bài tập tình huống như ở Tập làm văn lớp 2 – được giả định phục vụ cho việc giao tiếp cũng phải tính tới các nhân tố giao tiếp: nội dung giao tiếp, đối tượng giao tiếp và hoàn cảnh giao tiếp.

Hội thoại là hoạt động giao tiếp bằng miệng giữa các nhân vật tham gia giao tiếp nhằm trao đổi thông tin hoặc trao đổi tư tưởng, tình cảm…theo một mục đích đã được đặt ra. Trong bất kì một cuộc hội thoại nào, người tham dự

đều ý thức được rằng mình đang nói chuyện với ai, nói chuyện về vấn đề gì, nói chuyện trong hoàn cảnh nào. Khi ý thức được rõ các nhân tố hội thoại, người tham gia giao tiếp tự điều chỉnh các lời nói của mình sao cho phù hợp, biết lúc nào nên chủ động tham gia hội thoại, biết lúc nào im lặng để nghe người khác nói và biết lúc nào nên kết thúc, chấm dứt cuộc hội thoại. Chính vì thế để giao tiếp có hiệu quả, bên cạnh việc nắm các quy tắc ngôn ngữ để xây dựng ngôn bản, chúng ta còn phải nắm quy tắc nói năng để chủ động tao ra những lời nói phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp miệng.

Ví dụ ở lớp 2 có nội dung dạy Tập làm văn nói theo nghi thức chính là bước đầu hướng dẫn các em nắm được các quy tắc nói năng trong hội thoại. Đó chính là sự hướng dẫn về sự hòa phối hội thoại giữa những người tham dự giao tiếp. Hòa phối hội thoại là việc đối tượng giao tiếp này phải có những hành động, cử chỉ, ngôn ngữ,…sao cho phù hợp, tương ứng với đối tượng kia và ngược lại. Không có sự hòa phối, hội thoại khó có thể tiến hành trọn vẹn được. Sự hòa phối trong hội thoại được thể hiện bằng hệ thống các lượt lời và bằng những yếu tố phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, động tác…

Ở đây giáo viên cần chú ý cho học sinh chuẩn bị tốt cho nội dung bài nói (dù dài hay ngắn); phải tạo ra được nhu cầu hội thoại cho học sinh, nghĩa là tạo ra các tình huống giả định trong học tập những vẫn chân thực, không gượng ép, khô cứng, vừa có sức lôi cuốn, hấp dẫn, kích thích được nhu cầu nói ở các em, phải tạo được hoàn cảnh giao tiếp tốt. Hoàn cảnh ở đây được hiểu là điều kiện lớp học trong thời điểm luyện nói. Điều kiện này bao gồm: không khí lớp học, nét mặt, cử chỉ của giáo viên, hoạt động nghe của học sinh, trật tự của lớp học và những hoạt động khác có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp tới việc giao tiếp của học sinh. Để giúp học sinh nói tốt trong những giờ Tập làm văn theo nghi thức, giáo viên nên lưu ý hướng dẫn học sinh khi nói cần hết sức bình tĩnh, tự tin để có thể đạt hiệu quả giao tiếp tốt; trong khi nói cần theo dõi diễn biến tâm lí, sự hứng thú của người nghe đối với bài nói của mình để có thể kịp thời điều

chỉnh cách nói hoặc một phần nào đó nội dung nói cho phù hợp với nhu cầu, đòi hỏi, hứng thú của người nghe; cần phải tôn trọng những nghi thức lời nói trong giao tiếp. Vấn đề văn hóa trong lời nói, trong giao tiếp là điều phải hết sức được tôn trọng trong quá trình hội thoại; ngữ điệu có ảnh hưởng lớn đến chất lượng của của bài nói. Tùy thuộc vào điều kiện giao tiếp cụ thể, người nói phỉa chọn giọng nói sao cho phù hợp với từng thời điểm nói; khi nói cần tránh lối nói như đọc thuộc lòng một bài văn; khi nói còn cần sử dụng kết hợp những yếu tố phi ngôn ngữ hỗ trợ như: nét mặt, ánh mắt, cử chỉ,…

Trong phân môn Tập làm văn lớp 2, được dạy nhằm rèn luyện cho học sinh các kĩ năng phục vụ học tập và giao tiếp hàng ngày như dạy các kĩ năng giao tiếp tối thiểu: chào hỏi, tự giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, nhờ cậy, yêu cầu, khẳng định, phủ định, tán thành, từ chối, chia vui, chia buồn,…để các em ứng xử và giao tiếp có văn hóa từ đó giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em.

1.5. Thực trạng giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc qua môn Tiếng Việt

1.5.1. Việc giảng dạy của giáo viên

Môn Tiếng Việt đã được đưa vào giảng dạy trong bậc học đầu tiên của chương trình dạy học phổ thông, trở thành bộ môn quan trọng giúp các em hình thành và phát triển kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng mẹ đẻ và cũng là điều kiện tiên quyết không thể thiếu để đánh giá trình độ nhận thức của mỗi em. Hiểu rõ tầm quan trọng ấy, đa số các giáo viên đã nắm được những phương pháp dạy học nhưng chỉ mới dừng ở lí thuyết căn bản chứ chưa có kĩ năng thuần thục và giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em . Cho nên chất lượng dạy học tiếng Việt chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Về nhận thức, phần lớn giáo viên thấy nội dung dạy học này phù hợp với quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt hiện nay, phù hợp với thực tế mà cuộc sống; bản thân giáo viên đã linh hoạt trong quá trình dạy học…Nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của dạy học theo hướng giáo dục

văn hóa giao tiếp cho học sinh trong trường tiểu học sẽ góp phần nâng cao chất lượng học nội dung này. Thực tế trong các tiết thi giáo viên giỏi, các tiết thao giảng, dự giờ…nhiều giáo viên chỉ chọn các tiết Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu để dạy mà không muốn chọn nội dung dạy học theo quan điểm giao tiếp trong phân môn Tập làm văn với lí do khó dạy và không biết dạy cái gì; các tài liệu hướng dẫn giảng dạy cũng như vốn ngôn ngữ giao tiếp của học sinh còn ít…

Về phương pháp dạy học, nhiều giáo viên đã có ý thức vận dụng các phương dạy học theo nguyên tắc giao tiếp để tạo cho học sinh một không khí học tập cởi mở, thân thiện, khiến học sinh muốn hào hứng tham gia phát biểu ý kiến, bày tỏ suy nghĩ, nhận xét, đánh giá của mình. Trong quá trình dạy học trên lớp, nhìn chung các giáo viên đã chú ý luyện cho học sinh kĩ năng giao tiếp. Các em được luyện nói từng câu, được xử lí từng tình huống cụ thể trong các bài tập hoặc trong đời sống, được đóng vai để qua đó các em được trải nghiệm và bộc lộ những kinh nghiệm giao tiếp của bản thân.Có rất nhiều tình huống, hoạt cảnh đã được học sinh thích thú, sôi nổi thảo luận, xây dựng kịch bản và hóa thân vào nhân vật, tránh được tình trạng nói viết lại hoặc mượn lời người khác làm lời của mình.

Nhưng trên thực tế dạy học ở trường tiểu học còn cho thấy việc rèn kĩ năng giao tiếp có văn hóa cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc còn bộc lộ những hạn chế cần được khắc phục.

Thứ nhất ở các trường vẫn còn có giáo viên chưa thực sự đổi mới phương pháp dạy học, chưa đáp ứng được yêu cầu của chương trình. Cách dạy của một số giáo viên còn đơn điệu, phụ thuộc máy móc vào sách giáo viên, hầu như ít sáng tạo, chưa sinh động, chưa cuốn hút được học sinh. Có rất nhiều giáo viên dạy học kĩ năng giao tiếp cho học sinh chủ yếu bằng phương pháp thuyết giảng, phân tích và làm mẫu, sau đó yêu cầu học sinh ghi nhớ, học thuộc và làm lại. Như vậy giáo viên chưa phát huy được tính tích cực của học sinh.

Thứ hai, có ít giáo viên làm phiếu bài tập nhưng phiếu học tập còn nghèo nàn về hình thức. Đa số giáo viên có ý thức chia nhóm khi có những tình huống giao tiếp phù hợp nhưng nhiều giáo viên chưa có biện pháp kiểm soát kết quả của học sinh khiến việc tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm chỉ mang tính hình thức, chưa hiệu quả.

Thứ ba, hội thoại là kĩ năng là nền tảng để rèn luyện kĩ năng tuy nhiên phần lớn giáo viên chưa nắm vững mục tiêu này. Sau mỗi bài tập hội thoại, học sinh mới chỉ được nhận xét, uốn nắn về kĩ năng diễn đạt lời nói mà chưa giáo dục về văn hóa giao tiếp cho học sinh.

Thứ tư, nhiều giáo viên chỉ dừng lại giúp học sinh hoàn thành nội dung bài tập trong *Vở bài tập tiếng Việt,* chưa gắn được việc học các kĩ năng giao tiếp trong chương trình với các cuộc hội thoại ngày thường để tạo cho học sinh thói quen giao tiếp có văn hóa. Cũng vì còn nhiều bỡ ngỡ, lúng túng, nhiều giáo viên chỉ mới cố gắng hoàn thành các tình huống mà sách giáo khoa đưa ra, chưa có giáo viên nào mạnh dạn sáng tạo các bài tập mới, các tình huống giao tiếp mới để sinh động, phong phú hóa hoạt động rèn luyện kĩ năng giao tiếp có văn hóa cho học sinh.

Việc rèn luyện kĩ năng sử dụng các yếu tố phù trợ như: điệu bộ, nét mặt, cử chỉ, ánh mắt…trong giao tiếp hầu như chưa được quan tâm. Chẳng hạn, khi nói lời chia vui thì nét mặt, ánh mắt phải khác gì với khi nói lời chia buồn, an ủi; hay khi nói lời cảm ơn thì phải thể hiện thái độ biết ơn…

Thứ năm, nội dung rèn luyện kĩ năng giao tiếp có văn hóa được thiết kế thành các bài tập tình huống. Vì vậy, giáo viên phải phân dạng, phải nắm được mục tiêu, đặc điểm của từng dạng bài tập để có phương pháp dạy học phù hợp tuy nhiên nhiều giáo viên chưa chú ý đến vấn đề này.

Thứ sáu, thực tế cũng cho thấy, chương trình được xây dựng theo quan điểm tích hợp nhưng rất ít giáo viên biết khai thác những nội dung có liên quan

của các phân môn như Tập đọc, Kể chuyện, Luyện từ và câu để dạy hội thoại cho học sinh.

Thứ bảy, nhiều giáo viên thực sự chưa quan tâm đến vấn đề dạy học sinh biết giao tiếp có văn hóa phù hợp với văn hóa Việt Nam, biết giao tiếp lịch sự, tế nhị, đạt hiệu quả cao.

1.5.2. Việc học tập của học sinh

Do đặc điểm tư duy và vốn ngôn ngữ, vốn sống nên học sinh tiểu học miền núi phía Bắc thường gặp nhiều khó khăn khi thực hành rèn luyện giao tiếp có văn hóa. Dựa vào các nhân tố giao tiếp và các quy tắc, yêu cầu của hội thoại, có thể thống kê một số nguyên nhân mắc lỗi về giao tiếp của các em như sau:

Lỗi không nắm được mục đích giao tiếp

Ví dụ 1: *Bạn nhỏ đi học về, khoe với bố:*

- *Hôm nay con được hai điểm mười bố ạ.*
- *Thế à? Điểm mười môn gì hả con?*
- *Một điểm mười vào buổi sáng và một điểm mười vào buổi chiều bố ạ.*

Trong lời trao của ví dụ này,trọng điểm giao tiếp thể hiện ở từ "môn gì". Người nghe phải lĩnh hội trọng điểm giao tiếp này để biết mục đích hỏi về tên môn học nhưng do không nắm được mục đích giao tiếp nên bạn nhỏ đã trả lời về thời gian chấm điểm. Vì vậy, lời nói không đúng với mục đích giao tiếp, cần sửa lại là: *"Con được điểm mười môn Toán và mười Tập viết bố ạ"*.

Ví dụ 2: bài tập *Nói lời đáp* của em trong mỗi trường hợp sau:

a. *Khi ông bà tặng quà, chúc mừng sinh nhật em.*

b. *Khi bố mẹ chúc mừng em được điểm mười.*

c. *Khi các bạn trong lớp chúc mừng em được đi dự trại hè học sinh giỏi toàn thành phố.*

Khi làm bài tập này, đại đa số học sinh đều đưa ra những câu nói: Cháu cảm ơn ông bà ạ/ Con cảm ơn bố mẹ/ Mình cảm ơn bạn. Như vậy, các em mới hiểu được, trong tình huống này cần nói lời cảm ơn và lời nói của các em đã

phù hợp với nhân vật giao tiếp nhưng chưa chú ý đến mục đích giao tiếp. Nếu được định hướng cụ thể trong bước phân tích tình huống thì học sinh còn thể hiện các lời nói phong phú và phù hợp hơn.

+ Cháu rất cảm ơn ông bà. Cháu xin hứa với ông bà sẽ chăm ngoan hơn để xứng đáng với niềm tin yêu của ông bà.

+ Con cảm ơn bố mẹ. Con sẽ cố gắng hơn nữa để có cả một chùm điểm 10 làm bố mẹ vui lòng.

+ Cảm ơn các bạn. Mình được thế này cũng là nhờ có sự giúp đỡ của các bạn đấy.

Lỗi không nắm được vai giao tiếp

Ví dụ 1: *Mẹ hỏi: - Đã học bài xong chưa con?*

- Chưa

Ví dụ 2: *Khi muốn xin tiền bố để quyên góp quỹ ủng hộ các học sinh nghèo, Dũng nói với bố:*

- Cho con tiền để ủng hộ cho các bạn học sinh nghèo.

Ví dụ 3: *Em gái của Tuấn làm ồn khi Tuấn đang học bài. Tuấn bảo em:*

- Im lặng cho người ta học bài.

Ở ví dụ thứ nhất, lời đáp của người con không phù hợp vì em bé không biết mình ở vai dưới nên trả lời chưa lễ phép với mẹ (nên sửa là: "*Con chưa học bài mẹ ạ*") Ở ví dụ thứ hai, Dũng đưa ra lời đề nghị với bố, vai trên lại không dùng từ xưng hô để gọi bố. Nên sửa là: *"Bố cho con tiền để ủng hộ các bạn học sinh nghèo, bố nhé!"* hoặc *"Bố có thể cho con tiền để ủng hộ các bạn học sinh nghèo được không ạ?*". Còn trong ví dụ 3, mặc dù nói với em gái ít tuổi hơn mình, lời nói đúng ngữ cảnh giao tiếp, nội dung giao tiếp nhưng lời nói của Tuấn đã vi phạm thể diện người giao tiếp.

Lỗi không nắm được hoàn cảnh giao tiếp

Ví dụ 1: trong bài tập *Tập nói những câu mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị đối với bạn: c) Bạn ngồi bên cạnh nói chuyện trong giờ học. Em yêu cầu (đề nghị) bạn giữ trật tự để nghe cô giáo giảng bài*. Các em đã đưa ra các câu nói như:

- *Nam ơi, đừng nói chuyện nữa, cô giáo đang giảng bài.*
- *Bạn giữ trật tự, chú ý nghe cô đang giảng bài kìa.*

Những câu nói này là đúng nhưng trong hoàn cảnh như bài tập đã nêu thì không phù hợp. Cô giáo đang giảng bài, cả lớp đang chú ý lắng nghe, nếu dùng những lời đề nghị như vậy quá dài, nên dùng những câu ngắn thì mới phù hợp và giao tiếp mới đạt hiệu quả cao.

Lỗi không nắm được nội dung giao tiếp

Ví dụ 1: *Bố bị thương vì bị ngã xe máy, đến hỏi thăm, an ủi bố, em sẽ lựa chọn câu nói nào với bố trong các câu sau:*

1. *Bố có bị đau lắm không? Vết thương sẽ khỏi nhanh thôi bố ạ!*
2. *Chiếc xe bị tróc sơn một chút thôi, bố đừng buồn.*

Ở bài tập này, các lời nói ở đáp án đều đúng vai giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp nhưng chỉ có một lời nói hay hơn vì hiệu quả giao tiếp cao hơn (an ủi). Em bé cần an ủi bố về vết thương chứ không phải về chuyện chiếc xe bị hỏng. Trong giao tiếp, có những lúc người nói đáp lời hoặc trao lời đúng nhưng chưa hay nên chưa đạt hiệu quả giao tiếp cao nên đòi hỏi phải có "nghệ thuật tương tác" khi giao tiếp và đạt hiệu quả giao tiếp và có văn hóa hơn.

Trước khi đến trường học sinh tiểu học đã có một số vốn từ nhất định để giao tiếp với những người trong gia đình và những người xung quanh, khả năng đó xuất phát từ nhu cầu giao tiếp của các em. Nhưng lúc đó các em chưa hiểu rõ mục đích hay cách sử dụng ngôn ngữ sao cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Việc xác định các lỗi giao tiếp trên sẽ giúp định hướng xây dựng các dạng bài tập cần thiết nhằm rèn kĩ năng giao tiếp có văn hóa cho học sinh.

1.5.3. Thực trạng giáo dục văn hóa giao tiếp ở gia đình và xã hội

Việc học sinh không thực hiện các chuẩn mực văn hóa khi giao tiếp do nhiều nguyên nhân: do nhận thức của học sinh, do ảnh hưởng của gia đình, nhà trường và xã hội. Song suy cho cùng thì nhận thức chưa đúng của học sinh cũng như những ảnh hưởng tiêu cực đến các em là hệ quả của giáo dục gia

đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội chưa tốt. Bên cạnh nguyên nhân từ phía nhà trường đã được phân tích ở trên, đối với học sinh tiểu học, giáo dục gia đình giữ một vai trò rất quan trọng.

Giáo dục gia đình là yếu tố quan trọng nhất trong việc hình thành nhân cách và văn hóa giao tiếp cho trẻ song tiếc thay, một số gia đình đã không làm tròn trách nhiệm giáo dục con em mình. Có gia đình, vì nhiều lí do khác nhau, chỉ lo nuôi con, còn khoán việc dạy dỗ, giáo dục con cho nhà trường và xã hội. Có gia đình rất quan tâm tới việc học văn hóa của con nhưng lại xao nhãng giáo dục các mặt khác. Có gia đình chỉ chú ý dạy bảo con cách ăn nói, cư xử lễ phép với người lớn mà quên chúng còn sống trong thế giới bạn bè và cần phải biết cư xử ra sao trong thế giới đó. Cũng có những gia đình đã quan tâm đến giáo dục con em mình lời ăn tiếng nói và cách cư xử lễ phép, có văn hóa với mọi người song do chưa có phương pháp, biện pháp phù hợp nên kết quả giáo dục bị hạn chế. Điều tệ hại hơn là trong một số gia đình, các bậc cha mẹ, anh chị đã thiếu gương mẫu trong lời ăn tiếng nói, cử chỉ giao tiếp, đã tạo ra một nền giao tiếp thiếu văn hóa giữa các thành viên trong gia đình, khiến cho trẻ dễ bắt chước những thói quen xấu khi giao tiếp với mọi người.

So với gia đình và nhà trường, tác động của xã hội tới hành vi giao tiếp của trẻ tuy có ít hơn song không phải là không đáng kể. Nhiều nơi, do phong tục tập quán, do thói quen sống của cộng đồng xã hội mà trẻ sống đã có ảnh hưởng nhất định đến hành vi giao tiếp của chúng. Ngoài ra, thời gian gần đây, bên cạnh những yếu tố tích cực, cũng có không ít những hiện tượng xã hội tiêu cực nảy sinh và phát triển. Những hành vi cư xử thô bạo, tục tằn, thiếu văn hóa diễn ra hàng ngày trên các đường phố và nơi công cộng; những sách báo, phim ảnh, băng hình xấu, tuyên truyền cho cách ứng xử và nói năng thiếu văn hóa dù bị cấm, vẫn ngang nhiên lưu hành rộng rãi trong xã hội, len lỏi vào trong các trường học và vào trong gia đình…gây ảnh hưởng xấu đối với trẻ. Trong khi đó các phương tiện thông tin đại chúng của chúng ta lại chưa khai thác hết tiềm năng giáo dục, chưa có thật nhiều chương trình hay, phong phú, hấp dẫn về chủ

đề giáo dục cách giao tiếp có văn hóa cho trẻ em. Sự phối hợp giáo dục giữa các cấp, các ngành còn mang tính hình thức, thiếu chặt chẽ, đồng bộ nên hiệu quả giáo dục còn chưa cao.

Trong quá trình giáo dục giao tiếp có văn hóa, học sinh chịu ảnh hưởng những tác động từ nhiều phía khác nhau: gia đình, nhà trường và xã hội. Những tác động giáo dục này đan vào nhau rất đa dạng và phức tạp. Nếu cùng chiều với nhau theo hướng tích cực, chúng sẽ có tác dụng bổ sung, hỗ trợ cho nhau tạo nên sức mạnh giáo dục tổng hợp, thuận lợi cho việc hình thành nhân cách của trẻ. Còn nếu ngược chiều, chúng sẽ cản trở, hạn chế, thậm chí là triệt tiêu các tác động giáo dục tích cực khác. Giao tiếp có văn hóa của học sinh được hình thành do giáo dục nhà trường sẽ bị đổ vỡ hoặc hạn chế nếu trẻ thường xuyên phải chứng kiến những hành vi giao tiếp thiếu văn hóa của những người thân trong gia đình hoặc của những người lớn ngoài xã hội; nếu trẻ thường xuyên nghe, đọc, xem những sách báo, phim ảnh có cách cư xử thô bạo, bất lịch sự.

Trong quá trình giáo dục giao tiếp có văn hóa cho trẻ cần phải tổ chức sao cho các tác động giáo dục từ nhiều phía đều theo hướng tích cực và được tiến hành, kết hợp với nhau một cách đồng bộ, nhịp nhàng. Mặt khác, cũng cần hạn chế tới mức tối đa những tác động tiêu cực, không tốt tới trẻ. Nếu làm được như vậy có lẽ việc giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi sẽ thật sự khả quan và thu được nhiều thành công.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Văn hóa giao tiếp của học sinh tiểu học là tổ hợp các thành tố: lời nói, cử chỉ, hành vi, thái độ, cách ứng xử…Giáo dục văn hóa giao tiếp là việc cần thiết và cấp bách nhất là trong xã hội và môi trường giáo dục của chúng ta hiện nay, Văn hóa giao tiếp của học sinh tiểu học bao gồm văn hóa chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, khẳng định, phủ định, mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị, chia vui, chia buồn, ngạc nhiên, tán thành, thán phục, từ chối,…Học sinh tiểu học có thể thực hiện văn hóa giao tiếp trong nhà trường, ở gia đình và ngoài xã hội nhằm mục đích giúp các em giao tiếp tốt hơn, đạt hiệu quả cao hơn và trở thành những con người năng động hơn. Nói cách khác, sử dụng đúng nơi, đúng lúc, văn hóa giao tiếp giúp các em biết cách ứng xử trong cuộc sống, giúp mối quan hệ của các em với những người xung quanh sẽ trở nên cởi mở hơn, thân thiện hơn và đồng thời còn thể hiện phẩm chất, văn hóa của các em. Quá trình giáo dục văn hóa giao tiếp ở tiểu học còn cho thấy các em còn mắc nhiều lỗi trong giao tiếp như: Lỗi không nắm vai giao tiếp, lỗi khống nắm hoàn cảnh giao tiếp,…đặc biệt là các em gặp nhiều khó khăn khi sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để diễn đạt sao cho đúng, hay và có văn hóa. Điều đó đòi hỏi cần phải có những phương pháp dạy học thích hợp với đặc điểm tâm sinh lí học sinh, với nội dung và chương trình sách giáo khoa nhằm giúp các em khắc phục phần nào những khó khăn trên, giúp các em nói và viết Tiếng Việt tốt hơn, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả giao tiếp nói chung và giáo dục văn hóa giao tiếp nói riêng ở tiểu học.

Chương 2
CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC VĂN HÓA GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TIỂU HỌC MIỀN NÚI PHÍA BẮC QUA MÔN TIẾNG VIỆT

2.1. Khai thác nội dung và lựa chọn các bài học phù hợp để tích hợp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc trong môn tiếng Việt

2.1.1. Khai thác nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp

Qua điều tra thực tiễn của những giáo viên đã và đang công tác tại một số tỉnh miền núi phía Bắc cho thấy phần lớn giáo viên chưa có quan niệm rõ ràng về văn hóa giao tiếp và giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học nói chung và cho đối tượng học sinh miền núi nói riêng. Chính vì vậy, việc khai thác nội dung tiềm năng môn học để xác định các kĩ năng giao tiếp có thể được giáo dục có vai trò rất lớn trong việc giúp giáo viên bước đầu định hướng nội dung và kết quả cần đạt được trong việc thực hiện giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học.

Ở đây chúng ta tiếp cận giáo dục văn hóa giao tiếp bằng khai thác nội dung môn học nhằm giáo dục văn hóa giao tiếp riêng gắn với ngữ cảnh cụ thể của môn học và người học. Từ nghiên cứu đặc điểm lối sống, nếp sống sinh hoạt hàng ngày của học sinh tiểu học miền núi phía Bắc để có thể xác định những kĩ năng giao tiếp còn hạn chế để từ đó rèn luyện và giáo dục cho học sinh tiểu học miền núi thông qua môn Tiếng Việt.

Những đặc trưng mang tính khác biệt về lối sống, sinh hoạt, quá trình giao tiếp của học sinh tiểu học miền núi phía Bắc, môi trường giao tiếp hạn hẹp chỉ tập trung quanh bạn bè, người thân, chính môi trường giao tiếp hạn hẹp, sự khó khăn trong sử dụng ngôn ngữ, sự rụt rè, thiếu tự tin trong giao tiếp đã làm cho học sinh tiểu học miền núi có những hạn chế về kĩ năng giao tiếp. Vì vậy, việc giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi hiện nay rất quan trọng và cấp thiết. Ở đây ta thấy kĩ năng giao tiếp của các em còn rất

nhiều hạn chế thể hiện qua sự rụt rè trong giao tiếp, nhất là giao tiếp với người lạ; chưa chủ động trong các hoạt động, nhất là hoạt động nhóm; chưa biết kết hợp ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp; chưa nhận thức, đánh giá được vai trò của bản thân trong các mối quan hệ xã hội; chưa chủ động, tự tin khi giải quyết vấn đề,. Bên cạnh đó, các em còn thể hiện sự thiếu mềm mỏng và bộc lộ cảm xúc rõ rệt khi giao tiếp; với người lạ thì khó tiếp xúc, ngại trao đổi, chỉ tò mò quan sát... Từ đó, trong giáo dục văn hóa giao tiếp cần phải chú ý tập trung và rèn luyện những kĩ năng giao tiếp cơ bản giúp các em mạnh dạn trong giao tiếp, biết sử dụng tiếng Việt một cách rõ ràng để bày tỏ ý kiến cá nhân một cách tự tin, cụ thể là các kĩ năng sau:

Kĩ năng hợp tác: nghiêm túc, sẵn sàng cùng mọi người trong nhóm nhận và hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở trên lớp cũng như ngoài lớp liên quan đến môn Tiếng Việt. Chủ động nêu ý kiến trước nhóm, trước tập thể, biết lắng nghe các bạn nói khi làm chung công việc nhóm, biết giao tiếp hiệu quả, chia sẻ với các thành viên, có trách nhiệm, quyết tâm, hợp tác với nhau để hoàn thành nhiệm vụ giáo viên giao cho trên tinh thần hữu nghị, đoàn kết, cởi mở.

Kĩ năng giao tiếp: giúp các em biết đánh giá tình huống giao tiếp và điều chỉnh cách giao tiếp một cách phù hợp, hiệu quả; cởi mở bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc; có mối quan hệ tích cực với người khác; biết cách xây dựng mối quan hệ với bạn bè mới, đây là yếu tố rất quan trọng đối với học sinh tiểu học miền núi vốn rụt rè trong các mối quan hệ giao tiếp.

Kĩ năng tự nhận thức: là nền tảng để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả với người khác cũng như để có thể cảm thông được với người khác. Và để nhận thức đúng về bản thân cần phải được trải nghiệm qua thực tế, đặc biệt là qua giao tiếp với người khác.

Kĩ năng thể hiện sự cảm thông: kĩ năng này có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả giao tiếp và ứng xử của người khác; cải thiện các mối quan hệ giao tiếp xã hội.

Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ: chia sẻ, trình bày vấn đề đang xảy ra, biết lắng nghe ý kiến của những người tin cậy để có tìm ra hoặc khẳng định tính đúng đắn của biện pháp giải quyết vấn đề mà bản thân lựa chọn.

Trên đây là nội dung và các biểu hiện cơ bản nhất của các Kĩ năng có thể giáo dục cho học sinh tiểu học miền núi qua dạy học môn Tiếng Việt. Tuy nhiên, các kĩ năng này không tách rời nhau mà giữa chúng luôn có mối quan hệ gắn bó, tác động chặt chẽ với nhau. Chính vì vậy, sự hình thành, phát triển của nhóm kĩ năng này sẽ thúc đẩy sự hình thành, phát triển của nhóm kĩ năng khác và ngược lại. Ví dụ: kĩ năng giao tiếp là yếu tố cần thiết cho nhiều kĩ năng khác như bày tỏ sự cảm thông, thương lượng, hợp tác hay kĩ năng tự cảm thông được dựa trên kĩ năng tự nhận thức đồng thời là yếu tố cần thiết trong kĩ năng giao tiếp, thương lượng…Và để giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi thì các kĩ năng cần được vận dụng linh hoạt tùy vào hoạt động giáo dục và điều kiện cụ thể.

2.1.2. Lựa chọn các bài học phù hợp để tích hợp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc trong môn tiếng Việt

Sau khi xác định nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi qua dạy học môn Tiếng Việt thì việc xác định và lựa chọn các bài học phù hợp để tích hợp văn hóa giao tiếp sẽ giúp giáo viên những hướng dẫn cụ thể và chi tiết để thực hiện giáo dục văn hóa giao tiếp. Từ đó để có thể khai thác nội dung bài học nhằm giáo dục văn hóa giao tiếp một cách có hiệu quả đối với học sinh tiểu học miền núi.

Trên cơ sở nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp được xác định ở trên, chúng tôi xem xét toàn bộ các phân môn của môn Tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5 để xác định các bài học phù hợp với việc thực hiện giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi.

Nội dung đó được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.1. Hệ thống bài học và nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc

Lớp 1:

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
1	Phần Học vần: Bé tự giới thiệu (Bài 41)	- Giao tiếp: ứng xử có văn hóa, biết tự giới thiệu về mình theo tình huống giao tiếp	85
2	Phần Học vần: Nói lời xin lỗi (Bài 48)	- Giao tiếp: ứng xử có văn hóa, biết nói lời xin lỗi theo tình huống	99
3	Phần Học vần: Nói lời cảm ơn (Bài 60)	- Giao tiếp: ứng xử có văn hóa biết nói lời cảm ơn theo tình huống	123
4	Phần Học vần: Các bạn lớp em (Bài 86)	- Giao tiếp: ứng xử có văn hóa theo tình huống	9
5	Tập đọc: Chủ điểm nhà trường: Tập nói lời chào	- Giao tiếp: ứng xử có văn hóa, biết nói lời chào theo tình huống	74
6	Tập đọc: Chủ điểm gia đình: Tập nói lời chào	- Giao tiếp: ứng xử có văn hóa, biết nói lời chào theo tình huống	137

Lớp 2:

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
1	Tập làm văn: Tự giới thiệu (Tuần 1)	-Tự nhận thức về bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp - Giao tiếp: cởi mở, tự tin trong giao tiếp, biết lắng nghe ý kiến người khác	**12**
2	Tập làm văn: Chào hỏi, tự giới thiệu (Tuần 2)- Bài tập 1, 2	-Tự nhận thức về bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Giao tiếp: cởi mở, tự tin trong giao tiếp, biết lắng nghe ý kiến người khác - Tìm kiếm và xử lí thông tin	**20**
3	Tập làm văn: Cảm ơn, xin lỗi (Tuần 4)	-Tự nhận thức về bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Giao tiếp: cởi mở, tự tin trong giao tiếp, biết lắng nghe ý kiến người khác	**38**

4	Tập làm văn: Khẳng định, phủ	- Giao tiếp: cởi mở, tự tin trong	**54**

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
	định (Tuần 6)	giao tiếp, biết lắng nghe ý kiến người khác - Tìm kiếm và xử lí thông tin - Thể hiện sự tự tin	
5	Tập làm văn: Mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị (Tuần 8)- Bài tập 1	- Tự nhận thức về bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Giao tiếp: cởi mở, tự tin trong giao tiếp, biết lắng nghe ý kiến người khác - Tìm kiếm và xử lí thông tin	**69**
6	Tập làm văn: Chia buồn, an ủi (Tuần 11)	- Tự nhận thức về bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Giao tiếp: cởi mở, tự tin trong giao tiếp, biết lắng nghe ý kiến người khác - Thể hiện sự cảm thông	**94**
7	Tập làm văn: Gọi điện (Tuần 12)	- Giao tiếp: cởi mở, tự tin, lịch sự trong giao tiếp - Lắng nghe tích cực tập trung chú ý và quan tâm lắng nghe ý kiến của người khác	**103**
8	Tập làm văn: Chia vui (Tuần 15)	- Tự nhận thức về bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Giao tiếp: cởi mở, tự tin trong giao tiếp, biết lắng nghe ý kiến người khác	**126**

9	Tập làm văn: Đáp lời chào, lời tự giới thiệu (Tuần 19)	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa cởi mở, tự tin khi chào hỏi mọi người hoặc tự giới thiệu về bản thân, gia đình - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận) - Tự nhận thức về bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và	12

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
		hiệu quả	
10	Tập đọc-Kể chuyện: Ông Mạnh thắng Thần Gió (Tuần 20)	- Giao tiếp: ứng xử có văn hóa - Ra quyết định: ứng phó, giải quyết vấn đề. - Kiên định	14-15
11	Tập làm văn: Đáp lời cảm ơn (Tuần 21) - Bài tập 2	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết nói lời cảm ơn phù hợp với tình huống giao tiếp - Tự nhận thức về bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả	30
12	Tập làm văn: Đáp lời xin lỗi (Tuần 22) - Bài tập 2	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết nói lời xin lỗi khi mắc lỗi - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận) - Tự nhận thức về bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả	39
13	Tập làm văn: Đáp lời khẳng định (Tuần 23) - Bài tập 2	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết nói lời khẳng định theo tình huống - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	49
14	Tập làm văn: Đáp lời phủ định (Tuần 24) - Bài tập 2	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết đáp lời từ chối theo tình huống - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	58
15	Tập làm văn: Đáp lời đồng ý (Tuần 25) - Bài tập 1, 2	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết đáp lời đồng ý theo tình huống - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	66

16	Tập làm văn: Đáp lời đồng ý (Tuần 26) - Bài tập 1	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết đáp lời đồng ý theo tình huống - Lắng nghe tích cực(lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	76
17	Tập làm văn: Đáp lời chia vui (Tuần 28) - Bài tập 1	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết đáp lời chúc mừng theo tình	90

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
		huống - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	
18	Tập làm văn: Đáp lời chia vui (Tuần 29) - Bài tập 1	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết đáp lời đồng ý theo tình huống - Lắng nghe tích cực(lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	98
19	Tập làm văn: Đáp lời khen ngợi (Tuần 31) - Bài tập 1	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa - Lắng nghe tích cực(lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	114
20	Tập làm văn: Đáp lời từ chối (Tuần 32) - Bài tập 2	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết đáp lời khen ngợi theo tình huống - Lắng nghe tích cực(lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	123
21	Tập làm văn: Đáp lời an ủi (Tuần 33) - Bài tập 2	- Giao tiếp: Ứng xử văn hóa biết đáp lời an ủi theo tình huống - Lắng nghe tích cực(lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	132

Lớp 3:

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
1	Tập đọc-Kể chuyện: Ai có lỗi (Tuần 2)	- Giao tiếp: ứng xử văn hóa - Thể hiện sự cảm thông - Kiểm soát cảm xúc	12-13
2	Tập đọc-Kể chuyện: Chiếc áo len (Tuần 3)	- Giao tiếp: ứng xử văn hóa - Kiểm soát cảm xúc - Tự nhận thức để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả	20-21

3	Tập làm văn: Tập tổ chức cuộc họp (Tuần 5)	- Giao tiếp: lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ - Làm chủ bản thân: đảm nhận trách nhiệm	45

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
4	Tập làm văn: Tập tổ chức cuộc họp (Tuần 7)- Bài tập 2	- Giao tiếp: lắng nghe tích cực, trình bày suy nghĩ - Tự nhận thức, xác định giá trị cá nhân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả	61
5	Tập làm văn: Viết thư (Tuần 13)	- Giao tiếp: ứng xử văn hóa - Thể hiện sự cảm thông - Tư duy sáng tạo	110
6	Tập làm văn: Tập báo cáo hoạt động của tổ, lớp (Tuần 14)- Bài tập 2	- Giao tiếp - Làm chủ bản thân - Tự nhận thức, xác định gía trị cá nhân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Đảm nhận trách nhiệm - Tìm kiếm sự hỗ trợ	120
7	Tập làm văn: Tập báo cáo hoạt động của tổ, lớp (Tuần 20)- Bài tập 1	- Giao tiếp - Làm chủ bản thân - Tự nhận thức, xác định gía trị cá nhân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Đảm nhận trách nhiệm - Tìm kiếm sự hỗ trợ	20
8	Tập làm văn: Tập báo cáo với thầy, cô (Tuần 27)- Tiết 3	- Giao tiếp - Làm chủ bản thân - Tự nhận thức, xác định gía trị cá nhân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Đảm nhận trách nhiệm - Tìm kiếm sự hỗ trợ	74

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
9	Tập đọc: Gặp gỡ ở Lúc - xăm - bua (Tuần 30)	- Giao tiếp: ứng xử lịch sự trong giao tiếp	98
10	Tập làm văn: Viết thư (Tuần 30)	- Giao tiếp: ứng xử lịch sự trong giao tiếp - Thể hiện sự tự tin	105
11	Tập làm văn: Tập tổ chức cuộc họp (Tuần 31)-Bài tập 1	- Giao tiếp - Làm chủ bản thân để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Tự nhận thức, xác định gía trị cá nhân - Đảm nhận trách nhiệm - Tìm kiếm sự hỗ trợ	112

Lớp 4:

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
1	Tập đọc: Thư thăm bạn (Tuần 3)	- Giao tiếp: ứng xử lịch sự trong giao tiếp - Thể hiện sự cảm thông - Xác định giá trị	25
2	Tập đọc: Người ăn xin (Tuần 3)	- Giao tiếp: ứng xử lịch sự trong giao tiếp - Thể hiện sự cảm thông - Xác định giá trị	30
3	Tập làm văn: Viết thư (Tuần 3)	- Giao tiếp: ứng xử lịch sự trong giao tiếp - Tìm kiếm và xử lí thông tin	34
4	Tập đọc: Nỗi dằn vặt của An-đrây- ca (Tuần 6)	- Giao tiếp: ứng xử lịch sự trong giao tiếp - Thể hiện sự cảm thông - Xác định giá trị	55
5	Tập làm văn: *Luyện tập Trao đổi ý kiến với người thân* (Tuần 9)	-Thể hiện sự tự tin tin (nêu được những dẫn chứng, lí lẽ cụ thể, thuyết phục; diễn đạt gãy gọn, thái độ bình tĩnh, tự tin) - Lắng nghe, cảm nhận, chia sẻ (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận) - Trao đổi, thảo luận - Đặt mục tiêu - Trình bày suy nghĩ, ý tưởng	95
6	Tập làm văn: *Luyện tập Trao đổi ý kiến với người thân* (Tuần 11)	- Thể hiện sự tự tin tin (nêu được những dẫn chứng, lí lẽ cụ thể, thuyết phục; diễn đạt gãy gọn, thái độ bình tĩnh, tự tin) - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận) - Giao tiếp - Thể hiện sự cảm thông - Trình bày suy nghĩ, ý tưởng	109
7	Luyện từ và câu: *Giữ phép lịch sự khi đặt câu hỏi* (Tuần 15)	- Giao tiếp: Thể hiện thái độ lịch sự trong giao tiếp - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	151

8	Luyện từ và câu: *Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị* (Tuần 29)	- Giao tiếp: Ứng xử, thể hiện sự cảm thông - Thương lượng - Đặt mục tiêu	110

Lớp 5:

TT	Tên bài học	Nội dung GDVHGT	Trang
1	Tập làm văn: Luyện tập thuyết trình, tranh luận (Tuần 9)	-Thể hiện sự tự tin (nêu được những dẫn chứng, lí lẽ cụ thể, thuyết phục; diễn đạt gãy gọn, thái độ bình tĩnh, tự tin) - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận) - Hợp tác (hợp tác luyện tập thuyết trình, tranh luận)	91
2	Tập làm văn: Luyện tập thuyết trình, tranh luận (Tuần 9)- Bài tập 2	-Thể hiện sự tự tin (nêu được những dẫn chứng, lí lẽ cụ thể, thuyết phục; diễn đạt gãy gọn, thái độ bình tĩnh, tự tin) - Lắng nghe tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận) - Hợp tác (hợp tác luyện tập thuyết trình, tranh luận)	94
3	Tập đọc: Một vụ đắm tàu (Tuần 29)	- Giao tiếp, ứng xử phù hợp - Tự nhận thức để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Kiểm soát cảm xúc - Ra quyết định	108
4	Kể chuyện: Lớp trưởng lớp tôi (Tuần 29)	- Giao tiếp, ứng xử phù hợp - Tự nhận thức để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả - Tư duy sáng tạo - Lắng nghe, phản hồi tích cực (lắng nghe, tôn trọng người cùng tranh luận)	112

5	Tập đọc: Con gái (Tuần 29)	- Giao tiếp, ứng xử phù hợp giới tính - Ra quyết định - Tự nhận thức để các em giao tiếp, ứng xử phù hợp và hiệu quả	112

Những bài học và nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp ở bảng 2.1 có thể được coi là những nội dung tiêu biểu mà giáo viên cần phải khai thác và giáo dục cho học sinh thông qua dạy học môn Tiếng Việt. Tuy nhiên,văn hóa giao tiếp có thể được rèn luyện ở mọi nơi, mọi lúc, do đó, giáo viên không nên quá máy móc và áp đặt y nguyên các nội dung đã được nêu ra ở trên.

2.2. Quy trình tổ chức bài học có tích hợp nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc

Thực hiện biện pháp thiết kế và tổ chức bài học có tích hợp nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh thông qua môn tiếng Việt nhằm đạt được các mục tiêu: Cụ thể hóa mục tiêu nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh thông qua nội dung, kế hoạch bài học, thông qua từng hoạt động của bài học và từng khâu trong tiến trình bài học. Làm cho quá trình giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh trở nên mềm mại, linh hoạt, mềm dẻo, học sinh dễ tiếp cận và tiếp thu nội dung giáo dục.Thực hiện biện pháp giáo dục này nhằm áp dụng phương châm: học đi đôi với hành, học đi đôi với trải nghiệm. Qua việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục cụ thể vào bài giảng, học sinh sẽ dễ hiểu, hứng thú và tiếp thu hết nội dung nhà giáo dục cần truyền tải bao gồm cả kiến thức bài học và nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh. Tích hợp nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh thông qua nội dung môn Tiếng Việt chiếm ưu thế nhằm gắn dạy chữ với dạy người, thông qua dạy chữ để dạy người, giúp học sinh phát triển toàn diện nhân cách. Tích hợp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học thông qua dạy học môn tiếng Việt có ưu thế sẽ giúp học sinh nắm được bản chất của sự vật, hiện tượng, tạo được niềm tin và óc sáng tạo cho học sinh, giải quyết mối quan hệ giữa học và chơi - chơi và học, đáp ứng nhu cầu tâm lý lứa tuổi học sinh tiểu học và từ đó, nâng cao hiệu quả giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh. Thiết kế và tổ chức bài học có tích hợp nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp phải đảm bảo mục tiêu kép đó là mục tiêu của bài học và mục tiêu giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học.

Nội dung và cách thức tiến hành

Việc rèn kĩ năng giao tiếp với các lời nói tối thiểu, đơn giản cho học sinh đặt nền móng văn hóa và cách ứng xử có văn hóa cho học sinh (từ tiểu học) và giúp các em thích ứng được với cuộc sống, giao tiếp hàng ngày từ đó hình thành nhân cách và bản lĩnh cho các em.

Dựa vào đặc thù của giờ học tiếng mẹ đẻ, việc dạy học sinh bài tập sử dụng lời nói trong giao tiếp nên xây dựng quy trình thiết kế bài học có tích hợp nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp thông qua môn tiếng Việt chiếm ưu thế được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Tạo hoàn cảnh giao tiếp

Đây là một hoạt động nhằm kích thích sự tò mò, khơi dậy hứng thú của học sinh về chủ đề sắp học. Ở bước này, thông qua các câu hỏi, giáo viên gợi lại những hiểu biết đã có của các em liên quan đến bài học mới.

Ví dụ trong bài dạy "*Chia buồn, an ủi*" (Tiếng Việt 2, tuần 11) giáo viên yêu cầu học sinh nhớ lại xem hàng ngày mình được ông bà, cha mẹ, anh chị em, thầy cô giáo, bạn bè và những người xung quanh quan tâm, chia sẻ những khi các em buồn như thế nào? Học sinh nhớ lại và chia sẻ theo nhóm hai người.

- Giáo viên mời một vài học sinh kể trước lớp và yêu cầu học sinh cho biết cảm xúc của các em khi được người khác chia buồn, an ủi.
- Hỏi: Các em đã bao giờ thấy người thân của mình (ông bà, cha mẹ, anh chị, bạn…) buồn phiền bao giờ chưa?

Giáo viên mời 2-3 học sinh phát biểu trước lớp kể về người thân của mình buồn vì mệt, vì mất trộm…

- Hỏi: Em hãy nhớ lại trong các tình huống đó em đã nói gì với người thân. Nếu chưa nói, em hãy suy nghĩ để đưa ra cách nói nào hay nhất để an ủi, động viên người thân của mình?
- Học sinh chia sẻ, giáo viên khen ngợi và động viên khích lệ các em nói theo suy nghĩ của riêng mình.
- Học sinh nghe giới thiệu nội dung bài mới.

Ở bước này, giáo viên cố gắng động viên học sinh nói theo suy nghĩ riêng của các em và càng nhiều học sinh được nói càng tốt để tất cả học sinh đều được khởi động, khám phá bài học bằng chính kinh nghiệm và cảm xúc của mình. Bước này rất quan trọng vì thực chất đây là bước tạo ấn tượng cho học sinh để các em sử dụng kĩ năng giao tiếp đúng tình huống.

Bước 2: Nhận biết kiến thức, kĩ năng bài học

Phần nhận biết kiến thức, kĩ năng bài học là bước trung tâm. Để học sinh nắm được cách sử dụng các kĩ năng giao tiếp, giáo viên cần đưa ra nội dung, kiến thức kĩ năng của bài, sau đó giúp các em tiến hành giải quyết một vài tình huống giao tiếp trong sách giáo khoa để làm mẫu. Các yêu cầu nêu ra cho học sinh trong loại bài tập này không quá phức tạp và xa lạ đối với học sinh tiểu học bởi những nghi thức này đã được các em thực hiện trong cuộc sống đời thường. Chính vì vậy, điều quan trọng nhất là giáo viên phải xác định, lựa chọn các tình huống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và tâm lí của học sinh, giúp học sinh hiểu rõ tình huống giao tiếp để các em lựa chọn lời nói phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

Ví dụ, ở tiết dạy *Chia buồn, an ủi* (Tiếng Việt 2, tuần 11), sách giáo khoa đưa ra bài tập

Giáo viên gọi một học sinh đọc yêu cầu của bài tập 1: *Ông (bà) em bị mệt. Em hãy nói với ông (bà) 2, 3 câu để tỏ rõ sự quan tâm của mình.*

Giáo viên sẽ gọi 2, 3 em nói trước lớp để kiểm tra xem các em đã hiểu bài tập như thế nào. Sau đó, Giáo viên sẽ cho học sinh làm việc theo nhóm (cặp đôi)

- Học sinh đóng vai để đưa ra lời an ủi cho ông (bà). Giáo viên có thể gọi một nhóm lên làm mẫu. Có thể tổ chức thực hiện như sau:

+ Ông ơi, ông mệt lắm không ạ? Cháu bóp vai cho ông nhé!

+ Bà ơi, bà đã uống thuốc chưa ạ? Cháu lấy thuốc cho bà uống nhé!

+ Ông ơi, ông cố gắng ăn nhiều vào để chóng khỏe ông nhé!

+ Bà ơi, bà nhớ nằm nghỉ và cố gắng ăn thật nhiều nhé!

Trong mỗi tình huống trên, nhân vật nói lời chia buồn, an ủi đã phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và vai giao tiếp: vai người nhỏ tuổi nói với trên (nói với ông bà). Ngoài ra, giáo viên cần giúp học sinh biết thể hiện thái độ đúng mực khi nói với trên: tôn trọng, lễ phép với người trên.

Với bài tập 2, tương tự như bài tập 1, giáo viên gọi học sinh đọc yêu cầu của bài tập: *Hãy nói lời an ủi của em với ông (bà) khi cây hoa do ông (bà) trồng bị chết, khi kính đeo mắt của ông (bà) bị vỡ.*

- Học sinh đóng vai để đưa ra lời chia buồn trong từng tình huống

+ A: *Cháu ơi, cây hoa ông (bà) trồng đã bị chết mất rồi!*

B: *Ông (bà) đừng tiếc nữa. Cháu với ông (bà) sẽ trồng cây khác.*

+ A: *Cháu ơi, kính đeo mắt của ông (bà) đã bị vỡ mất rồi.*

B: *Thôi ông (bà) đừng buồn, chiếc kính này đã cũ lắm rồi ạ.*

Trong tình huống nói lời chia buồn trên đây, giáo viên cần giúp học sinh nhận rõ trong cuộc sống, nhiều khi người thân của chúng ta gặp chuyện buồn phiền, các em phải biết nói lời chia buồn, động viên để thể hiện sự quan tâm, thông cảm của mình. Khi nói lời chia buồn an ủi cần có thái độ lễ phép, chân thành. Như vậy, qua đây mục đích chính là để giáo dục văn hóa trong giao tiếp cho các em một cách chi tiết, cụ thể góp phần hình thành nhân cách cho các em.

Bước 3: Thực hành tình huống mới.

Đây là bước tạo cơ hội cho người học vận dụng kiến thức và kĩ năng vào giải quyết tình huống mới sau khi đã tích lũy thêm những kiến thức, kĩ năng của bài học. Trong khi thực hành, học sinh có dịp được thể hiện các trải nghiệm của mình, được đánh giá, xem xét và nhìn nhận cách sử dụng kĩ năng giao tiếp của bạn, qua đó, các em sẽ tích lũy được những kinh nghiệm sống cho mình. Thực hành vận dụng giúp các em liên tưởng đến những tình huống tương tự mà các em đã được trải nghiệm hoặc chứng kiến. Đó có thể là các tình huống giao tiếp thực sự (chào thầy cô giáo, các bạn khi vào lớp, lúc ra về… hoặc tình huống giả định (học sinh ngồi trong lớp nhưng đóng vai ông bà, cha mẹ, người

lớn tuổi…trong các khung cảnh không gian khác nhau để luyện tập kĩ năng giao tiếp: chào ông bà, cha mẹ khi đi học và lúc đi học về; yêu cầu, đề nghị một việc gì đó. Giáo viên có thể đưa ra tình huống mới dựa trên tình huống cũ nhằm cho tiết dạy đỡ nhàm chán.

Ví dụ: Hoạt động thực hành của tiết học *Chia buồn, an ủi* (Tiếng Việt 2, tuần 11), giáo viên có thể cho học sinh thực hành những cách sau:

- Cách 1: giáo viên đưa ra một vài tình huống mới cho học sinh tập nói lời chia buồn, an ủi.

+ Ông em có thói quen thích đọc báo hàng ngày. Nhưng mấy hôm nay, kính của ông lại bị hỏng, không đọc được nên ông rất buồn…

+ Bà lo lắng vì dạo này cơn đau dạ dày lại tái phát.

- Cách 2: Cho học sinh thảo luận cùng đưa ra ý kiến xem ông hoặc bà của em cần cháu làm gì trong mỗi tình huống sau:

+ Ông mệt nằm nghỉ trong nhà, trong khi các cháu đang chơi reo hò ngoài sân.

+ Bà đi chợ về với nhiều thứ cồng kềnh trên xe đạp.

+ Bố em vừa đi làm đồng về mồ hôi nhễ nhại.

- Cách 3: Cho học sinh quan sát tranh "Gà và Vịt" để trao đổi và trả lời câu hỏi:

+ Tranh vẽ những con vật gì?

+ Chuyện gì xảy ra với các bạn nhỏ trong tranh?

+ Em đoán xem các bạn nói gì với nhau ở tranh 4?

Qua bước thực hành vận dụng này, học sinh tiểu học có các kĩ năng giao tiếp mà trẻ thu nhận được một cách tự nhiên trong cuộc sống hàng ngày của trẻ. Từ đó các em sẽ dần dần tiến bộ trong hoạt động giao tiếp và cao hơn nữa là giao tiếp có văn hóa dựa trên cơ sở khai thác và phát triển vốn tiếng mẹ đẻ sẵn có của mình.

Bước 4: Vận dụng kiến thức, kĩ năng

Các hoạt động vận dụng nhằm xem xét học sinh có thể áp dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào các tình huống cụ thể hàng ngày được hay không, bao gồm các tình huống trong gia đình và trong cộng đồng. Điều này đem lại ý nghĩa cho giáo dục, cho gia đình, cho cộng đồng. Giáo viên cần cho học sinh thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động trong và ngoài giờ học sao cho học sinh có cơ hội thể hiện ý tưởng cá nhân, tự trải nghiệm và biết phân tích kinh nghiệm sống của chính mình và của người khác để từ đó tránh được các lỗi thường gặp trong giao tiếp, để hoàn thiện trong giao tiếp của mình.

Ví dụ hoạt động cuối của tiết học *Chia buồn, an ủi* (Tiếng Việt 2, tuần 11), giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh về thực hành, vận dụng ở nhà, tiết học sau sẽ kiểm tra. Có rất nhiều hình thức để hướng dẫn học sinh thực hành, vận dụng.

+ Nếu gia đình sống cùng ông bà, em hãy nói cho ông bà biết em yêu quý ông bà thế nào.

+ Sưu tầm các câu chuyện, các bài văn, bài thơ trong đó có sử dụng các lời chia buồn, an ủi trong các tình huống cụ thể.

Ở đây các em được rèn luyện kĩ năng giao tiếp để rồi lại giúp các em vận dụng giao tiếp tốt hơn trong cuộc sống.

Việc tiến hành theo những bước này, tiết học sẽ nhẹ nhàng, vui mà có ích lại vừa giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em. Tùy từng giai đoạn, đối tượng học sinh mà giáo viên có thể vận dụng quy trình dạy học theo các bước một cách chủ động, linh hoạt, sáng tạo nhằm thực hiện tốt nhất mục đích, yêu cầu của từng bài học cụ thể.

2.3. Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực để giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong đó phát triển phẩm chất, năng lực của người học là một trong những nhiệm vụ mà Nghị quyết đề ra. Và thực tế cho thấy, sản phẩm cuối cùng của giáo dục - đào tạo chính là chất lượng người học có đáp ứng được yêu cầu nhân lực cho xã hội hay không.

Người giáo viên phải điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm ngay trong quá trình dạy học và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phản ánh đúng những ưu điểm nổi bật, những hạn chế của mỗi học sinh để có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

Sau đây là một số phương pháp dạy học tích cực để phát huy tính tích cực, chủ động và hình thành những năng lực cần có ở mỗi học sinh.

2.3.1. Phương pháp đóng vai

Phương pháp đóng vai là phương pháp dạy học trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh giải quyết một tình huống của nội dung học tập gắn liền với cuộc sống thực tế bằng cách diễn xuất một cách ngẫu hứng không cần kịch bản trước.

Phương pháp đóng vai là một phương pháp trong nhóm phương pháp thực hành. Học sinh thực hành làm thử một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp giảng dạy nhằm giúp học sinh suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được. Việc diễn không phải là phần chính của phương pháp này mà quan trọng nhất là phần thảo luận sau phần diễn ấy.

Cách tiến hành:

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau: Giáo viên nêu chủ đề, chia nhóm và giao tình huống và yêu cầu đóng vai cho từng nhóm. Trong đó, có quỹ thời gian chuẩn bị, thời gian đóng vai của mỗi nhóm. Các nhóm thảo luận

chuẩn bị đóng vai. Các nhóm lên đóng vai. Lớp thảo luận, nhận xét, giáo viên kết luận.

Ví dụ: Có tình huống giao tiếp đơn giản sau*: Em hãy đóng vai một bạn học sinh mới vào lớp để tự giới thiệu về mình với cô giáo và các bạn* (Tình huống giao tiếp được xây dựng trên bài luyện nói theo chủ đề "*Bé tự giới thiệu"* [16, tr.85]. Muốn thực hiện tình huống giao tiếp trên, học sinh dù không gặp tình huống đó trong thực tế nhưng ở tình huống giả định này, vẫn phải mặc nhiên coi mình là người mới vào lớp học. Từ đó học sinh suy nghĩ, lựa chọn lời giới thiệu phù hợp nhất với tình huống trên. Bằng lời nói ấy, học sinh đã thực hiện cuộc hội thoại theo đúng ngữ cảnh và đạt mục đích giao tiếp do đề bài đặt ra. Đây thực sự là một lớp kịch thật ngắn, chỉ thực hiện một lời đáp. Ở các đề bài phức tạp hơn, các tình huống giả định là tình huống mở, tính chất kịch, phương pháp đóng vai càng bộc lộ rõ và phát huy tác dụng. Ví dụ: Em hãy cùng các bạn chơi đóng vai gọi điện thoại trong mỗi tình huống sau: *Em gọi điện cho một người bạn nhưng bố (hoặc mẹ) của bạn ấy cầm máy, em xin phép để được nói chuyện với bạn của mình.*

Đây là tình huống giao tiếp mở vì nó không chỉ đòi hỏi một đoạn thoại mà hoàn tất cuộc giao tiếp. Muốn đạt đến đích (nói chuyện với bạn), cuộc giao tiếp phải trải qua nhiều đoạn thoại liên tiếp (chào hỏi, xin phép bố hoặc mẹ của bạn) theo một quy tắc nhất định. Nói cách khác, đây không còn là một lớp kịch đơn giản nữa mà là một màn kịch với nhiều lớp kịch khác nhau.

Để cho việc hội thoại diễn ra tự nhiên, giáo viên chỉ cần thống nhất với cả lớp các yếu tố chi phối cuộc thoại đã quy định trong đề bài. Còn các hoạt động hội thoại như lời nói, nét mặt, cử chỉ…, quá trình hội thoại diễn ra như thế nào và giao tiếp như thế nào thì để cho các nhân vật giao tiếp tự sáng tạo. Sau đó, cả lớp nhận xét, đánh giá, đồng thời đề xuất cách khắc phục. Đây là quá trình trao đổi kinh nghiệm sử dụng giao tiếp của học sinh với nhau dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Nhờ đó, các em tích lũy được vốn từ, vốn sống, vốn kinh nghiệm xử

thế của các bạn khác để làm giàu thêm vốn từ, vốn sống, vốn kinh nghiệm cho bản thân mình. Ví dụ: Trong bài "*Chào hỏi, tự giới thiệu*" [30, tr.20] có bài tập: Nhắc lại lời các bạn trong tranh. Đây là bài tập nhằm giúp học sinh quan sát các giao tiếp, tập nói lại các giao tiếp này, từ đó làm cơ sở để học sinh tập nói các lời nói ấy trong giao tiếp.

2.3.2. Phương pháp thảo luận nhóm

Phương pháp thảo luận nhóm là phương pháp dạy học trong đó giáo viên chia lớp học thành nhiều nhóm khác nhau và học sinh trong một nhóm cùng trao đổi, bàn bạc để cùng thực hiện một nhiệm vụ học tập, các nhóm có thể cùng thực hiện một nhiệm vụ học tập hoặc thực hiện những nhiệm vụ khác nhau.

Thảo luận nhóm được sử dụng rộng rãi nhằm giúp cho mọi học sinh tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập. Tạo cơ hội cho các em có thể chia sẻ kiến thức hiểu biết, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết một vấn đề của nội dung bài học.

Đây là một trong những phương pháp có sự tham gia tích cực của học sinh. Thảo luận nhóm còn là phương tiện học hỏi có tính cách dân chủ, mọi cá nhân được tự do bày tỏ quan điểm, tạo thói quen sinh hoạt bình đẳng, biết đón nhận quan điểm bất đồng, hình thành quan điểm cá nhân giúp học sinh rèn luyện kĩ năng giải quyết các vấn đề khó khăn. Qua thảo luận nhóm, ngôn ngữ và năng lực tư duy của học sinh trở nên linh hoạt hơn, đồng thời còn giúp các em rèn luyện tính tự giác, tính đoàn kết tập thể, mạnh dạn và tự tin trong học tập và giao tiếp.

Ví dụ: Ở tiết *Tập tổ chức cuộc họp* [32, tr.45], sau khi học sinh đọc yêu cầu của bài tập *Dựa theo cách tổ chức cuộc họp mà em đã biết, hãy cùng các bạn tập tổ chức một cuộc họp tổ*, giáo viên tổ chức cho từng tổ thảo luận để chọn vấn đề cần giải quyết trong cuộc họp của tổ mình. Vấn đề lựa chọn để tổ chức họp tổ không thể do một cá nhân nào tự quyết định mà cần có sự trao đổi, bàn bạc, thống nhất giữa các thành viên trong tổ, để các hoạt động tiếp theo sẽ thuận lợi và đạt hiệu quả.

Để giúp học sinh phát triển được ngôn ngữ và năng lực giao tiếp, giáo viên có thể vận dụng phương pháp thảo luận nhóm với các bước sau:

Bước 1: Phân nhóm. Mỗi nhóm có thể 2, 3 em; có thể một bàn, một tổ. Để nhóm có thể hoạt động được đúng yêu cầu thảo luận, giáo viên cần tập cho học sinh kĩ năng trình bày câu hỏi hoặc vấn đề thảo luận rõ ràng, mạch lạc.

Bước 2: Giáo viên nói rõ cho học sinh mục đích của thảo luận nhóm (thảo luận về vấn đề gì) và yêu cầu mọi người đều suy nghĩ tìm ra cách giải quyết vấn đề đó. Khi có điều kiện, giáo viên nên tham gia vào hoạt động nhóm và dành đều thời gian cho mỗi nhóm.

Ví dụ: Trong bài tập 2, tiết *Cảm ơn, xin lỗi* [30, tr.38], có bài tập: Nói lời xin lỗi của em trong những trường hợp sau:

a. *Em lỡ bước dẫm vào chân bạn*

b. *Em mải chơi, quên làm việc mẹ đã dặn.*

c. *Em đùa nghịch, va phải một cụ già.*

Sau khi giáo viên cho học sinh phân nhóm và đọc yêu cầu bài tập, học sinh thảo luận để đi đến phát hiện: ba việc làm đã nêu trong bài tập là những việc làm gây thiệt hại hoặc phiền phức cho người khác. Vậy nên người gây ra phiền phức, thiệt hại cần đưa ra lời xin lỗi để người bị làm phiền không bực mình và cảm thấy được tôn trọng. Mặt khác khi người nhận được lời xin lỗi, cần tỏ thái độ cảm thông với người đã xin lỗi.

Bước 3: Học sinh thảo luận nhóm.

Khi tổ chức cho học sinh thực hành, giáo viên cần chú ý khai thác, phát hiện và phát triển năng lực tiếng mẹ đẻ, phát huy kinh nghiệm bản ngữ, tạo cơ hội để học sinh luyện nói, luyện giao tiếp. Muốn làm tốt bước này, giáo viên cần sáng tạo để tổ chức giờ học sao cho tự nhiên, gây hứng thú, tạo cho học sinh thấy có nhu cầu nói, nhu cầu giao tiếp, thông qua đó hình thành cho các em kĩ năng giao tiếp, kĩ năng giải quyết vấn đề…

Bước 4: Các nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình. Mỗi lần sử dụng phương pháp thảo luận nhóm sẽ có một học sinh đại

diện (nhóm trưởng) chịu trách nhiệm trước cả nhóm lên trình bày hoặc một số thành viên lên đóng vai, từ đó dần dần hình thành và là cơ hội học sinh có khả năng tổ chức, giao tiếp và thói quen tự đánh giá, tự điều chỉnh. Cũng trong tập thể, học sinh có cơ hội trao đổi, tương trợ nhau và đó là điều kiện để các em mở rộng quan hệ giao tiếp, rèn luyện khả năng giao tiếp của mình.

Trong tình huống nói lời xin lỗi trên, học sinh đóng vai để đưa ra lời xin lỗi trong từng tình huống. Giáo viên có thể cho học sinh thực hiện kết quả thảo luận một trong ba ví dụ sau:

Ví dụ 1:

A: Ôi, cậu giẫm vào chân tớ rồi!

B: Cho tớ xin lỗi nhé.

Ví dụ 2:

A: Con quên không nhặt rau giúp mẹ à?

B: Ôi, con quên mất. Con xin lỗi mẹ. Con làm ngay đây ạ.

Ví dụ 3:

A: Sao cháu sơ ý thế? Bẩn hết áo bà rồi.

B: Cháu xin lỗi bà. Bà cho phép cháu lau vết bẩn ngay bây giờ ạ.

Bước 5: Lớp nhận xét, đánh giá; giáo viên rút kinh nghiệm

Khi các em thực hành luyện nói, giao tiếp, giáo viên cần chú ý quan sát và lắng nghe để nhận xét cách sử dụng lời nói khi giao tiếp, tư thế, tác phong khi nói và sửa lỗi phát âm, dùng từ, đặt câu…của các em.

2.3.3. Phương pháp rèn luyện theo mẫu

Rèn luyện theo mẫu trong phương pháp dạy học tiếng Việt là phương pháp giáo viên hướng dẫn cho học sinh dựa theo mẫu lời nói đã được sách giáo khoa xây dựng hoặc mẫu của giáo viên để giải quyết các bài tập, rèn kĩ năng hoặc tạo ra mẫu lời nói của chính mình.

Phương pháp rèn luyện theo mẫu được ứng dụng trong tất cả các phân môn tiếng Việt ở tiểu học. Học sinh có thể dựa theo các mẫu của sách giáo

khoa, của giáo viên để rèn luyện về chữ viết, luyện về phát âm, luyện đọc, giải nghĩa từ, đặt câu, viết đoạn văn,…

Đối với học sinh tiểu học, do vốn sống, vốn kiến thức, vốn ngôn ngữ…của các em chưa phong phú, cần dạy học thông qua mẫu để các em dễ quan sát, nhận diện và làm theo. Để giúp học sinh phát triển được ngôn ngữ nói và năng lực giao tiếp, giáo viên có thể vận dụng phương pháp rèn luyện theo mẫu với các bước sau:

Để thực hiện phương pháp giáo viên cần tuân thủ các quy trình sau:

- Giáo viên cung cấp mẫu lời nói hoặc cho học sinh đọc mẫu trong SGK
- GV hướng dẫn học sinh phân tích mẫu để nắm được bản chất,cách tạo mỗi loại mẫu.
- Học sinh mô phỏng tạo ra lời nói của mình
- Giáo viên tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả và tự đánh giá kết quả thực hiện lời nói của mình và của bạn.

Chẳng hạn, để dạy học sinh nói lời an ủi, thăm hỏi, có bài tập sau:

Hãy nói lời an ủi của em với ông (bà) (Tiếng Việt 2, tuần 11)*:*

a) Khi kính đeo mắt của ông (bà) bị vỡ.

b) Khi cây hoa do ông (bà) trồng bị chết.

Để giúp học sinh làm được bài tập này cũng như các bài tập phức tạp hơn, sau khi đưa ra tình huống và phân tích tình huống, giáo viên có thể làm mẫu hoặc hướng dẫn học sinh làm mẫu một phần. Ví dụ khi làm mẫu ở câu a để học sinh quan sát, giáo viên có thể giảng: nói lời an ủi, thăm hỏi là biểu hiện của sự chia sẻ tình cảm giữa những con người trong cộng đồng. Để thể hiện rõ sự chân thành của người nói đối với người nghe, lời an ủi, thăm hỏi tránh nói những lời chung chung, cần nói rõ nguyên nhân không may đó và tìm cách bù đắp những gì đã mất, đã hỏng để an ủi người thân…Cần nói sao để thể hiện đầy đủ sự quan tâm thật sự của người nói thì mới có tác dụng trấn an, động viên được tinh thần người nghe.

Bà ơi, cái kính vỡ này bà dùng đã lâu lắm rồi còn gì. Chiều nay mẹ cháu sẽ đưa bà ra tiệm kính để chọn mua một cái kính khác thật đẹp bà nhé!

Với cách tiến hành trên, giáo viên làm mẫu cả lời nói và cách thể hiện lời nói, tạo mối quan hệ giữa ngôn ngữ và diễn đạt, giúp học sinh dễ dàng trong hoạt động giao tiếp. Sau khi giáo viên làm mẫu, học sinh quan sát mẫu, các em dễ dàng làm được các bài tập tương tự.

Cũng có trường hợp, giáo viên không cần làm mẫu mà chỉ gợi ý để học sinh nhận ra các mẫu đã học để làm. Ví dụ như những bài rèn luyện về nói lời đề nghị, nói lời xin lỗi, nói lời cảm ơn…Sau đó, giáo viên tạo lập các tình huống tương tự để học sinh có cơ hội rèn luyện. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi vì nếu học sinh càng được biết nhiều tình huống thì khi vận dụng vào đời sống thường ngày, cách ứng xử, giao tiếp của học sinh càng linh hoạt.Tuy nhiên, nó phải thật gần gũi với cuộc sống hàng ngày của các em.

Ví dụ *Tập nói lời chào:*

- *Của bé với mẹ trước khi bé vào lớp*
- *Của bé với cô trước khi bé ra về*.[16, tr.137]

Mục đích của bài tập này là hình thành kĩ năng giao tiếp cho các em. Sau khi giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, có thể biến đổi tình huống giao tiếp: *"Mẹ dẫn em đến lớp. Cô giáo ra đón. Em sẽ nói gì với mẹ, với cô? Cô giáo và mẹ sẽ nói gì?".* Tình huống này yêu cầu cao hơn, giáo viên hướng dẫn học sinh luyện tập kĩ năng nói cho thành thạo, tự nhiên. Sau khi học sinh thực hành luyện tập, giáo viên tổ chức nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm và khen ngợi những em làm tốt.

2.3.4. Phương pháp phân tích tình huống giao tiếp

Đây là phương pháp dạy học trong đó dưới sự tổ chức và hướng dẫn của giáo viên, học sinh tìm hiểu các nhân tố giao tiếp trong tình huống, quan sát và phân tích các nhân tố đó theo định hướng của bài học, trên cơ sở đó rút ra những nội dung cần ghi nhớ về cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

Phân tích tình huống giao tiếp chính là phân tích hội thoại. Đó là phương pháp đưa ra các lời nhận xét, đánh giá về các yếu tố giao tiếp nêu trong đề bài. Đó là sự phân tích để chỉ rõ đích giao tiếp, nhân vật giao tiếp, đề tài giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp. Từ đó đưa ra dự kiến các phương tiện ngôn ngữ để thực hiện các tình huống giao tiếp. Ta có tình huống giao tiếp giả định trong đề bài sau:

Ví dụ: *Em hãy nói lời đáp của mình trong tình huống: Bác hàng xóm sang chúc tết. Bố mẹ đi vắng, chỉ có em ở nhà (Tiếng Việt 2, tuần 19, trang 12).*

Ở đây giáo viên là người tổ chức ra các tình huống giao tiếp, học sinh tham gia vào các tình huống đó và thực hành nói. Dựa vào thực tiễn giao tiếp trước mắt, các học sinh dưới sự điều khiển của giáo viên sẽ phân tích, đánh giá, nhận xét từng lời nói, cử chỉ, nét mặt…của các bạn khi đối chiếu với đích mà tình huống giao tiếp trong đề bài đặt ra.

- Giáo viên giới thiệu đề bài, (cùng học sinh) đặt các câu hỏi nhằm gợi lại những hiểu biết đã có liên quan đến tình huống nói/đáp lời chúc mừng, chia vui để kích thích học sinh tự tìm kiếm, trải nghiệm.

- Giáo viên yêu cầu từng nhóm học sinh trao đổi xem nên nói câu gì với bác hàng xóm khi bác sang chúc tết, bố mẹ đi vắng, chỉ có em ở nhà.

- Giáo viên cho 2 học sinh đóng vai thực hiện hai tình huống giả định trên.

- Học sinh nhận xét kết quả đóng vai lần thứ nhất (Bạn xưng hô với bác hàng xóm đã đúng chưa? Bạn đã đáp lại lời chúc tết của bác hàng xóm phù hợp chưa? Bạn tỏ rõ sự lễ phép với bác không? Nét mặt, cử chỉ của bạn có phù hợp với cuộc trò chuyện giữa bác hàng xóm và cháu chưa? Có cách nói nào khác hay hơn không?

- Giáo viên cho 2 học sinh đóng vai thực hiện lần thứ hai tình huống trên sau khi đã rút kinh nghiệm.

- Học sinh nhận xét kết quả đóng vai lần thứ hai. Cả lớp thống nhất những cách nói và cử chỉ, nét mặt nên có khi trò chuyện và đáp lời chúc tết của bác hàng xóm trong tình huống trên.

- Giáo viên nhấn mạnh lại lần nữa những câu nói (nên dùng) và điệu bộ, nét mặt nên có lúc trò chuyện với người lớn khi được chúc mừng, chia vui.

Trong cách triển khai bài giảng như trên, học sinh đã được tham gia các hoạt động như phân tích tình huống, lựa chọn lời nói chúc mừng sau khi đãchứng kiến cuộc hội thoại. Các em có thể giới thiệu những cách nói, cách biểu hiện khác theo đề tài đã cho từ kinh nghiệm giao tiếp của bản thân. Những phút phân tích, trao đổi tranh luận đó chính là thời gian để các em san sẻ kinh nghiệm sử dụng lời nói trong giao tiếp (dù ít ỏi) của mình. Nhờ vậy, vốn kinh nghiệm giao tiếp và ứng xử của các em sẽ nâng cao hơn rất nhiều. Đây là phương pháp dạy học tích cực nên áp dụng cho học sinh khá giỏi, có kĩ năng giao tiếp tốt và vốn sống phong phú.

Tuy nhiên, trong thực tế do không nắm được việc hướng dẫn của sách giáo viên nên nhiều giáo viên không tổ chức tốt phần định hướng để học sinh tạo ra các lời nói phù hợp. Chẳng hạn, trong bài tập 2 [30, tr.38]: *Nói lời xin lỗi* của em trong các trường hợp sau:

a) Em lỡ bước, giẫm chân vào bạn.

b) Em mải chơi, quên làm việc mẹ đã dặn.

c) Em đùa nghịch, va phải một cụ già.

Khi làm bài tập này, đa số học sinh đều đưa ra những câu nói: Mình xin lỗi/ Con xin lỗi/ Cháu xin lỗi. Như vậy các em mới hiểu được, trong tình huống này cần nói lời xin lỗi và lời nói của các em đã phù hợp với nhân vật giao tiếp, tức là các em mới chỉ chú ý đến nội dung giao tiếp, vai giao tiếp mà chưa chú ý đến hoàn cảnh giao tiếp và mục đích giao tiếp. Nếu được định hướng cụ thể trong bước phân tích tình huống thì học sinh còn thể hiện các lời nói phong phú và phù hợp hơn. Các em không chỉ nói một câu đơn giản như vậy mà các em có thể nói thêm một vài câu để làm bạn/ mẹ/ cụ già vừa lòng, tức là đã hiểu được mục đích giao tiếp của lời xin lỗi: Xin lỗi cậu, tớ vô ý quá, do tớ đi nhanh qua đấy. Cậu có đau lắm không?/ Con xin lỗi mẹ, vì con mải chơi quá.Con sẽ làm

xong ngay bây giờ đây mẹ ạ./ Cháu xin lỗi cụ. Cháu nghịch quá/ vô ý quá. Cụ có đau lắm không ạ?

Như vậy trong dạy học, giáo viên cần phân tích tình huống và đặt học sinh vào các vai giao tiếp khác nhau để học sinh được luyện tập, nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp cao nhất từ đó góp phần giáo dục văn hoá giao tiếp cho các em.

2.4. Tăng cường tổ chức các loại hình hoạt động nhằm mở rộng đối tượng, phạm vi, nội dung giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc

Kỹ năng giao tiếp, năng lực giao tiếp của học sinh chỉ được hình thành thông qua hoạt động và bằng hoạt động, tăng cường tổ chức các loại hình hoạt động chính là mở rộng đối tượng, phạm vi, nội dung giao tiếp cho học sinh tiểu học, tạo ra môi trường trải nghiệm đa dạng phong phú cho học sinh tiểu học rèn luyện kỹ năng giao tiếp.

Tăng cường tổ chức hoạt động theo hướng tích hợp giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc là nhằm tạo điều kiện về không gian, thời gian, tạo phương tiện để các em có cơ hội trải nghiệm nhận thức, thái độ, hành vi, kỹ năng của cá nhân trong quá trình giao tiếp, giúp các em biến tri thức thành hành vi, có cơ hội rèn luyện các kỹ năng cơ bản để thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em trong gia đình, nhà trường và xã hội. Do tính đặc thù vùng miền của học sinh tiểu học miền núi phía Bắc đó là tính thiếu tự tin, nhút nhát, ngại thể hiện nên khắc phục những đặc điểm đó là điều vô cùng cần thiết.

Tăng cường tổ chức nhiều loại hình hoạt động và giao lưu cho học sinh, nhằm giúp cho các em được mở rộng các mối quan hệ trong ứng xử, được chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, có kĩ năng bày tỏ thái độ, quan điểm và hành động của mình trong các mối quan hệ. Từ đó các em có cơ hội trải nghiệm giúp cho học sinh mở rộng các mối quan hệ ứng xử, có cơ hội trải nghiệm trong nhiều tình huống khác nhau, tạo ra môi trường giáo dục thân thiện.

Xây dựng các chuẩn mực giao tiếp nhằm định hướng cho hoạt động rèn luyện kỹ năng giao tiếp của học sinh, tạo dựng văn hóa giao tiếp, thông qua đó phát triển kỹ năng, giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh.

Tiếng Việt là môn học trong chương trình Tiểu học. Thông qua môn học này, học sinh được hình thành và phát triển các kĩ năng sử dụng tiếng Việt: nghe - nói - đọc - viết để các em học tập và giao tiếp trong các môi trường của đời sống xã hội. Đồng thời thông qua việc dạy học tiếng Việt góp phần rèn luyện cho học sinh các thao tác tư duy, cung cấp cho các em những kiến thức sơ giản về tiếng Việt, những hiểu biết sơ giản về xã hội, tự nhiên và con người; về văn hoá. Môn học này còn giúp học sinh bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam XHCN.

Như vậy, để học tốt môn Tiếng Việt học sinh phải được giao tiếp bằng ngôn ngữ không những thông qua các giờ học chính khoá mà các em phải được rèn luyện kĩ năng giao tiếp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Nội dung và cách thức tiến hành

Tăng cường tổ chức các hoạt động trong giờ học cho học sinh nhằm tạo ra các mối quan hệ tương tác giữa giáo viên với học sinh, học sinh với học sinh và học sinh với môi trường xung quanh, làm cho quan hệ của các em được mở rộng, nội dung, đối tượng giao tiếp được mở rộng, thông qua đó phát triển năng lực giao tiếp và giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em.

Ví dụ khi dạy nội dung xin lỗi (tuần 4, Tiếng Việt 2), với bài tập 1, nói lời đáp của em trong mỗi trường hợp sau:

a) *Em lỡ bước, giẫm vào chân bạn.*

b) *Em mải chơi, quên làm việc mẹ đã dặn.*

c) *Em đùa nghịch, va phải một cụ già.*

Để giúp học sinh thực hành tốt các tình huống, giáo viên phân nhóm 2: trong đó học sinh 1: nói lời xin lỗi; học sinh 2: nói lời đáp.

Còn với bài tập 1, bài: *Đáp lời chào - lời tự giới thiệu* (tuần 19, tiếng Việt 2), giáo viên chia học sinh theo nhóm 5 (một em vai chị phụ trách sao, 4 em khác vai các em nhỏ trong sao nhi đồng). Với cách phân nhóm như vậy, các em đã tham gia thực hành tốt. Các em sẽ cố gắng thể hiện tình huống một cách tự nhiên, giờ học sôi nổi. Các em rất thích thú khi đóng vai.

Hoặc giáo viên giúp các em lựa chọn chủ đề chơi là một tác phẩm văn học trong phần truyện đọc của trẻ. Sau đó đọc cho các em nghe câu chuyện và nắm được nội dung cốt truyện, nhấn mạnh tính cách của từng nhân vật trong truyện. Tiếp theo là chuẩn bị chỗ chơi (sân khấu), đạo cụ, đồ chơi cần thiết cho màn diễn, thỏa thuận về trò chơi. Ban đầu giáo viên đảm nhiệm vai chính, sau đó truyền đạt nội dung của truyện bằng các cử chỉ - điệu bộ - lời nói của nhân vật chính đó. Sau đó giáo viên sẽ rút lui để trẻ tự chơi cần phân vai lần lượt cho trẻ được tham gia đầy đủ, ai cũng được chơi. Chú ý đến đạo cụ chơi và hóa trang sẽ làm cho các nhân vật trở nên rõ nét hơn. Luôn duy trì cảm xúc tốt cho các em về tác phẩm mà các em đang chơi thường xuyên bổ sung những câu chuyện mới có tình tiết phức tạp - nhiều nhân vật tham gia - đa dạng về cấu trúc. Cuối cùng khi kết thúc trò chơi, giáo viên "nhắc nhở" trẻ thu dọn sân khấu tạo cho các em tâm trạng vui vẻ có ấn tượng lành mạnh về trò chơi phân vai mà trẻ vừa chơi xong.

Ở đây học sinh có điều kiện sử dụng tiếng Việt trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp khác nhau, ứng dụng, phản ứng nhanh, rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật, diễn tả ý nghĩ, tình cảm của mình, bổ trợ cho các tiết học chính khoá.

Việc lồng ghép tinh tế, nhẹ nhàng và bài bản giữa học tập với tổ chức các loại hình hoạt động cho học sinh là điều cần thiết. Nhà trường đã thường xuyên tổ chức các chuyến tham quan, học tập ngoài trời, các buổi sinh hoạt chuyên đề, vui chơi tập thể có chủ đích và định hướng. Chương trình được lồng ghép việc giáo dục giá trị và kỹ năng sống thực tế. Không chỉ giới hạn trong các

chương trình do nhà trường tổ chức, học sinh còn được khuyến khích chủ động, tổ chức các loại hình hoạt động mà qua đó, chẳng những các em được nâng cao nhận thức và giá trị sống về vai trò của cá nhân trong tập thể, tính kỷ luật, tinh thần đồng đội lòng nhân ái, tính vị tha. Ngoài ra nó rèn kĩ năng giao tiếp và cao hơn nữa là giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em ở mọi lúc mọi nơi. Do đó các hoạt động này cần được chú trọng tổ chức thường xuyên ở nhà trường.

Mở rộng phạm vi hoạt động của nhà trường, đa dạng hóa các hình thức hoạt động theo hướng gắn kết với hoạt động của cộng đồng, địa phương nhằm tăng cường hoạt động giao tiếp cho học sinh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Căn cứ vào mục tiêu giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi thông qua dạy học môn Tiếng Việt; vào đặc điểm sinh hoạt, văn hóa, nhu cầu giáo dục văn hóa giao tiếp của học sinh tiểu học miền núi; vào nội dung, khả năng giáo dục văn hóa giao tiếp của môn Tiếng Việt, đề tài đã xác định nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp của học sinh tiểu học miền núi; đồng thời xác định 51 bài học có thể thực hiện giáo dục văn hóa giao tiếp, chỉ ra nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp có thể được thực hiện trong mỗi bài cho học sinh tiểu học miền núi. Từ nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi đã được xác định; từ đặc điểm HS; nguyên tắc và thực tiễn giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi của giáo viên, chúng tôi nghiên cứu, lựa chọn và đề xuất việc sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích cực trong Tiếng Việt như sau:

1. Phương pháp đóng vai.
2. Phương pháp thảo luận nhóm.
3. Phương pháp rèn luyện theo mẫu.
4. Phương pháp phân tích tình huống giao tiếp.
5. Tăng cường tổ chức các loại hình hoạt động nhằm mở rộng đối tượng, phạm vi, nội dung giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc.

Chương 3
THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích thực nghiệm

Với một đề tài thuộc chuyên ngành LL & PPDH Bộ môn Văn- Tiếng Việt, việc tổ chức thực nghiệm sư phạm chủ yếu nhằm kiểm tra kết quả nghiên cứu của đề tài. Thông qua thực nghiệm sư phạm nhằm mục đích xác định giải pháp dạy học về GDVHGT mà đề tài đề xuất có nâng cao hiệu quả dạy học GDVHGT cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc hay không, khả năng ứng dụng vào thực tế dạy học hiện nay như thế nào?

Để biết thực trạng về năng lực sử dụng văn hóa giao tiếp trong giao tiếp của học sinh, thực nghiệm điều tra đã được tổ chức trên một số trường tiểu học ở một số tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam. Thực nghiệm được tiến hành bằng cách khảo sát hoạt động dạy và học, khảo sát bài Tập đọc-Kể chuyện, Luyện từ và câu, Tập làm văn nói và viết của học sinh.

Thực nghiệm dạy học được tiến hành trên một số bài học trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học. Các bài thực nghiệm đã được thiết kế sát với tình hình thực tế, phù hợp với mục đích nghiên cứu và đối tượng thực nghiệm.

3.2. Đối tượng và địa bàn thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm trong năm học 2014 - 2015 và học kì I của năm học 2015 - 2016. Đối tượng thực nghiệm được lựa chọn là học sinh lớp 2 và lớp 4- là hai lớp đại diện cho hai kiểu bài dạy học về GDVHGT của chương trình tiếng Việt tiểu học mà đề tài quan tâm. Khi lựa chọn đối tượng thực nghiệm thì chúng tôi lựa chọn tự nhiên với tất cả ưu và nhược điểm, mặt tích cực và hạn chế, mang tính đại diện cho vùng miền núi. Các lớp đối chứng cũng có điều kiện cơ bản tương đồng với các lớp thực nghiệm (về điều kiện dạy học, về năng lực của giáo viên và học sinh,…) để từ đó rút ra sự so sánh, đối chiếu hai loại lớp thực nghiệm và đối chứng về hiệu quả dạy học, năng lực của học sinh,…mới có ý nghĩa.

Về giáo viên, chúng tôi chọn những giáo viên tiểu học được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn, nắm vững mục đích, yêu cầu thực nghiệm, có khả năng phối hợp một cách hiệu quả với người nghiên cứu.

Địa bàn thực nghiệm dạy học là 3 tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Cạn và Lạng Sơn. Dưới đây là các lớp tham gia thực nghiệm:

(1) Tỉnh Thái Nguyên:

- *Trường tiểu học Hóa Thượng - Đồng Hỷ*

GV thực nghiệm: Phạm Thị Hương Thu

+ Lớp thực nghiệm: 2A (30 học sinh)

GV đối chứng: Nguyễn Thị Điệp

+ Lớp đối chứng: 2B (30 học sinh)

GV thực nghiệm: Hoàng Thị Lan Hương

+ Lớp thực nghiệm: 4A (28 học sinh)

GV đối chứng: Nguyễn Thị Anh

+ Lớp đối chứng: 4B (30 học sinh)

- *Trường tiểu học Tràng Xá - Võ Nhai*

GV thực nghiệm: Trịnh Thị Tuyết Nhạn

+ Lớp thực nghiệm: 2A (22 học sinh)

GV đối chứng: Nguyễn Thị Toàn

+ Lớp đối chứng: 2B (22 học sinh)

GV thực nghiệm: Hoàng Hồng Nhung

+ Lớp thực nghiệm: 4A (20 học sinh)

GV đối chứng: Nguyễn Thị Thư

+ Lớp đối chứng: 4C (27 học sinh)

(2) Tỉnh Bắc Cạn:

- *Trường tiểu học Lương Hạ - Na Rì*

GV thực nghiệm: Lục Vi Nhân

+ Lớp thực nghiệm: 2A (20 học sinh)

GV đối chứng: Cao Văn Khoa

+ Lớp đối chứng: 2B (18 học sinh)

GV thực nghiệm: Hoàng Văn Hà

+ Lớp thực nghiệm: 4A (12 học sinh)

GV đối chứng: Nông Ngọc Giang

+ Lớp đối chứng: 4B (14 học sinh)

- *Trường tiểu học Đôn Phong - Bạch Thông*

GV thực nghiệm: Nông Thị Điềm

+ Lớp thực nghiệm: 2A (19 học sinh)

GV đối chứng: Nông Văn Hợi

+ Lớp đối chứng: 2B (20 học sinh)

GV thực nghiệm: Nông Thị Xoan

+ Lớp thực nghiệm: 4A (13 học sinh)

GV đối chứng: Nông Văn Sơn

+ Lớp đối chứng: 4B (15 học sinh)

(3) Tỉnh Lạng Sơn:

- *Trường tiểu học Tân Thanh - Văn Lãng*

GV thực nghiệm: Hoàng Thị Nàng

+ Lớp thực nghiệm: 2A (30 học sinh)

GV đối chứng: Nguyễn Thị Mai

+ Lớp đối chứng: 2B (31 học sinh)

GV thực nghiệm: Lương Thị Huế

+ Lớp thực nghiệm: 4A (27 học sinh)

GV đối chứng: Hoàng Văn Ba

+ Lớp đối chứng: 4B (27 học sinh)

- *Trường tiểu học Vân Nham - Hữu Lũng*

GV thực nghiệm: Lương Thị Thu Huế

+ Lớp thực nghiệm: 2A (34 học sinh)

GV đối chứng: Lưu Thu Thủy

+ Lớp đối chứng: 2B (31 học sinh)

GV thực nghiệm: Vũ Minh Anh

+ Lớp thực nghiệm: 4A (28 học sinh)

GV đối chứng: Dương Thị Thanh

+ Lớp đối chứng: 4B (27 học sinh)

3.3. Nội dung thực nghiệm

Những bài được lựa chọn là giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh toàn cấp tiểu học và khảo sát sách giáo khoa từ lớp 1 đến lớp 5 nhưng trong quá trình thực nghiệm do thời gian có hạn nên chúng tôi chỉ tiến hành thực nghiệm được ở lớp 2, lớp 3 và lớp 4 là những lớp đặc trưng cho hai giai đoạn ở tiểu học, được thể hiện ở phân môn Tập làm văn, Tập đọc-Kể chuyện, Luyện từ và Câu có nội dung phù hợp. Dưới đây là nội dung thực nghiệm dạy học đã được thực hiện.

Nội dung chủ yếu của thực nghiệm dạy học là tiến hành dạy học theo hai loại giáo án khác nhau: giáo án thực nghiệm và giáo án đối chứng.

Số lượng các giáo án thực nghiệm gồm các tiết dạy học GDVHGT trong phân môn Tập làm văn ở lớp 2, phân môn Tập đọc - Kể chuyện ở lớp 3 và phân môn Luyện từ và câu ở lớp 4. Cụ thể là:

Lớp 2:

Mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị (Tuần 8)

Lớp 3:

Chiếc áo len (Tuần 3)

Lớp 4:

Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị (Tuần 29)

3.4. Phương pháp thực nghiệm

Để điều tra thực trạng về kĩ năng sử dụng VHGT trong giao tiếp của HSTH, chúng tôi đã tiến hành bằng cách trò chuyện hoặc gửi phiếu thăm dò, lấy ý kiến của giáo viên về nội dung, cách thức dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

Từ kết quả điều tra, đề tài đề xuất các ý tưởng tổ chức luyện giao tiếp cho HSTH để hình thành kĩ năng nói lời giao tiếp có văn hóa cho các em.

Nhằm kiểm tra đánh giá về việc ứng dụng, vận dụng các phương pháp dạy học, các kiểu bài dạy học GDVHGT mà đề tài đưa vào các bài dạy, tiết dạy cụ thể trong phân môn Tập làm văn, Tập đọc-Kể chuyện, Luyện từ và câu.

Để thực nghiệm, người nghiên cứu thiết kế bài soạn cho một số bài học trong môn Tiếng Việt lớp 2, lớp 3 và lớp 4 theo định hướng đã trình bày trong đề tài, sau đó hướng dẫn giáo viên tiểu học thực hiện các bài dạy này trên lớp thực nghiệm. Với các lớp đối chứng, những bài học này được thực hiện theo nội dung và cách thức thông thường. Sau mỗi kì thực nghiệm, học sinh lớp thực nghiệm và lớp đối chứng làm bài kiểm tra trong cùng một điều kiện để đánh giá kết quả dạy học. Việc đánh giá được thực hiện theo hình thức cho điểm toàn bài theo thang điểm 10 của hai khối lớp 2 và 4. Nếu kết quả làm bài kiểm tra ở lớp thực nghiệm tốt hơn ở lớp đối chứng, thì các ý tưởng được đề xuất và phân tích trong đề tài có thể được tích hợp trong quá trình dạy học các phân môn cụ thể của môn Tiếng Việt.

Dưới đây, đề tài xin giới thiệu một bài soạn thực nghiệm dạy học và một phiếu bài tập đánh giá sau thực nghiệm dạy học.

Giáo án thực nghiệm: MỜI, NHỜ, YÊU CẦU, ĐỀ NGHỊ

(Tiếng Việt 2, tuần 8)

I. Mục đích, yêu cầu

- HS biết nói lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị phù hợp với từng tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Giao tiếp ứng xử có văn hóa, mạnh dạn, tự tin, cởi mở khi nói lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị; chăm chú lắng nghe và phản hồi ý kiến người khác.

II. Đồ dùng dạy học

- Bảng phụ chép đoạn thơ về một tình huống

III. Các hoạt động dạy học

1. Kiểm tra bài cũ

2. Dạy bài mới:

Bước 1: Khám phá

- HS trao đổi thảo luận trong nhóm: nêu các tình huống em mời / nhờ/ yêu cầu/ đề nghị một ai đó làm một việc gì.
- GV giới thiệu: Trong tiết Tập làm văn hôm nay, các em sẽ luyện nói một số câu trong giao tiếp với bạn bè, trong đó có sử dụng lời mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị phù hợp.

Bước 2: Nhận biết kiến thức, kĩ năng bài học

- Gọi một học sinh đọc yêu cầu bài tập 1
- Hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập: nói những câu mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị đối với bạn theo các tình huống:

a. Bạn đến nhà thăm em. Em mở cửa và mời bạn vào chơi.

b. Em thích một bài hát mà bạn đã thuộc. Em nhờ bạn chép lại cho mình

c. Bạn ngồi bên cạnh nói chuyện trong giờ học. Em yêu cầu (đề nghị) bạn giữ trật tự để nghe cô giáo giảng bài.

GV hướng dẫn HS tập nói theo cặp: một em nêu tình huống, em khác nói câu mời (nhờ, yêu cầu hay đề nghị) và ngược lại.

- Từng cặp học sinh nói với nhau theo các tình huống trên, sau đó đóng vai nói trước lớp (2, 3 cặp). Ví dụ:

a) Tình huống 1 - Mời bạn vào nhà chơi: HS 1 đến thăm nhà bạn, nói: - *Chào bạn!*

HS 2 mở cửa mời bạn vào và nói: - *A, Hùng, mời bạn vào đây!*

Hoặc: *Vào đây chơi với bọn mình, Hùng ơi!*

b) Tình huống 2 - nhờ bạn chép hộ bài hát:

- *Lan ơi, mình rất thích bài hát "Cả nhà thương nhau", bạn có thể chép hộ mình được không?*

- *Ngày mai mình có việc phải nghỉ học. Bạn có thể chép hộ mình bài hát "Quốc ca" được không?*

c) Tình huống 3 - yêu cầu, đề nghị bạn giữ trật tự nghe cô giáo giảng bài.

- *Suỵt! Đừng nói chuyện nữa nhé!*
- *Hoàng ơi, đừng nói chuyện nữa kẻo cô giáo nhắc đấy!*
- GV và HS nhận xét các cặp thực hành đã xưng hô với nhau như thế nào, lời nói đã đúng/ phù hợp với mục đích, yêu cầu của tình huống chưa? Giọng nói đã biểu hiện thái độ thân mật, gần gũi chưa?
- GV nhắc HS: lời nói cần thể hiện thái độ lịch sự mà vẫn thân mật, gần gũi với bạn bè, không nên nói cộc lốc; cố gắng nói được nhiều cần có cách diễn đạt khác nhau.

Bước 3: Thực hành tình huống mới

GV treo bảng phụ có chép đoạn thơ kể về tình huống như sau:

Có một chú cừu đen
Theo sườn núi đi lên
Đến một chiếc cầu vắng
Thì gặp anh cừu trắng
Cừu trắng nói: "Nghe đây!
Vấn đề là thế này:
Cầu hẹp, không đi được,
Anh nhường tôi đi trước!"

Nếu em là Cừu đen, trong tình huống này, em sẽ nói lại đáp lời Cừu trắng như thế nào?

- Học sinh thảo luận và đóng vai Cừu trắng, Cừu đen để nói lời yêu cầu, đề nghị.

- GV cùng cả lớp đánh giá, kết luận.

Nhắc học sinh: nói lời cần thể hiện thái độ lịch sự mà vẫn thân mật, gần gũi với bạn bè, không nên nói cộc lốc; cố gắng nói được nhiều câu có cách diễn đạt khác nhau.

Bước 4: Vận dụng, củng cố bài

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà thực hành:

+ Xây dựng tình huống nói lời mời, nhờ, yêu cầu hay đề nghị; xây dựng các nhân vật nói lời mời, nhờ, yêu cầu hay đề nghị phù hợp.

+ Nói lời mời, nhờ, yêu cầu hay đề nghị với một số người thân trong gia đình.

- Học sinh đổi vở cho bạn để bạn góp ý, hoàn thiện bài làm của bài tập 3.
- Chuẩn bị bài mới.

BÀI KIỂM TRA

(Dùng sau tiết thực nghiệm dạy học Mời, nhờ, yêu cầu, đề nghị)

Bài tập 1: Em hãy nối mỗi lời yêu cầu, đề nghị ở cột phải với một tình huống ở cột trái cho phù hợp:

Tình huống	Lời cần nói
1.Trong rạp chiếu phim, em muốn đi qua chỗ bạn đang ngồi để vào ghế của mình ở bên trong	a.Chú làm ơn chỉ giúp cháu đường đến Hồ Gươm ạ.
2. Em muốn mượn điện thoại của mẹ	b. Mẹ cho con mượn điện thoại một lúc thôi mẹ nhé
3. Em muốn hỏi thăm chú công an đường đến Hồ Gươm	c.Bác ơi, lát nữa bố mẹ cháu về, nhờ bác nhắn giúp là cháu sang nhà bạn Vân học ạ.
4. Em muốn nhờ bác hành xóm nhắn giúp với bố mẹ là em sang nhà bạn học	d.Bạn làm ơn cho mình đi nhờ vào trong.

Bài tập 2: Em hãy nói lời phù hợp với các tình huống sau:

Tình huống	Lời cần nói
1.Trong giờ học, các bạn xung quanh nói chuyện. Em đề nghị bạn giữ trật tự.	
2.Em đi học về, đường đông xe cộ, em sẽ nói câu gì để nhờ chú công an dắt em qua đường?	
3.Lan vừa chửi thề trước mặt em. Em hãy nói một câu yêu cầu bạn không được nói tục	
4.Bút của Hà bỗng nhiên hết mực, em đưa bút của mình cho bạn và nói như thế nào?	
5.Em của em thường ngủ dậy muộn, em nói câu gì để dặn dò em dậy đúng giờ?	
6.Trong giờ kiểm tra, Hiếu nhìn bài của em. Em sẽ nói với bạn như thế nào?	

Bài tập 3: Em muốn nhờ đóng hộ cửa bếp. Em sẽ nói như thế nào nếu:

a) Người được nhờ là mẹ:

……

b) Người được nhờ là em gái:

……

c)Người được nhờ là bạn:

……

Bài tập 4: Cho đoạn truyện sau:

Thỏ và Sóc là đôi bạn thân thiết. Một ngày nắng đẹp, đôi bạn rủ nhau vào rừng hái quả. Mùa thu, khu rừng thơm phức hương quả chín. Bỗng Thỏ reo lên mừng rỡ:

- *Ôi, chùm quả chín mọng kìa, ngon quá! Mình đi lấy đi!*

Thấy chùm quả vắt vẻo cao tít, Sóc vội vàng ngăn Thỏ:

- *Cậu đừng lấy, nguy hiểm lắm!*

Nhưng Thỏ đã men ra. Nó cố với. Trượt chân, Thỏ ngã nhào. Sóc nhanh nhẹn túm được áo Thỏ. Sức mạnh của Thỏ đã kéo Sóc ngã theo nhưng rất may, Sóc kịp với vào cành cây nhỏ nên cả hai bị treo lơ lửng trên không chứ không bị rơi xuống khe núi đầy đá nhọn. Cái cành cây cong gập hẳn lại. Chích chòe hốt hoảng kêu:

- *Cành cây sắp gẫy rồi kìa!*

a) Em hãy ghi lại các yêu cầu, đề nghị có trong đoạn truyện trên.

b) Em hãy viết tiếp nội dung đoạn kết của câu chuyện trên theo trí tưởng tượng của em, trong đó có sử dụng thêm một vài câu yêu cầu, đề nghị.

3.5. Kết quả thực nghiệm

Tổng số học sinh tham gia thực nghiệm dạy học ở 6 trường tiểu học của 3 tỉnh: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Cạn là 575 học sinh, trong đó có 283 học sinh thực nghiệm và 292 học sinh đối chứng.

Bảng 3.1. Kết quả điểm kiểm tra ở các lớp thực nghiệm và các lớp đối chứng (Khối 2)

Địa phương	Lớp TN-ĐC	Số bài khảo sát	Điểm giỏi (9-10)		Điểm khá (7-8)		Điểm TB (5-6)		Điểm kém (dưới 5)	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Thái Nguyên	TN	52	13	28	26	50	12	23,07	1	1,92
	ĐC	52	9	17,3	24	46,15	17	32,69	2	3,84
Bắc Cạn	TN	39	6	15,38	18	46,15	13	33,33	2	5,12
	ĐC	38	3	7,89	15	39,47	17	44,73	3	7,89
Lạng Sơn	TN	64	15	23,43	30	46,87	16	25	3	4,68
	ĐC	62	10	16,12	20	32,25	28	45,16	4	6,45
Tổng hợp	TN	155	34	21,93	74	47,74	41	26,45	6	3,87
	ĐC	152	22	14,47	59	38,81	62	40,78	9	5,92

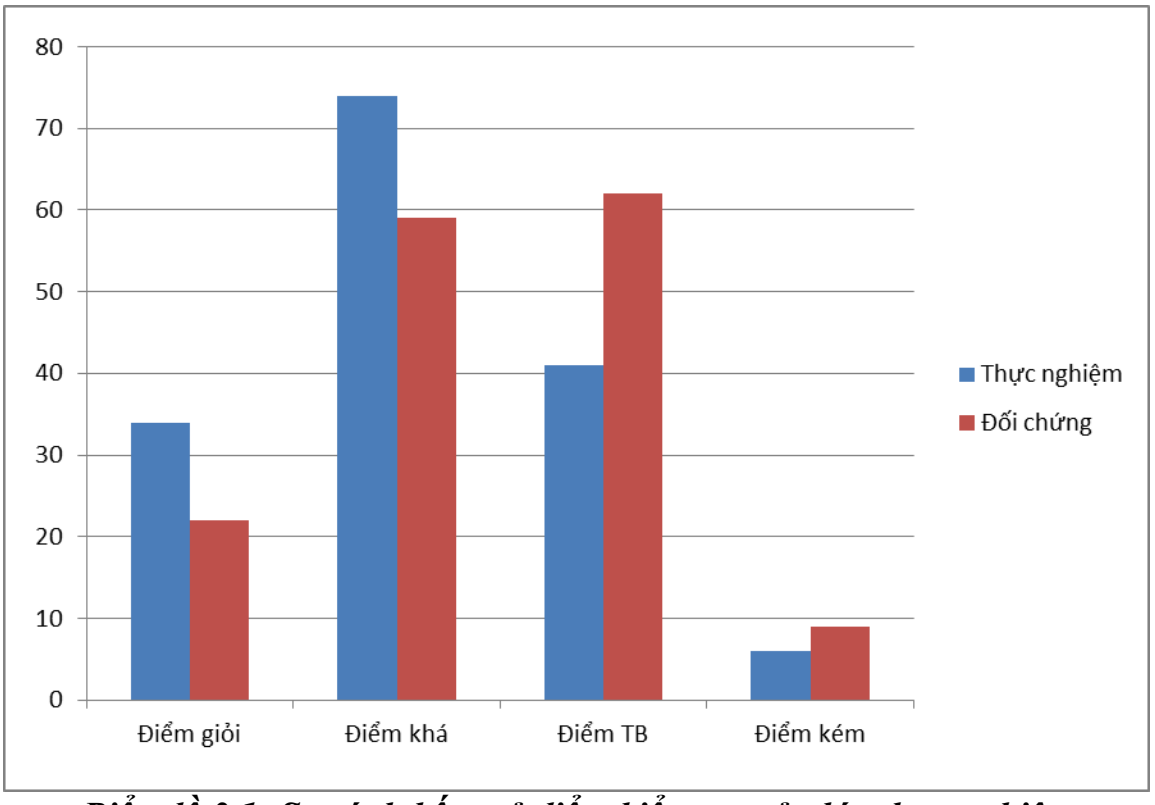

Biểu đồ 3.1: So sánh kết quả điểm kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng (Khối 2)

Bảng 3.2. Kết quả điểm kiểm tra ở các lớp thực nghiệm và các lớp đối chứng (Khối 4)

Địa phương	Lớp TN-ĐC	Số bài khảo sát	Điểm giỏi (9-10)		Điểm khá (7-8)		Điểm TB (5-6)		Điểm kém (dưới 5)	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Thái Nguyên	TN	48	12	25	22	45,83	13	27,08	1	2,08
	ĐC	57	10	17,54	24	42,1	21	36,84	2	3,5
Bắc Cạn	TN	25	4	16	8	32	11	44	2	8
	ĐC	29	2	6,89	10	34,48	14	48,27	3	10,34
Lạng Sơn	TN	55	15	27,27	30	54,54	8	23,43	2	3,63
	ĐC	54	5	9,25	21	38,88	25	46,29	3	5,55
Tổng hợp	TN	128	31	21,93	60	45,16	32	21,93	5	10,96
	ĐC	140	17	14,47	55	34,21	60	36,18	8	15,13

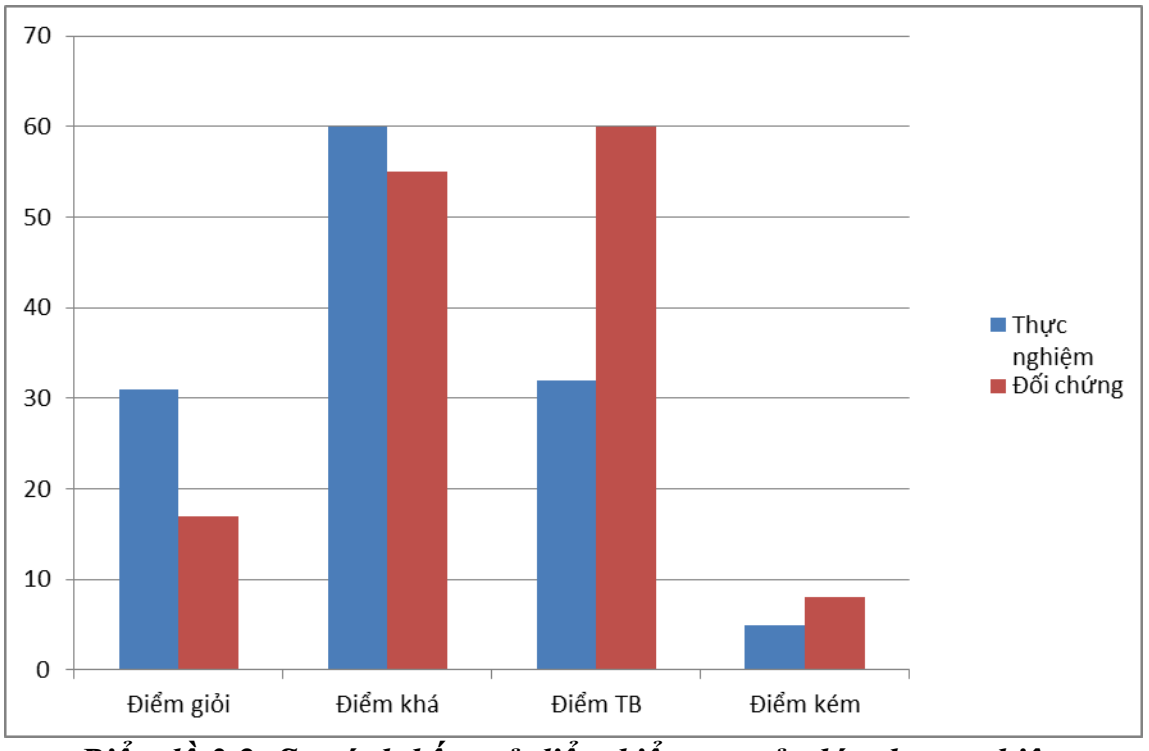

Biểu đồ 3.2: So sánh kết quả điểm kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng (Khối 4)

Nhận xét kết quả thực nghiệm dạy học:

Căn cứ vào kết quả làm bài của học sinh các lớp thực nghiệm và đối chứng, căn cứ vào phiếu đánh giá các tiết dạy thực nghiệm của các trường tiểu học, căn cứ vào kết quả trao đổi với giáo viên thực nghiệm về các vấn đề liên quan đến thực nghiệm, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Trong quá trình dạy thực nghiệm, do đã được bồi dưỡng, tập huấn một số vấn đề cơ bản về bài dạy, giáo viên thực nghiệm đã tổ chức tốt các tiết dạy thực nghiệm, các giờ dạy nhìn chung đều có tác động tích cực đến học sinh và giáo viên thực nghiệm. Qua bài học thực nghiệm giúp học sinh hiểu rõ hơn về kĩ năng kĩ năng sử dụng giao tiếp có văn hóa trong môn Tiếng Việt ở tiểu học, nắm vững yêu cầu thực hiện bài tập, nắm được các thao tác trong quá trình thực hiện bài tập.

Ở hai khối lớp, số điểm kém trong lớp thực nghiệm có rất ít, trong khi đó, ở các lớp đối chứng, số điểm kém tỉ lệ vẫn còn cao.

Tỉ lệ điểm khá, giỏi của các lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng. Kết quả này cho thấy, hiệu quả của các phương pháp dạy học và các bài tập ứng dụng trong dạy học về GDVHGT. Các bài tập đã trở thành phương tiện hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng rèn kĩ năng giao tiếp cho học sinh-nhất là học sinh miền núi.

Trong quá trình dạy học và làm bài kiểm tra, chúng tôi quan sát thấy giờ học trôi qua nhẹ nhàng, học sinh làm việc tích cực, sôi nổi thảo luận, đóng vai, bị cuốn hút vào các hoạt động liên tục của tiết học, hơn nữa qua bài học, các e còn có ý thức vận dụng vào thực hành trong hoạt động giao tiếp. Hình thức bài tập đa dạng kích thích sự hứng thú học tập của các em, tránh cảm giác đơn điệu, nhàm chán trong quá trình học tập.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Đề tài tiến hành thực nghiệm trên hình thức thực nghiệm dạy học vào năm học 2014-2015 và học kì I 2015-2016 trên địa bàn 3 tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Cạn và Lạng Sơn. Đối tượng thực nghiệm được lựa chọn là học sinh lớp 2 và lớp 4 - là hai lớp đại diện cho hai kiểu bài về dạy học giáo dục văn hóa giao tiếp mà đề tài quan tâm.

Với thực nghiệm dạy học, chúng tôi muốn đối chiếu hiệu quả dạy học giáo dục văn hóa giao tiếp theo phương pháp dạy học mà đề tài đề xuất với phương pháp dạy học hiện hành ở nhà trường tiểu học. Kết quả thực nghiệm đã bước đầu giúp chúng tôi có thêm cơ sở để tin rằng việc dạy học giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh ở tiểu học sẽ có hiệu quả hơn khi chúng ta giúp học sinh nhận biết và rèn kĩ năng giao tiếp có văn hóa dựa trên cơ sở khám phá, kết nối, luyện tập và trải nghiệm bài học.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Giáo dục văn hóa giao tiếp có vai trò quan trọng trong việc góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như giáo dục nhân cách toàn diện cho học sinh tiểu học. Và các vấn đề được giáo dục đều rất gần gũi, quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày của các em. Việc dạy học thêm phần này sẽ giúp các em biết cách giao tiếp, ứng xử có văn hóa trong nhiều tình huống của cuộc sống, để các em trở thành những con người năng động, sáng tạo, hoàn thiện trong một xã hội đang ngày càng phát triển đòi hỏi chúng ta phải luôn không ngừng rèn luyện và thích ứng.

Qua khảo sát thực trạng dạy học, nhất là dạy học đối với học sinh tiểu học ở một số tỉnh miền núi phía Bắc, học sinh tiểu học miền núi ở đây có đặc điểm riêng về tâm lí, về giao tiếp nên việc giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em sẽ gặp nhiều khó khăn và mức độ đạt được sẽ không cao. Đa số các giáo viên đã nắm được những phương pháp dạy học nhưng chỉ mới dừng ở lí thuyết căn bản chứ chưa có kĩ năng thuần thục và giáo dục văn hóa giao tiếp cho các em . Cho nên chất lượng dạy học Tiếng Việt chưa đạt được kết quả như mong muốn

Môn Tiếng Việt đã được đưa vào giảng dạy trong bậc học đầu tiên của chương trình dạy học phổ thông, trở thành bộ môn quan trọng giúp các em hình thành và phát triển kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng mẹ đẻ. Nhưng trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học, nội dung các bài rèn luyện về giao tiếp ứng xử có văn hóa chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới phương pháp nhằm phát huy tính tính cực chủ động của người học. Cụ thể, đề tài đã đề cập đến các vấn đề:

- *Khai thác nội dung và lựa chọn các bài học phù hợp để tích hợp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc trong môn tiếng Việt.*

- Lựa chọn các bài học phù hợp để tích hợp giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc trong môn tiếng Việt.

- Quy trình tổ chức bài học có tích hợp nội dung giáo dục văn hóa giao tiếp trong môn Tiếng Việt cho học sinh tiểu học miền núi miền núi phía Bắc.

- Sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học tích cực để giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học miền núi phía Bắc.

Các biện pháp trên đã được kiểm nghiệm chứng minh trong thực tiễn dạy và học đối với giáo viên và học sinh trường của một số trường tiểu học ở một số tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt đã khẳng định được hiệu quả của quy trình và phương pháp dạy học tích cực, tác động tích cực đến chủ thể người học.

Từ lí luận về việc dạy học văn hóa giao tiếp và khảo sát thực trạng của việc dạy học giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh qua môn Tiếng Việt, các phương pháp dạy học để giáo dục văn hóa giao tiếp mà chúng tôi đề cập đến trong đề tài thể hiện mong muốn góp một phần nhỏ bé trong việc điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học về văn hóa giao tiếp cho học sinh tiểu học cũng như việc dạy và học của giáo viên và học sinh trong nhà trường tiểu học hiện nay.

2. Kiến nghị

Từ những kết luận nêu trên đề tài có kiến nghị sau:

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần sớm có quy định về chương trình giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh các cấp học, trong đó có cấp tiểu học. Đồng thời cần xác định những mục tiêu và những hướng dẫn cụ thể cho việc thực hiện giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh ở các vùng miền khác nhau, đặc biệt là học sinh tiểu học miền núi một số tỉnh phía Bắc Việt Nam. Các nhà trường chủ động lựa chọn hình thức tổ chức giáo dục văn hóa giao tiếp cho học sinh phù hợp với thực tiễn của nhà trường để từ đó có thể tiếp tục rèn luyện cho các em về giao tiếp có văn hóa, xứng đáng là con người mới phát triển, năng động, sáng tạo phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê A (2001), *Dạy tiếng Việt là dạy một hoạt động và bằng hoạt động, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4, tr 61 - 65*.
3. Báo Lao động ngày 25 tháng 04 năm 2010.
4. Hoàng Hòa Bình, Lê Minh Châu, Phan Thanh Hà, Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Hạnh, Trần Thị Hiền Lương, Nguyễn Tuyết Nga, Trần Thị Tố Oanh, Phạm Thị Thu Phương, Lưu Thu Thủy, Đào Vân Vi (2011), *Giáo dục kĩ năng sống trong các môn tiểu học* - lớp 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Hoàng Hòa Bình, Lê Minh Châu, Phan Thanh Hà, Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Hạnh, Trần Thị Hiền Lương, Nguyễn Tuyết Nga, Trần Thị Tố Oanh, Phạm Thị Thu Phương, Ngô Quang Quế, Lưu Thu Thủy, Đào Vân Vi (2011), *Giáo dục kĩ năng sống trong các môn tiểu học* - lớp 3, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Hoàng Hòa Bình, Lê Minh Châu, Phan Thanh Hà, Trần Hiền Lương, Bùi Phương Nga, Trần Thị Tố Oanh, Phạm Thị Thu Phương, Lương Việt Thái, Lưu Thu Thủy, Đào Vân Vi (2011), *Giáo dục kĩ năng sống trong các môn tiểu học - lớp 4*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Hoàng Hòa Bình, Lê Minh Châu, Phan Thanh Hà, Trần Hiền Lương, Bùi Phương Nga, Trần Thị Tố Oanh, Phạm Thị Thu Phương, Lương Việt Thái, Lưu Thu Thủy, Đào Vân Vi (2011), *Giáo dục kĩ năng sống trong các môn tiểu học - lớp 5*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và nghiên cứu phát triển con người Hàn Quốc, *Chương trình ngôn ngữ tiếng Hàn*, 2007.
9. Nguyễn Phương Chi (2005), *"Một số đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa ứng xử của hành vi từ chối trong tiếng Việt"*, Luận văn Thạc sĩ ĐHSP Hà Nội.

10. Đoàn Văn Chúc (1997), *Xã hội học Văn hóa*, Viện Văn hóa và NXB Văn hóa - Thông tin, tr 226.
11. Phan Phương Dung (2001), "*Về vấn đề dạy lời nói văn hóa trong giao tiếp ngôn ngữ cho học sinh qua môn Tiếng Việt*", Tạp chí Giáo dục, số 5.
12. Nguyễn Hữu Đạt (2009), *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp Tiếng Việt,* NXB Giáo dục Việt Nam, tr 80.
13. Đỗ Việt Hùng (2011), "*Định hướng giáo dục ngôn ngữ (từ góc độ văn hóa ngôn từ)"* Tạp chí Dạy và học ngày nay, số 1.
14. Vũ Thị Thanh Hương (2006), *Từ khái niệm năng lực giao tiếp đến vấn đề dạy và học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 4, tr 1-12.
15. Nguyễn Văn Khang (1996), Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
16. Đặng Thị Lanh (chủ biên), Hoàng Cao Cương, Trần Thị Minh Phương, Nguyễn Trí (2002), *Tiếng Việt 1, tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.
17. Đặng Thị Lanh (chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Hoàng Cao Cương, Trần Thị Minh Phương, Nguyễn Trí (2002), *Tiếng Việt 1, tập 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.
18. Trần Thị Hiền Lương (2009*), "Một số biện pháp nâng cao hiệu quả rèn kĩ năng nói cho học sinh tiểu học ở môn Tiếng Việt*", Đề tài NCKH, Viện KHGD Việt Nam.
19. Hồ Chí Minh: Toàn tập (2000), NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tập 3, tr 431)
20. Ngô Giang Nam (2013), *Giáo dục kĩ năng giao tiếp cho học sinh tiểu học nông thôn vùng núi phía Bắc*, Luận án Tiến sĩ ĐHTN.
21. Nguyễn Quang (2002), *Giao tiếp và giao tiếp giao văn hóa*, NXB ĐHQG Hà Nội.
22. Đặng Thị Lệ Tâm (2013), *Dạy học nghi thức lời nói cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt*, NXB Đại học Thái Nguyên.

23. Đặng Thị Lệ Tâm (2013), *Tích hợp dạy văn hóa ứng xử ngôn ngữ thông qua nội dung dạy học Nghi thức lời nói trong môn Tiếng Việt tiểu học*, Tạp chí Dạy và học ngày nay, số 6, tr 31-33.
24. Đặng Thị Lệ Tâm (2013), *Tích hợp dạy văn hóa ứng xử ngôn ngữ thông qua nội dung dạy học Nghi thức lời nói trong môn Tiếng Việt tiểu học*, Tạp chí Dạy và học ngày nay, số 6, tr 31-33.
25. Đặng Thị Lệ Tâm (2014), *Giáo dục văn hóa giao tiếp trong chương trình tiểu học một số nước trên thế giới và Việt Nam*, Hội thảo khoa học cán bộ trẻ các trường Sư phạm toàn quốc.
26. Tạ Thị Thanh Tâm (2006), *Nghi thức giao tiếp và một vài cách tiếp cận*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2+3.
27. Trần Ngọc Thêm(1996),*Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, tr 145.
28. Đỗ Ngọc Thống (2012), Chương trình dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, NXB Giáo dục.
29. Lưu Thu Thủy (1998), *Quy trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa với bạn cùng lứa tuổi cho học sinh lớp 4, lớp 5 trường tiểu học*, Luận án TS - Viện KHGD Việt Nam.
30. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Trần Mạnh Hưởng, Lê Phương Nga, Trần Hoàng Túy (2015), *Tiếng Việt 2, tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.
31. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Trại, Trần Hoàng Túy (2015), *Tiếng Việt 2, tập 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.
32. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Trần Mạnh Hưởng, Lê Thị Tuyết Mai, Trịnh Mạnh (2015), *Tiếng Việt 3, tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.
33. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Lê Ngọc Điệp, Lê Thị Tuyết Mai, Bùi Minh Toán, Nguyễn Trí (2015), *Tiếng Việt 3, tập 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.

34. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Hạnh, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán, Nguyễn Trại (2015), *Tiếng Việt 4, tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.
35. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Hoàng Cao Cương, Đỗ Việt Hùng, Trần Thị Minh Phương, Lê Hữu Tỉnh (2015), *Tiếng Việt 4, tập 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.
36. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Trần Mạnh Hưởng, Trần Thị Hiền Lương, Nguyễn Trí (2015), *Tiếng Việt 5, tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.
37. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Lê Kha, Đặng Thị Lanh, Lê Phương Nga, Lê Hữu Tỉnh (2015), *Tiếng Việt 5, tập 2*, NXB Giáo dục Việt Nam.
38. Nguyễn Như Ý (1990), *Vai xã hội và ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3.
39. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, tr 376.

Tiếng Anh

40. Asher R.E (1994), *The encyclopedia of language and linguistics, vol. 6 and vol. 7*, Pergamon press, Oxford-New York-Seoul-Tokyo.
41. Austin, J.L (1962), *How to Do Things with Words*, Oxford University Press.
42. Brown and G. Yule (1983), *Teaching the spoken language*, New york: Cambridge University Press.
43. John M. Murphy (1991), *Oral Communication in TESOL: Integrating Speaking, Listening and Pronunciation*, Teson quarterly, voi.25, no. 1 spring.
44. Krueger, Thomas (1997), *Oral Communication skills necessary for successful teaching*: The student's perspective, Educational Research Quarterly.

45. Nick Morgan (2010), *Oral Communication skills,* Harvard Business School Publishing Corporation.
46. Owen Hargie (2006), *Communication skills,* Rowley, MA: Newbury House.
47. Robert J. Marzano, (2007) "The art and science of teaching", Association for Supervision and Curriculum Development, Alexandria Virginia USA.
48. Schmidt, R. W., & Frota (1986), *Developing basic conversational ability in teaching the spoken language*, Rowley, MA: Newbury House.
49. Sherwyn Morreale, Rebecca B. Rubin, Elizabeth Jones (1998), *Speaking and listenning Competencies for College Students*, National Communication.

PHỤ LỤC

PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ NHẬN THỨC VỀ SỬ DỤNG VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH

Họ tên học sinh:……..Nam/nữ.....

Lớp…….Trường.....

Tỉnh (Thành phố).....

Đề nghị em vui lòng trả lời đúng, chân thực những câu hỏi dưới đây:

1. Khi gặp gỡ hoặc chia tay với bạn, em cần phải làm gì? Vì sao?

.....

2. Mỗi khi được bạn quan tâm giúp đỡ, em cần nói gì với bạn? Nói như vậy để làm gì?

.....

3. Mỗi khi làm điều gì phiền đến bạn (Ví dụ: làm bạn đau, làm hỏng đồ dùng của bạn, phải đi qua trước mặt bạn…), em cần nói gì với bạn? Nói như vậy để làm gì?

.....

4. Khi muốn sử dụng sách vở, đồ dùng của bạn hoặc muốn nhờ bạn giúp đỡ việc gì, em cần nói gì với bạn? Vì sao cần nói như vậy?

.....

5. Theo em, cần phải nói năng xưng hô với bạn như thế nào? Có nên nói tục, chửi bậy không? Vì sao?

.....

6. Cần làm gì khi bạn có chuyện vui hoặc buồn? Vì sao cần làm như vậy?

.....

7. Khi đồng ý hay từ chối bạn một việc gì, em dễ làm gì? Vì sao em làm như vậy?

.....

Xin cảm ơn em!

PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ HÀNH VI SỬ DỤNG VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH

Họ tên học sinh:……..Nam/nữ.....

Lớp……Trường.....

Tỉnh (Thành phố).....

Đề nghị em vui lòng trả lời đúng, chân thực những câu hỏi dưới đây. Với mỗi câu hỏi, em hãy đánh dấu (+) trước một trong ba trường hợp (a), (b), (c) nếu thấy đúng với em:

1. Khi gặp gỡ hoặc chia tay với bạn:

□ Em thường chào hỏi (hoặc nói lời tạm biệt) với bạn.

□ Có lúc em chào hỏi (hoặc nói lời tạm biệt) với bạn, có lúc không.

□ Em không bao giờ chào hỏi (hoặc nói lời tạm biệt) với bạn.

2. Mỗi khi được bạn quan tâm, giúp đỡ:

□ Em thường cảm ơn bạn.

□ Có lúc em cảm ơn, có lúc không.

□ Em chưa bao giờ cảm ơn bạn.

3. Mỗi khi làm điều gì phiền đến bạn (Ví dụ: làm bạn đau, làm hỏng đồ dùng của bạn, phải đi qua trước mặt bạn…):

□ Em xin lỗi bạn.

□ Có lúc em xin lỗi, có lúc không.

□ Em chưa bao giờ xin lỗi bạn.

4. Khi muốn sử dụng sách vở, đồ dùng của bạn hoặc muốn nhờ bạn giúp đỡ việc gì, em thường nói lời đề nghị "Bạn làm ơn…", "Nhờ bạn", "Cho mình mượn…" hoặc lời tương tự:

□ Em thường xuyên nói lời đề nghị với bạn.

□ Có lúc nói lời đề nghị với bạn, có lúc không.

□ Em thương không nói gì

5. Khi trò chuyện với bạn:

□ Em không bao giờ nói tục chửi bậy.

□ Có lúc em nói, có lúc không.

□ Em vẫn còn nói tục chửi bậy.

6. Mỗi khi bạn có chuyện vui hoặc buồn:

□ Em thường hỏi thăm, chúc mừng (hoặc an ủi, chia buồn) với bạn.

□ Có lúc em hỏi thăm, chúc mừng (hoặc an ủi, chia buồn), có lúc không.

□ Em chưa bao giờ hỏi thăm, chúc mừng (hoặc an ủi, chia buồn) bạn.

7. Khi đồng ý hay từ chối bạn một việc gì:

□ Em thường dùng lời nói để diễn tả sự đồng ý hoặc từ chối.

□ Có lúc em dùng lời nói, có lúc dùng hành động (gật, lắc đầu, xua tay…).

□ Em không nói gì.

Xin cảm ơn em!

PHIẾU ĐIỀU TRA

Họ và tên giáo viên:…… ……..

Hiện đang dạy lớp:……

Trường tiểu học:……

Huyện (TP)……Tỉnh...……

Số năm trực tiếp giảng dạy:……

Xin đồng chí vui lòng cho biết một số ý kiến của mình về vấn đề GDVHGT cho HSTH bằng cách đánh dấu X vào ô □ mà mình chọn hoặc viết vào phần để trống:

1.Quan điểm của đồng chí về vị trí, vai trò của việc GDVHGT trong nhà trường tiểu học hiện nay như thế nào?

□ Rất quan trọng

□ Quan trọng

□ Bình thường

□ Không quan trọng

2. Đồng chí có thích dạy học nội dung GDVHGT hay không?

□ Rất thích

□ Thích

□ Bình thường

□ Không thích

3. Lí do nào sau đây khiến đồng chí thích dạy nội dung GDVHGT?

□ Nội dung dạy học mới so với các chương trình trước.

□ Phù hợp với thực tiễn nói năng của học sinh

□ Học sinh hứng thú với nội dung dạy học

□ Giáo viên được linh hoạt trong giảng dạy

□ Không phải đầu tư kiến thức và phương pháp nhiều

□ Không phải chuẩn bị đồ dùng dạy học nhiều

4. Theo đồng chí, lượng thời gian dành cho dạy học về GDVHGT ở tiểu học là:

□ Ít

□ Nhiều

□ Đủ

5. Đồng chí đã sử dụng những phương pháp dạy học nào sau đây để dạy học về GDVHGT và mức độ sử dụng các phương pháp dạy học đó như thế nào?

Các PPDH	**Mức độ sử dụng**		
	Thường xuyên	**Bình thường**	**Thỉnh thoảng**
1.Phương pháp vấn đáp, gợi mở □			
2. Phương pháp luyện tập theo mẫu □			
3. Phương pháp phân tích tình huống □			
4. Phương pháp thực hành giao tiếp □			
5. Phương pháp đóng vai □			
6. Phương pháp thảo luận nhóm □			
……..			

6. Đồng chí thường chuẩn bị những gì khi dạy học về GDVHGT cho HS?

□ Chỉ chọn một số câu hỏi hoặc những gợi ý trong sách giáo viên.

□ Dự kiến trước câu trả lời của học sinh

□ Yêu cầu học sinh chuẩn bị bài trước

□ Làm phiếu bài tập

□ Chuẩn bị tranh và các phương tiện dạy học

□ Chia nhóm

□ Dự kiến chia nhóm/ tổ chức thực hành cho một số tình huống phù hợp

□ Nghiên cứu các tài liệu khác SGV khi soạn giáo án

7. Đồng chí thường gặp khó khăn gì khi dạy học GDVHGT cho học sinh?

□ Hiểu biết về lí thuyết giao tiếp còn hạn chế

□ Chưa nắm vững phương pháp dạy học về các kiểu bài rèn luyện về giao tiếp có văn hóa

□ Học sinh lúng túng khi thực hành rèn luyện về giao tiếp có văn hóa

□ Các tài liệu hướng dẫn giảng dạy ít

□ Không gặp khó khăn gì

8. Đồng chí đánh giá như thế nào về tác dụng của bài tập rèn luyện giao tiếp có văn hóa trong dạy học môn Tiếng Việt?

□ Giúp học sinh hiểu bài nhanh

□ Kĩ năng giao tiếp có văn hóa

□ Mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp

□ Phát huy được tính tích cực trong học tập

□ Không gặp khó khăn gì

9. Theo đồng chí, căn cứ vào đặc điểm tâm lí học sinh, giáo viên có cần định ra các tình huống dạy học GDVHGT riêng cho học sinh miền núi hay không?

□ Cần thiết

□ Không cần thiết

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM

Chiếc áo len - Tiết 1

(Tiếng Việt 3- tuần 3)

I. Mục đích, yêu cầu

- Nắm được sự việc chính trong từng đoạn. Nắm được ý nghĩa câu chuyện: anh, chị em phải biết quan tâm, thông cảm với nhau, nhường nhịn nhau, thương yêu nhau.
- Giao tiếp ứng xử có văn hóa; xác định giá trị bản thân là biết đem lại lợi ích, niềm vui cho người khác thì mình cũng có niềm vui; kiểm soát cảm xúc, hành vi của bản thân để tránh thái độ ứng xử ích kỉ.

II. Đồ dùng dạy học

-Tranh minh họa bài học trong SGK.

- Tranh minh họa từng đoạn của câu chuyện.
- Bảng phụ để ghi chép một số đoạn trong bài có câu đối thoại.
- Vở bài tập có các bài tập đọc hiểu.

III. Các hoạt động dạy học

1. Kiểm tra bài cũ

2. Dạy bài mới:

Bước 1: Khám phá

- Dùng tranh trong SGK để giới thiệu: GV hỏi Có ai trong những bức tranh? Có những ai đang trò chuyện? Đoán xem hai người đang nói với nhau về điều gì?
- HS trả lời: Trong tranh có ba mẹ con. Mẹ và con trai đang trò chuyện. Hai mẹ con nói về chiếc áo của con trai.
- HS động não và phát biểu - trình bày một phút: Bài văn này là câu chuyện về chiếc áo ấm của hai anh em / Bài văn này nói về chuyện anh nhường cho em áo đẹp.

Bước 2: Nhận biết kiến thức, kĩ năng bài học

Tập đọc

b.1. Luyện đọc trơn

- GV đọc cả bài với giọng đọc nhẹ nhàng, phù hợp với ý nghĩ, tình cảm, thái độ của từng nhân vật: Lời mẹ âu yếm, bối rối, lời Lan nũng nịu, lời Tuấn cương quyết.
- Học sinh nối tiếp nhau đọc từng câu hoặc cứ hai học sinh đọc nối tiếp nhau một đoạn.
- Luyện đọc các từ phát âm chưa đúng.
- Giải nghĩa một số từ trong bài.
- Luyện đọc từng đoạn

+ Học sinh đọc từng đoạn nối tiếp nhau trong nhóm nhỏ, sửa lỗi phát âm và lỗi ngắt hơi chưa đúng cho nhau.

+ Đọc phân vai theo nhóm nhỏ 3 người (theo bảng phụ): vai người kể, vai mẹ và vai Lan trong đoạn 2, đoạn 3 thể hiện phân biệt lời nhân vật và lời kể qua giọng đọc.

+ Từng học sinh đọc 2 đoạn liên tiếp.

+ Thi đọc đoạn nối tiếp nhau cho đến hết bài giữa các nhóm. GV hướng dẫn học sinh các tiêu chuẩn để đánh giá bài đọc của bạn: đọc to rõ, tốc độ vừa phải, không bỏ sót từ, không vấp, giọng đọc lời của các nhân vật trong đối thoại có sự phân biệt, đọc tiếp nối đúng giữa các đoạn. Sau đó học sinh đưa ra lời nhận xét về bài đọc của từng nhóm và chọn ra nhóm đọc tốt nhất để khen.

b.2. Luyện đọc - hiểu

- Từng học sinh đọc thầm đoạn 1, sau đó nói về vẻ đẹp của chiếc áo len của bạn Hòa.
- Từng nhóm HS đọc thầm đoạn 2 rồi từng cặp HS trao đổi làm bài tập đọc hiểu tương đương câu hỏi SGK - suy nghĩ, thảo luận - thảo luận cặp đôi, chia sẻ.

Ví dụ:

Ý kiến của cặp thứ nhất: Lan dỗi mẹ vì mẹ không muốn mua áo đẹp cho Lan.

Ý kiến của cặp thứ hai: Lan dỗi mẹ vì mẹ đã chê chiếc áo len của bạn Hòa đắt.

Ý kiến của cặp thứ ba: Lan dỗi mẹ vì Lan thấy mẹ không thương mình.

Ý kiến của cặp thứ tư: Lan dỗi mẹ vì mẹ không có đủ tiền để mẹ mua áo đẹp cho Lan.

GV chốt lại ý kiến đúng: Lan dỗi mẹ vì mẹ nói chiếc áo của Hòa đắt, mẹ không đủ tiền để mua cho Lan chiếc áo như thế.

-Từng nhóm HS đọc thầm đoạn 3 rồi sau đó làm bài tập đọc hiểu tương đương câu hỏi SGK - suy nghĩ, thảo luận - thảo luận, chia sẻ.

Ví dụ:

Ý kiến của nhóm thứ nhất: Con khỏe lắm mẹ ạ. Con sẽ mặc thêm nhiều áo cũ ở bên trong. Mẹ dành tiền mua áo cho Lan đi. Con không cần thêm áo đâu.

Ý kiến của nhóm thứ hai: Mẹ dành tiền mua áo cho Lan đi. Con không cần thêm áo đâu.

Ý kiến của nhóm thứ ba: Mẹ dành hết tiền mua áo đẹp cho em Lan đi. Con không cần thêm áo đâu. Con mặc thêm nhiều áo cũ ở bên trong cũng đủ ấm mẹ ạ

GV chốt lại ý kiến đúng: Mẹ dồn tiền mua áo cho em Lan, con khỏe, không cần thêm áo, chỉ mặc áo cũ bên trong cũng đủ.

- HS trong nhóm trao đổi để làm rõ những điều anh Tuấn nói với mẹ thể hiện anh có đức tính gì - thảo luận - chia sẻ.

Ví dụ:

Ý kiến 1: Thương em, thương mẹ

Ý kiến 2: Chiều em, nhường em

Ý kiến 3: Thông cảm với mong muốn của em

Ý kiến 4: Dễ dãi, dễ bỏ qua cho em

GV chốt lại ý kiến đúng: nhường nhịn em, cảm thông với mong muốn của em, thương mẹ.

- Từng nhóm HS đọc thầm đoạn 4, sau đó làm bài tập đọc hiểu tương đương câu hỏi SGK - suy nghĩ, thảo luận, động não theo nhóm

Ví dụ:

Ý kiến 1: Lan ân hận vì mình đã trách mẹ.

Ý kiến 2: Lan ân hận vì mình đã không thương anh Tuấn.

Ý kiến 3: Lan ân hận vì đã làm mẹ buồn.

Ý kiến 4: Lan ân hận vì nhận ra mình đã ích kỉ, không biết nghĩ đến người khác.

GV chốt lại ý kiến đúng: Lan ân hận và Lan đã nhận ra mình đã ích kỉ, không quan tâm đến anh, không biết thông cảm với mẹ.

- Từng nhóm HS thảo luận để tìm tên khác đặt cho câu chuyện (thảo luận chia sẻ)
- GV gợi ý: Có thể dựa vào các nhân vật để đặt tên, có thể dựa vào ý nghĩa câu chuyện để đặt tên.

Luyện đọc lại

Hai học sinh đọc nối tiếp nhau cả bài, nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện nội dung quan trọng. GV sửa lỗi đọc trơn và lỗi phân biệt giọng đọc của người kể với giọng đọc các nhân vật.

Bước 3: Thực hành tình huống mới

GV cho câu hỏi: Có khi nào em đòi ba mẹ mua cho những thứ đắt tiền mà bố mẹ phải lo lắng không? Có khi nào em dỗi một cách vô lí không? Sau đó em có nhận ra mình sai và xin lỗi không?

- Học sinh thảo luận chia sẻ.
- GV cùng cả lớp đánh giá, kết luận.

Nhắc học sinh: Các em tuổi còn nhỏ không nên đòi ba mẹ mua cho những thứ đắt tiền, không nên dỗi một cách vô lí; khi nhận ra mình sai nên xin lỗi với thái độ nhún nhường, biết hối lỗi.

Bước 4: Vận dụng, củng cố bài

- GV cho câu hỏi: *Câu chuyện cho em biết anh em nên xử sự với nhau như thế nào?*
- HS thảo luận chia sẻ.

GV chốt lại ý kiến đúng: Anh em cần quan tâm đến nhau, thương yêu nhau, nhường nhịn nhau.

- Chuẩn bị bài mới.

BÀI KIỂM TRA
(Dùng sau tiết thực nghiệm dạy học Chiếc áo len)

Bài tập 1:

Em chọn tên nào đặt cho câu chuyện? Vì sao?

a. Hai anh em

b. Người anh trai tốt bụng

c. Làm anh

d. Nỗi ân hận của em gái

Bài tập 2:

Em hãy nói lời phù hợp với tình huống sau:

a. Trời lạnh nhưng em muốn nhường áo rét cũ cho những bạn nghèo ở lớp không có áo rét mặc.

b. Bố mẹ em không có nhiều tiền nhưng vẫn cố gắng cho tiền để em mua áo rét mới, em sẽ nói như thế nào để từ chối?

c. Khi em ân hận vì bỏ nhà đi chơi đã làm cho bố mẹ buồn, em sẽ nói như thế nào để xin lỗi bố mẹ?

d. Giận dỗi mẹ như bạn Lan trong truyện có được không?

Bài tập 3: Cho đoạn truyện sau:

Khổng Dung là một học giả nổi tiếng đời Đông Hán. Vào năm Khổng Dung bốn tuổi, bạn bè của cha ông đem đến tặng cho gia đình một giỏ lê. Khi người cha bưng mâm lê lên chưa đến bàn, thì năm người anh chạy ùa tới. Đầu tiên người anh cả thò tay vô mâm chộp lấy một quả lê lớn, tức thì bỏ vô miệng cắn đầy họng. Người thứ hai, thừ ba, thứ tư và thứ năm, theo đó cũng không chịu lép, xúm nhau giành lấy trái ngon, trái lớn, cãi nhau inh ỏi, làm loạn cả lên.

Lúc này, chỉ có Khổng Dung làm thinh đứng một bên, ông chờ các anh lấy xong mới chậm rãi bước tới, từ từ chọn lấy một trái lê nhỏ nhất. Người cha hấy vậy bèn hỏi Khổng Dung: "Dung nhi, vì sao con lấy trái lê nhỏ nhất ấy?" Khổng Dung hồn nhiên đáp:" Vì tuổi con nhỏ nhất, cho nên phải lấy trái nhỏ nhất."

a.Vì sao Khổng Dung nhặt lấy trái lê nhỏ nhất?

b. Khổng Dung có đức tính tốt gì để cho chúng ta học tập?

GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM

Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị

(Tiếng Việt 4- tuần 29)

I. Mục đích, yêu cầu

- Hiểu thế nào là lời yêu cầu, đề nghị lịch sự.
- Bước đầu biết nói lời yêu cầu, đề nghị lịch sự; phân biệt được lời yêu cầu, đề nghị lịch sự và lời yêu cầu, đề nghị không giữ được phép lịch sự.
- Bước đầu đặt được câu khiến phù hợp với một tình huống giao tiếp trong đời sống hàng ngày.
- Giao tiếp ứng xử thể hiện sự cảm thông; lắng nghe bày tỏ suy nghĩ, đặt mục tiêu mà chúng ta muốn đạt tới.

II. Đồ dùng dạy học

- Một số tờ giấy khổ lớn để HS làm bài tập.
- Bảng phụ viết sẵn hai câu:

+ Bơm cho cái bánh trước.

+ Bác ơi, cho cháu mượn cái bơm.

III. Các hoạt động dạy học

1. Kiểm tra bài cũ

2. Dạy bài mới:

Bước 1: Khám phá

- GV nêu câu hỏi để HS phát biểu ý kiến: giả sử chiếc xe đạp của em bị xịt lốp, em phải vào quán sửa xe để bơm xe, em sẽ nói thế nào với người chủ quán?
- HS trả lời: Bác ơi, bác cho cháu mượn cái bơm nhé.
- GV khen ngợi các em phát biểu ý kiến chia sẻ.

Bước 2: Nhận biết kiến thức, kĩ năng bài học

GV nêu yêu cầu: Các em hãy đọc mẩu chuyện ở phần Nhận xét để xem hai bạn nhỏ đã nói lời đề nghị có gì khác nhau.

- Một HS đọc mẩu chuyện trước lớp, một HS đọc các yêu cầu 2, 3, 4.
- GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp để thực hiện lần lượt các yêu cầu.
- Sau khi HS trao đổi xong, GV lần lượt nêu yêu cầu 2 và 3 trong SGK để đại diện một vài cặp trả lời.
- GV mở bảng phụ đã viết sẵn lời đề nghị của 2 bạn nhỏ trong mẩu chuyện và chốt lại.

+ Cùng là lời nói đề nghị bác chủ quán bơm xe cho mình hoặc cho mình mượn cái bơm nhưng hai bạn nhỏ có cách nói khác nhau.

+ Cách nói của bạn Hoa thể hiện sự lễ phép khi nói với người trên và thể hiện được phép lịch sự khi nói lời đề nghị. Lời yêu cầu, đề nghị của bạn Hoa với bác Hai chữa xe đạp thể hiện thái độ kính trọng của người dưới đối với người trên. Hoa đã gọi "bác" xưng "cháu" và chào hỏi, đề nghị rất lễ độ "Cháu chào bác Hai ạ! Bác ơi cho cháu mượn cái bơm nhé"…

+ Cách nói của bạn Hùng chưa lễ phép, chưa lịch sự. Lời yêu cầu, đề nghị của Hùng cộc lốc, xấc xược, thể hiện thái độ thiếu tôn trọng với người trên.

- GV hỏi: Theo em, như thế nào là lịch sự khi yêu cầu, đề nghị?
- HS trao đổi theo cặp, GV mời nhiều cặp phát biểu.
- GV yêu cầu một HS đọc ghi nhớ trong SGK trước lớp, cả lớp đọc thầm.
- GV yêu cầu HS thuộc phần Ghi nhớ.

Bước 3: Thực hành tình huống mới

- Trong hoạt động thực hành của tiết học, GV đưa ra một vài tình huống mới cho HS tập nói lời yêu cầu, đề nghị lịch sự

+ Em bị ốm muốn xin cô giáo nghỉ học buổi sáng thứ hai.

+ Em muốn xin bố mẹ đi chơi cùng các bạn.

+ Em không có xe đạp muốn đi nhờ bạn về.

Học sinh thảo luận chia sẻ.

- GV cùng cả lớp đánh giá, kết luận.

Bước 4: Vận dụng, củng cố bài

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh về nhà thực hành:

+ Xây dựng tình huống nói lời yêu cầu, đề nghị lịch sự; xây dựng các nhân vật nói lời yêu cầu hay đề nghị lịch sự.

+ Nói lời yêu cầu, đề nghị lịch sự với các bạn trong lớp em.

- Chuẩn bị bài mới.

BÀI KIỂM TRA

(Dùng sau tiết thực nghiệm dạy học Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị)

Bài tập 1: Em hãy nối mỗi lời yêu cầu, đề nghị ở cột phải với một tình huống ở cột trái cho phù hợp:

Tình huống	Lời cần nói
1. Em muốn xin bố mẹ tiền mua cái áo mới	a.Bác làm ơn cho cháu trú mưa ở đây một lúc ạ.
2.Trời mưa, em muốn trú mưa ở một quán ăn.	b. Bố mẹ cho con tiền để con mua một chiếc áo mới, được không ạ?
3.Em muốn chiều học xong bố đến đón em.	c.Anh sửa giúp em cái máy tính này với.
4.Em muốn nhờ anh hàng xóm sửa giúp cái máy tính.	d.Chiều học xong bố đến đón con nhé.

Bài tập 2: Em hãy nói lời phù hợp với các tình huống sau:

Tình huống	Lời cần nói
1.Trong giờ học, một bạn nam lấy bút viết vào áo em. Em đề nghị bạn không được viết lên áo.	
2.Em bị ốm trên lớp, em sẽ nói như thế nào để bạn đưa em xuống phòng y tế.	
3.Giờ toán, em không mang thước kẻ, em muốn mượn thước của bạn để kẻ bảng.	
4.Khi muốn hỏi giờ bác bảo vệ, em sẽ hỏi như thế nào	

Bài tập 3: Em muốn mượn bạn em quyển vở. Em sẽ chọn cách nói nào:

a) Cho mượn quyển vở

b) Hương ơi, cho tớ mượn quyển vở!

c) Hương ơi, cậu có thể cho tớ mượn quyển vở được không?

Bài tập 4: Tìm câu khiến trong đoạn trích sau:

Một anh chiến sĩ đến nâng con cá lên hai bàn tay nói nựng: "Có đau không, chú mình? Lần sau, khi nhảy múa phải chú ý nhé ! Đừng có nhảy lên boong tàu !"